

F O R U M

Bầu, bán 96

Nguyễn Lộc

Một mùa bầu cử lớn nữa của Mỹ vừa đi qua. Một mùa bầu cử mà riêng việc chọn tổng thống bị xem là vẫn tốn tiền nhưng lại thiếu hào hứng (tức không đủ hấp dẫn để lên Ti Vi nhiều như các hãng ABC, CBS, NBC, CNN ước ao)...

Người thiên về lối “nghĩ tích cực” (positive thinking) coi cuộc tranh cử lần này là văn minh, lịch sự vì mục các ứng cử viên đối thủ bôi tro trát trấu nhau xem ra có được cắt giảm khá nhiều. Vũ khí còn lại chỉ đủ cho những kiểu nói ám chỉ ... lịch sự. Ông ứng cử viên già tự đề cập đến tuổi tác qua cái sự nghiệp chính trị dài hơi của mình. Ông nói về binh nghiệp và chiến thương của mình thời Thế chiến thứ 2 để nhắc chuyện đối thủ, đương kim tổng thống, của ông tránh chuyện tông quân nhập ngũ đầy tính chất yêu nước để sang Việt Nam đánh nhau. Khi ông già nói “Hãy tin tôi”, thông điệp lịch sự gói bên trong là: “Có một anh chàng không ai tin được”. Ông trẻ thì lại ví von với hình tượng chiếc cầu dẫn tới thế kỷ 21, ông nhắc khéo cử tri rằng cụ đối thủ quá tuổi cổ lai hi của mình chỉ là chiếc cầu ọp ẹp dẫn về quá khứ xa xôi mịt mờ nào đó. Ông nói, ông không nghĩ là đối thủ ông già về tuổi tác, ông chỉ ngại về cái già cỗi trong cách nghĩ của ông kia thôi. Chỉ bắn cầu vồng nhau vậy thôi. Vẫn ác, và vẫn lịch sự.

(xem tiếp trang 11)



Gauguin, *Le Cheval Blanc*, sơn dầu, 1898

mục lục

- 2 Bạn đọc và Diễn Đàn

Thời sự, những vấn đề

- 1 Bầu, bán 96
4 Tin tức
13 FAO và nạn đói
14 Đầu tư nước ngoài, tăng trưởng và phát triển

Nguyễn Lộc

Nguyễn Quang

Lê Văn Cường

Văn hoá, khoa học, nghệ thuật

- 18 Một “bản sắc cây đa”
19 Đọc sách của Trịnh Văn Thảo (*l'Ecole Française en Indochine*)
và của Raymond Aubrac (*Où la mémoire s'attarde*)
22 Thăng giặc Tề ? Thăng đặc trai ?
25 Màu sắc trong hội hoạ hiện đại
28 Dạ ký

René Depestre (Hàn Thuỷ dịch)

Nguyễn Thắng

Đặng Tiến

Nguyễn Dư

Văn Ngọc

Phùng Cung

MAISON DES ARTS EUROPE ASIE

20 rue Greneta 75002 PARIS Tel/fax 01 42 33 40 30
ouvert du mardi au samedi de 10h30 à 19h30
le dimanche et le lundi de 15h30 à 19h00
Métro : Réaumur-Sébastopol

PROGRAMME DE DÉCEMBRE 96 ET DE JANVIER 97 « Mois du Vietnam »

EXPOSITION

ARTS PLASTIQUES : « Parcours Nocturne »,

installation de peintures et de sculptures de

Christine Jean

Truong Tân

Ly Truc Son

Bruno Tanquerel

Matthias Gaillagüe

Trần Trọng Vu

du 30 novembre 96 au 31 janvier 97

ARTS ARTISANAUX :

« Objets d'art ou objets du quotidien ? »,

exposition permanente (céramique, bois laqué, bambou...)

CINÉMA

CINÉMA DU DIMANCHE

Tous les dimanches à 17h : cycle de 11 films vietnamiens.
Premier film : *Em bé Hà Nội (Une enfant de Hanoi)* de Hai Ninh (1974). VO, trad. simultanée en français : dimanche 8 décembre 96. VO, sans traduction : dimanche 26 janvier 97.

LIVRES

Rencontre autour de *DES FANTOMES ET DES HOMMES* et de *LE HEROS QUI PISSAIT DANS SON FROC* (Ed. de l'Aube), avec les traducteurs **Vu Thi Ngân, Phan Thế Hồng, Jannine Gillon** : samedi 7 janvier 97, à 16 h 30.

Centre Culturel Franco-Vietnamien

24, rue des Ecoles, 75005 PARIS, ☎ 43 29 60 89
(ouvert tous les jours, sauf dimanche et lundi)

programme de décembre 1996

EXPOSITION DE PEINTURE

MEKONG 97, art contemporain vietnamien

ĐỔ CHUNG

du 6 au 31 décembre

vernissage : Vendredi 6 décembre à 18 h

RENCONTRE POÉTIQUE

Claude MICOSKI dit Stéphane MALLARME

INTERMEDES MUSICAUX DE Quỳnh Hạnh (cithare)

Vendredi 6 décembre à 20 h

RÉCITAL DE CHANSONS

Đoàn ca nhạc PHƯƠNG NAM (Hố Chi Minh Ville)

Samedi 14 décembre à 20 h 30

THÉ DANSANT

Dimanche 8 décembre, à 15 h

VENTE DE NOËL

Dimanche 1er décembre

Dimanche 15 décembre

de 10 h à 18 h.

Bạn đọc viết cho chúng tôi

Thứ tự ưu tiên nào cho Diễn Đàn

trong tình hình mới ?

Tham gia phong trào Việt kiều ở Úc, và là độc giả nhiều năm của Đoàn Kết và sau này là *Diễn Đàn*, tôi có vài suy nghĩ muốn chia sẻ với ban biên tập *Diễn Đàn*.

Trong những năm cuối của thập niên 80, Việt Nam khủng hoảng về cơ cấu kinh tế, chính trị và xã hội ; chính các nhà lãnh đạo cũng cho rằng đất nước đứng trước bờ vực thẳm. Trong thời điểm đó, đổi mới là vấn đề cấp bách và thức thời. *Diễn Đàn* đã chọn con đường đổi mới về phát triển và tư duy chọn hướng đi theo hệ thống mở : mở về kinh tế thị trường, dân chủ hoá xã hội, văn hoá và chính trị.

Diễn Đàn và nhiều anh chị em trong phong trào Việt kiều đã trải qua những giai đoạn đổi mới về suy nghĩ và định hướng trong gần 10 năm qua, góp phần phê bình, thông tin về những sai lầm nguy hại trong quá khứ, nhất là trong thời kỳ trước năm 87. Những hoạt động trên ít nhất cũng đóng góp vào sự thành lập một chính phủ quyết tâm thay đổi, nhất là kinh tế mở rộng và thoáng hơn trong các lãnh vực xã hội, văn hoá, phần nào cho phép nhiều ý kiến khác nhau phê bình và xây dựng trong nhiều lãnh vực. Cho đến nay, đó là những bước tiến đáng kể mặc dầu trước đây tôi và một số bạn cho rằng chưa đủ. Điều này, trong mấy năm qua, dẫn đến sự đòi hỏi dân chủ hoá mạnh mẽ hơn trong đời sống xã hội, chính trị, song song với cải tổ và phát triển kinh tế.

Triển lãm tranh

PHAN NGUYỄN

Fractus II

tại Péan Studio, 47 rue Mont Blanc,
77176 SAVIGNY-LE-TEMPLE, Tél : 01 60 63 30 57
từ ngày 10.11 đến ngày 10.12.96 (14g-20g)
(chủ nhật xin hẹn trước)

sách mới Chúng tôi đã nhận được *Tuyển tập tranh và tiểu luận của Thái Tuấn*, do nhà xuất bản VAALA (11022 Acacia Parkway, Garden Grove, CA 92840, USA) gửi tặng. Sách in rất đẹp và trang nhã. Xin thành thực cảm ơn nhà xuất bản và tác giả và xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc.

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG

opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres
Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables.

Heures d'ouverture : matin 9 h 30 à 13 h 30

après-midi 14 h 30 à 19 h 00

(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél : 45 66 93 27
Métro : Cambonne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

Theo ý tôi, trước tình hình mới đó, nên xem xét lại *thứ tự ưu tiên* của nội dung tờ báo. Nói thế không có nghĩa là quên hẳn những vấn đề cơ bản như xây dựng xã hội công dân, dân chủ hoá xã hội. Song, ưu tiên nên hướng vào việc giúp Việt Nam dễ dàng hoà nhập vào các tổ chức thế giới và khu vực, đào tạo các chuyên viên, chuyên gia mới. Trình bày những ý kiến về trẻ trung hoá tầng lớp chuyên viên cán bộ có khả năng với một Việt Nam đang phát triển. Những chiến thuật về phát triển hạ tầng cơ sở, giáo dục cho một thế hệ mới để tiếp tục phát triển khi Việt Nam đã qua giai đoạn gia công lao động như hiện nay để tích lũy vốn cho những công nghệ cao hơn. Đưa ra những thay đổi về cơ cấu, dân ý, dân chủ trong các hoạt động trước hết là trong phương diện quản lý, hành chính và sau này, chính trị, nếu không trái với sự ổn định mà đất nước và dân chúng cần có trong một thời gian dài để phát triển đời sống.

Nói tóm lại, thứ tự ưu tiên của *Diễn Đàn* không nên còn là thông điệp dân chủ ở hàng đầu nữa, mà là đóng góp giúp Việt Nam hoà nhập về kinh tế, văn hoá và tổ chức chính trị vào cộng đồng thế giới để trở thành một quốc gia bình thường như các nước trong vùng. Hy vọng sau này sẽ có triển vọng bắt kịp và có thể vượt hơn. Điều này sẽ dẫn đến một tình hình mới, thuận lợi hơn để đặt ra những ưu tiên kế tiếp.

Nguyễn Đ. Hiệp (Sydney, Úc)

Thành thật cảm ơn anh đã bỏ thời giờ và thẳng thắn góp ý kiến về phương hướng tờ báo cho giai đoạn hiện nay. Ý kiến của anh và của những bạn đọc khác đã giúp ban biên tập đi sâu hơn vào các vấn đề đang thảo luận. Chúng tôi mong tiếp tục nhận được thêm nhiều ý kiến, làm cho cuộc thảo luận phong phú hơn nữa. *Diễn Đàn* sẽ lần lượt trích đăng những ý kiến tiêu biểu và sẽ trình bày những suy nghĩ của ban biên tập về phương hướng tương lai của tờ báo.

Tin buồn

Chúng tôi được tin

Bà **Đỗ Văn Thái**, nữ danh **Nguyễn Thị Tuyết** đã từ trần ngày 6.11.96 tại bệnh viện Saint-Julien (tỉnh Ain, Pháp). Lễ cầu siêu đã cử hành ngày 9.11 tại Ferney-Voltaire.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng hai bạn **Tuyết Khanh & Tiến** và toàn thể tang quyến.

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Lê Văn Cường, Nguyễn Ngọc Giao, Trần Hải Hạc, Bùi Mộng Hùng.

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Văn, Hoà Văn

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo :
1/8 trang : 180 F
1/4 trang : 300 F
1/2 trang : 550 F
1 trang : 1000 F

(giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %)

Đăng liên tiếp nhiều số báo

lần thứ hai : bớt 10 %

từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên

Địa chỉ

Điện thoại :

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và *séc* (hoặc *money order*) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 65 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (xem trên).

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi *money order* 65 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (xem trên).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : 300 000 zloti / năm, séc đề tên Anna Le Duc, tài khoản XO/PBP Warszawa, 1603-179360-170-4 Warszawa (for Forum), hoặc chuyển tiền qua bưu điện đến địa chỉ : Anna Le Duc, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bull. de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

DIEN DAN - FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : BLZ 752 500 00)

Thành phần chính phủ

Ngày 6.11.1996, Quốc hội Việt Nam đã thông qua thành phần Hội đồng Chính phủ như sau :

Thủ tướng :	Võ Văn Kiệt
Phó thủ tướng :	Phan Văn Khải Nguyễn Khánh ⁽¹⁾ Trần Đức Lương
Quốc phòng :	Đoàn Khuê
Nội vụ :	Lê Minh Hương ^(*) (2)
Ngoại giao :	Nguyễn Mạnh Cầm
Tư pháp :	Nguyễn Đình Lộc
Tài chính :	Nguyễn Sinh Hùng ^(*)
Khoa học, Công nghệ và Môi trường :	Phạm Gia Khiêm ^(*)
Lao động, thương binh và xã hội :	Trần Đình Hoan
Giáo dục và đào tạo :	Trần Hồng Quân
Y tế :	Đỗ Nguyên Phương
Văn hoá - thông tin :	Nguyễn Khoa Diễm ^(*)
Xây dựng :	Ngô Xuân Lộc
Giao thông - vận tải :	Lê Ngọc Hoàn ⁽³⁾
Nông nghiệp và phát triển nông thôn :	Nguyễn Công Tạn
Công nghiệp :	Đặng Vũ Chư
Kế hoạch - đầu tư :	Trần Xuân Giá ^(*)
Thương mại :	Lê Văn Triết
Thủy sản :	Tạ Quang Ngọc ^(*)

Các cơ quan ngang bộ và các cơ quan trực thuộc chính phủ :

Bộ trưởng, chủ nhiệm	
Ủy ban dân tộc và miền núi :	Hoàng Đức Nghi
Tổng thanh tra Nhà nước :	Tạ Hữu Thanh
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam :	Cao Sĩ Kiêm
Bộ trưởng, trưởng ban tổ chức & cán bộ chính phủ :	Đỗ Quang Trung ^(*)
Bộ trưởng, chủ nhiệm văn phòng chính phủ :	Lại Văn Cử ^(*)
Bộ trưởng, thường trực ban chỉ đạo chống tham nhũng và buôn lậu :	(chưa có)
Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban sông Mê Kông của Việt Nam :	Nguyễn Cảnh Dinh
Bộ trưởng phụ trách công tác thanh niên và thể thao :	Hà Quang Dự
Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban dân số và kế hoạch hoá gia đình :	Mai Kỳ
Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em :	Trần Thị Thanh Thanh
Bộ trưởng, chủ tịch hội đồng Thẩm định nhà nước về các dự án quốc gia :	(chưa có)
Các Tổng cục trưởng tổng cục	
- Bưu điện :	Đặng Văn Thân
- Du lịch :	(chưa có)
- Hải quan :	Phan Văn Dĩnh

- Thống kê :	Lê Văn Toàn
- Thể dục thể thao :	Lê Bửu
- Khí tượng thủy văn :	Nguyễn Đức Ngũ
- Địa chính :	Bùi Xuân Sơn
- Hàng không dân dụng :	Nguyễn Hồng Nhị
Trưởng ban vật giá chính phủ :	Trần Quang Nghiễm
Trưởng ban tôn giáo chính phủ :	Vũ Gia Tham
Trưởng ban biên giới chính phủ :	Trần Công Trục
Trưởng ban cơ yếu chính phủ :	Đỗ Văn Ân
Giám đốc học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh :	Nguyễn Đức Bình
Giám đốc học viện hành chính quốc gia :	Nguyễn Duy Gia
Giám đốc trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia :	Nguyễn Duy Quý
Giám đốc trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia :	Đặng Vũ Minh
Tổng giám đốc đài tiếng nói VN :	Phan Quang
Tổng giám đốc Thông tấn xã VN :	Đỗ Phương
Tổng giám đốc đài truyền hình VN :	Hồ Anh Dũng
Tổng kiểm toán nhà nước :	Vương Hữu Nhơn
Cục trưởng cục dự trữ quốc gia :	Ngô Xuân Huê

Chú thích của Diễn Đàn :

(1) Điều đáng chú ý là tại đại hội 8 của ĐCS (tháng 7.96), ông Nguyễn Khánh không còn ở trong Ban chấp hành trung ương Đảng. Ở cương vị phó thủ tướng, tên ông vẫn đứng trước Trần Đức Lương (vừa được bầu vào bộ chính trị). Theo nhiều nguồn tin, đây chỉ là một sự lưu nhiệm tạm thời, trong khi chờ đợi có sự thoả thuận về tên hai phó thủ tướng khác. Một người khác không còn trong Ban chấp hành trung ương mà vẫn giữ chức vụ cũ trong chính phủ là ông Lê Văn Triết (bộ Thương mại). Các bộ trưởng khác không ở trong trung ương là các ông Lại Văn Cử và Mai Kỳ.

(2) Những tên có đánh dấu (*) là tên những người mới vào chính phủ. Hầu hết là những thứ trưởng cũ của bộ, trừ trường hợp các ông Phạm Gia Khiêm (từ thứ trưởng bộ Kế hoạch và đầu tư lên bộ trưởng bộ khoa học, công nghệ và môi trường) và ông Đỗ Quang Trung (từ tổng cục trưởng tổng cục du lịch sang phụ trách ban tổ chức chính phủ). Những bộ trưởng cũ bị (được) miễn nhiệm, hoặc do về nghỉ hưu, hoặc vì lý do khác, gồm có các ông : Bùi Thiện Ngộ (nội vụ), Hồ Tế (tài chính), Đặng Hữu (khoa học, công nghệ và môi trường), Trần Hoàn (văn hoá - thông tin), Bùi Danh Lưu (giao thông - vận tải), Đỗ Quốc Sam (Kế hoạch - đầu tư), Nguyễn Tấn Trinh (thủy sản), Lê Xuân Trinh (văn phòng chính phủ), Nguyễn Kỳ Cầm (chống tham nhũng), Đậu Ngọc Xuân (các dự án quốc gia), Phan Ngọc Tường (ban tổ chức chính phủ) và Phan Văn Tiêm (bộ trưởng không bộ).

Theo một số nguồn tin, ông Đặng Hữu sẽ được cử vào bộ chính trị, thay thế ông Nguyễn Đình Tú đã từ trần. Hiện nay ông đã được cử làm trưởng ban khoa giáo trung ương đảng, là chức vụ cũ của ông Tú.

(3) Tại kỳ họp quốc hội này, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đề nghị tên ông Đào Đình Bình (nguyên tổng giám đốc Liên hiệp Đường sắt 3) làm bộ trưởng giao thông - vận tải, nhưng không được quốc hội phê chuẩn. Ông Lê Ngọc Hoàn được thủ tướng bổ nhiệm làm quyền bộ trưởng cho tới kỳ họp quốc hội lần tới.

Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

Nông dân : được mùa trên đồng ruộng, thất mùa trong thu nhập

Mặc dù bão lụt liên tiếp xảy ra năm nay, Việt Nam dự kiến thu hoạch được 26,3 triệu tấn thóc, tăng 10,1 % so với năm 1995. Nếu cộng với 2,7 triệu tấn hoa màu (quy ra thóc) thì Việt Nam đạt sẽ sản lượng lương thực cao nhất từ trước đến nay là 29 triệu tấn, vượt 1 triệu tấn so với kế hoạch.

Song đối với nông dân, tình hình lại khó khăn gay gắt : lúa tồn đọng, giá giảm. Tổng cục thống kê cho biết, từ đầu năm nay, giá lúa ở đồng bằng sông Cửu Long đã giảm 18,6 %, tại đồng bằng Bắc bộ giảm 5 % và cả ở miền núi và trung du cũng giảm 4 %. Trong khi sản lượng lúa dự kiến tăng khoảng 10 % thì giá lương thực đã giảm 13,7 %. Hơn thế, trong khi giá lương thực giảm thì giá của hầu hết các hàng hóa khác – đặc biệt các mặt hàng do nhà nước độc quyền như xăng, dầu, điện... – đều liên tục tăng. Hệ quả tất yếu là sức mua của nông dân, tức của khoảng 80 % dân số cả nước, giảm đáng kể : so với thời điểm tháng 12.1995, cùng một lượng hàng lương thực bán ra hiện tại chỉ mua được hơn 90 % lượng hàng phi thực phẩm, 86 % chất đốt, 88 % điện nước ... Theo đại biểu quốc hội Nguyễn Công Lý, ở đồng bằng sông Cửu Long, giá mua lương thực hiện nay là 800 đồng/kg đã thấp hơn giá thành, và người nông dân không thể chi tiêu cho những nhu cầu sản xuất và đời sống.

Tất cả những điều trên khiến cho nông dân không giám bán lúa mà trữ lại chờ giá lên cao. Theo tính toán của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, lượng thóc tồn đọng trong dân không dưới 3 triệu tấn, trong đó tại đồng bằng sông Cửu Long có trên 2 triệu tấn. Số gạo này có nguy cơ biến chất trước khi được đưa ra tiêu thụ trên thị trường.

Tại kỳ họp quốc hội tháng 10 vừa qua, bộ trưởng Nguyễn Công Tạn, tóm tắt hiện tình nông thôn như sau : “ *Nông dân được mùa trên đồng ruộng và mất mùa trong thu nhập* ”.

Chính phủ có cho biết sẽ trợ giá để đẩy nhanh tốc độ mua lúa. Tuy nhiên, như báo Thời báo kinh tế Sài Gòn nhận xét, tình trạng tồn đọng lúa hiện nay chứng tỏ quỹ bình ổn giá của nhà nước lập ra không làm được chức năng “ bình ổn ” : nó chỉ hỗ trợ cho các công ty quốc doanh đang nắm độc quyền mua và xuất khẩu lúa gạo, “ nông dân chẳng được gì ”. Hiện nay, mỗi khi gạo trên thị trường thế giới có giá, các công ty quốc doanh tranh nhau mua ; còn khi giá giảm thì họ thả cho lúa gạo tồn đọng. Thật ra, độc quyền của quốc doanh chỉ là danh nghĩa bởi vì chính các công ty tư nhân có vai trò quyết định giá lúa trên thị trường : hiện nay, theo báo Lao Động phản ánh, đội ngũ tư doanh cung ứng 80 % lượng gạo tiêu dùng trong nước và 70 % lượng gạo xuất khẩu.

Một chính sách bình ổn giá lúa gạo, do đó, không thể

không đặt lại vấn đề cơ cấu của hệ thống thu mua và xuất khẩu hiện nay : đó là điều kiện chủ yếu nếu nhà nước muốn điều tiết lương thực trong phạm vi cả nước. Vừa qua, chuyên gia nông nghiệp Võ Tòng Xuân có kiến nghị với nhà nước thủ cho tư nhân được trực tiếp mua và xuất khẩu gạo nhằm thúc đẩy sự cạnh tranh trên thị trường lương thực và đảm bảo lợi ích của nông dân. (Thời báo kinh tế Sài Gòn 24.10 và 7.11 ; Lao Động 20.10 và 3.11.96)

Chia lại 8 tỉnh

Sau khi kỳ họp quốc hội tháng 11 vừa qua chấp nhận kiến nghị của 8 tỉnh yêu cầu chia tỉnh trở lại, tổng số tỉnh, thành của Việt Nam đã tăng từ 53 lên 61 đơn vị.

Ở phía Bắc, tỉnh Bắc Thái được chia thành hai tỉnh Bắc Cạn (268 ngàn dân, tỉnh lỵ Bắc Cạn) và Thái Nguyên (1,019 triệu dân, tỉnh lỵ Thái Nguyên). Tỉnh Hà Bắc được chia thành hai tỉnh Bắc Giang (1,441 triệu dân, tỉnh lỵ Bắc Giang) và tỉnh Bắc Ninh (922 ngàn dân, tỉnh lỵ Bắc Ninh). Tỉnh Vĩnh Phú chia thành hai tỉnh Phú Thọ (1,261 triệu dân, tỉnh lỵ Việt Trì) và tỉnh Vĩnh Phúc (1,066 triệu dân, tỉnh lỵ Vĩnh Yên). Tỉnh Hải Hưng tách ra thành hai tỉnh Hải Dương (1,685 triệu dân, tỉnh lỵ Hải Dương) và tỉnh Hưng Yên (1,075 triệu dân, tỉnh lỵ Hưng Yên). Tỉnh Nam Hà, được tách ra từ năm 1991 sau khi chia tỉnh Hà Nam Ninh thành hai tỉnh Ninh Bình và Nam Hà, nay lại chia đôi thành tỉnh Hà Nam (804 ngàn dân, tỉnh lỵ Phủ Lý) và tỉnh Nam Định (1,898 triệu dân, tỉnh lỵ Nam Định).

Ở phía Nam, tỉnh Minh Hải được chia thành hai tỉnh Bạc Liêu (772 ngàn dân, tỉnh lỵ Bạc Liêu) và Cà Mau (1, 067 triệu dân, tỉnh lỵ Cà Mau). Tỉnh Sông Bé chia thành hai tỉnh Bình Dương (646 ngàn dân, tỉnh lỵ Thủ Dầu Một) và Bình Phước (531 ngàn dân, tỉnh lỵ Đồng Xoài). Tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng tách thành tỉnh Quảng Nam (1, 364 triệu dân, tỉnh lỵ Tam Kỳ) và thành phố Đà Nẵng (663 ngàn dân).

Một số đại biểu quốc hội đã nói lên lo lắng rằng đợt chia tỉnh mới này sẽ dẫn đến 4 kết quả trước mắt là tăng ngân sách, tăng biên chế, tăng tham nhũng, đồng thời gây mất đoàn kết trong nội bộ chính quyền địa phương. Ông Mai Thúc Lâm, bí thư Quảng Nam - Đà Nẵng đã chất vấn chính phủ : “ *Trong dự toán ngân sách 1997, không có phần dự toán cho kinh phí chia tỉnh. Chỉ riêng việc khắc dấu, kẻ biển đổi tên đã tốn hàng ngàn tỉ, lấy đâu ?* ”. (Lao Động 3.11 ; Tuổi Trẻ 5 và 7.11.96)

Sửa đổi luật đầu tư nước ngoài

Sau khi được quốc hội sửa đổi, luật đầu tư nước ngoài gồm hiện nay 68 điều, tăng 26 điều so với luật hiện hành. Sửa đổi quan trọng nhất của luật vừa được thông qua là điều khoản cho uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố quản lý các hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn. Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành cũng được quyền cấp giấy phép đầu tư theo sự phân cấp của chính phủ.

Thời hạn xem xét đơn và thông báo quyết định cho nhà đầu tư được rút ngắn từ 3 tháng xuống còn 60 ngày. Về các thủ tục liên quan đến triển khai thực hiện dự án đầu tư, thời hạn qui định cho các cơ quan nhà nước là không quá 30 ngày

từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. Nhà đầu tư được quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định và hành vi trái pháp luật, gây khó khăn, phiền hà của viên chức hoặc cơ quan nhà nước.

Vừa qua, một cuộc kiểm tra về thủ tục hành chính ở Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, hiện nay, thời gian giải quyết một hồ sơ đầu tư nước ngoài trung bình gấp 3 lần thời gian qui định – chưa kể thời gian chủ đầu tư thăm dò, chọn đối tác và đàm phán. Thời gian này thường kéo dài từ một đến hai năm, và như vậy một chủ đầu tư có thể phải mất từ ba đến bốn năm mới xong các thủ tục. Qui trình hiện nay phải qua tới 16 bước ở 12 bộ phận khác nhau.

Theo một chuyên viên ở viện kinh tế Thành phố Chí Minh, ông Trần Tố Tử, vấn đề còn là nội dung các văn bản luật Việt Nam chồng chéo, mâu thuẫn nhau hoặc mập mờ khó hiểu, diễn giải như thế nào cũng được, khiến cho không những nhà đầu tư nước ngoài mà cả đối tác trong nước cũng không thể nắm vững luật pháp của ngay nước mình. Các nhà đầu tư nước ngoài xem đây là một loại rủi ro chính từ phía nhà nước Việt Nam. (Lao Động 20.10 ; Tuổi Trẻ 2 và 9.11.96)

Nghe thầy tại quốc hội

Bất oan, rút kinh nghiệm là xong ?

Trong một phát biểu tại quốc hội, thủ tướng Võ Văn Kiệt nói : *Không một quốc gia nào trên thế giới có thể tiến hành công nghiệp hóa trong tình trạng văn hóa, dân trí và tinh thần dân tộc kém, kỷ cương nhà nước và trật tự xã hội thiếu hiệu lực.*

Dưới đây là một vài phát biểu khác chung quanh vấn đề kỷ cương nhà nước và trật tự xã hội đó.

Ông Hà Mạnh Trí (chủ nhiệm ủy ban pháp luật) : Có công an ở một huyện, trong một năm bắt 95 người mà đã có tới 35 người bị bắt không đúng pháp luật. Ở một tỉnh, tám tháng đầu năm 1996, công an bắt 1 158 người thì có tới 497 người phải trả tự do vì bắt sai. Tình trạng tương tự xảy ra ở nhiều địa phương khác Còn có hiện tượng hình sự hóa các quan hệ dân sự : trong năm 1996, số vụ bị hình sự hóa kiểu này trên cả nước lên tới 4 149 vụ. Đây là vấn đề quan trọng, liên quan tới dân chủ của công dân, không thể để tiếp tục vi phạm.

Ông Nguyễn Hữu Khương (nguyên giám đốc sở công an TPHCM) : Tình trạng bất oan sai cũng xảy ra không ít ở Thành phố Hồ Chí Minh ... Nếu cứ bất oan sai rồi rút kinh nghiệm là xong thì tình trạng này sẽ khó mà chấm dứt.

Ông Hà Thái Bình (Sóc Trăng) : Có tới 10 ngàn tội phạm đã được xét xử nhưng chưa chấp hành án phạt tù. Ai cho phép họ tại ngoại ? Trong đó có tới 1 466 đối tượng do chính tòa án cho tạm hoãn thi hành án ...

Ông Lê Quang Đạo (chủ tịch Mặt trận Tổ quốc) : Cần điều tra làm rõ về việc có sự mặc cả ngã giá giữa phạm nhân hoặc gia đình họ với cơ quan xét xử để giảm án hay thay đổi hình phạt.

Bão lụt

Mùa mưa, lụt lội năm nay đã phá các kỷ lục tác hại ở cả ba miền trung, nam, bắc. Tuần giữa tháng 11, khi mọi năm khí hậu bình thường đã trở về, các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, Huế đã một lần nữa bị một cơn bão kéo mưa lớn tới, gây lụt và làm cho ít nhất 16 người bị chết vì nước cuốn. Ở nhiều tỉnh nam bộ, nước sông Mê Kông vẫn chưa xuống thấp.

Trong một buổi họp báo ở Hà Nội ngày 19.11, các quan chức của Ủy ban quốc gia phòng chống bão lụt cho biết số thiệt hại về nhân mạng mùa lụt này lên cao nhất từ 20 năm qua : 965 người chết, 117 người khác mất tích, 885 người bị thương tật. Thiệt hại vật chất được ước lượng là 628 triệu đôla. Đầu tháng 11, nhân phiên họp thứ ba của Ủy ban sông Mê Kông tại Vientiane, bộ trưởng thủy lợi Nguyễn Cảnh Dinh đã kêu gọi các nước trong Ủy ban phối hợp chặt chẽ hơn nữa các hoạt động phòng chống lụt lội. (AFP 2, 18, 20.11.1996)

Trạm khí tượng biển trôi đi đâu ?

Sau thảm họa trên biển xảy ra trong tháng 8 ở Thanh Hóa (xem ĐD tháng 10.96), chính phủ vừa cho biết quyết định thành lập Ủy ban quốc gia tìm kiếm - cứu nạn trên không và

Lương ít, vì sao cán bộ vẫn giàu lên ?

Ông Trần Đình Hoan (bộ trưởng lao động, thương binh và xã hội) : Mức lương hiện tại không đủ sống. Ít nhất 50 % chi phí của người lao động phải tìm từ các nguồn thu nhập khác. Có những cách kiếm thêm hợp lý ; có những cách kiếm thêm không hợp lý. Hậu quả của chế độ lương hiện nay là làm đảo lộn các giá trị xã hội.

Ông Hồ Tế (bộ trưởng tài chính) : Chưa có nước nào mà ngân sách phải trả lương cho tới 6,1 triệu người trên tổng dân số lao động là 32 triệu người. Chỉ có giảm con số 6,1 triệu này xuống còn 2 triệu thì lương bộ trưởng Hồ Tế từ 900 000 đồng mới tăng lên gấp ba lần.

Riêng người hưởng lương hưu lên tới 1,8 triệu người. Khoản chi cho lương hưu chiếm một tỷ số chưa từng thấy : 8 300 tỉ đồng trong tổng chi ngân sách năm 1996 là 62 000 tỉ đồng.

Ông Bùi Ngọc Thanh (Lạng Sơn) : Trong khu vực nhà nước, mọi người đều có việc làm nhưng không ai làm việc ; không ai làm việc nhưng đều lĩnh lương theo chế độ ; tất cả đều lĩnh đủ lương theo chế độ nhưng không ai sống được bằng lương ; không ai sống được bằng lương nhưng vẫn đều sống tốt !

Ông Nguyễn Minh Hồng (An Giang) : Vì sao lương ít mà cán bộ ta vẫn đủ sống, thậm chí có người làm giàu lên ? Phải chăng do lương ít mà bổng lộc thì nhiều không lường được ?

Ông Lê Đức Bình (Ninh Bình) : Lâu nay, chúng ta cứ tranh cãi về vấn đề phân biệt quà biếu có tính chất hối lộ, mua chuộc, với quà biếu có tính chất tình cảm nhân dịp lễ Tết, nhân dịp con thủ trưởng đám cưới, thủ trưởng kỷ niệm ngày sinh ... Cuộc tranh cãi không đi tới đâu trong khi nhiều thủ trưởng vẫn giàu lên bằng quà biếu.

“Chống tham nhũng ? Nói nhiều rồi, bàn nhiều rồi, hãy làm đi...”

Điều mọi người đều biết, nạn tham nhũng ở Việt Nam đã đạt tới những “đỉnh cao” có lẽ chẳng thua kém ai. Nhưng có lẽ bất ngờ là một cuộc thảo luận đã nổ ra, gay gắt, ở kỳ họp quốc hội vừa rồi, dù không được dự trù trong chương trình nghị sự. Bản thân Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Lê Thanh Đào ?) bị cách chức và truy tố về tội tham nhũng (người thay thế là ông Hà Mạnh Trí, nguyên chủ nhiệm Ủy ban pháp luật quốc hội) ! Những lời phát biểu dưới đây chắc không cần kèm theo bình luận nào.

Tổng bí thư đảng cộng sản Đỗ Mười :

Nói nhiều rồi. Dân nghe quốc hội bàn, nghe đảng bàn, nghe nhà nước bàn, người ta nói : biết rồi khổ lắm, nói mãi ! Vậy thì phải bắt tay vào làm thôi, đừng bàn nữa, đừng nói nữa ! Trong thành phần đại biểu quốc hội có ai ? Có đồng chí là uỷ viên bộ chính trị, có không ít bộ trưởng, có bí thư, chủ tịch các tỉnh, huyện, thành phố, có thủ trưởng các cơ quan thuộc chính phủ, có viện kiểm sát nhân dân tối cao, tòa án nhân dân tối cao, có thủ trưởng bộ nội vụ, có cả các tổng giám đốc, giám đốc các tổng công ty, công ty... Vâng, có hết. Xin các đồng chí này hãy lãnh đạo đơn vị mình, ngành mình, tỉnh mình chống tham nhũng đi. Còn chỉ có nói, phê bình rồi đưa ra giải pháp này nọ thì sẽ không chống được tham nhũng đâu. Có đồng chí nói về tham nhũng chỉ ở đâu đâu ấy, ở các ngành khác, địa phương khác chứ ngành mình, địa phương mình thì không có.

Nói nhiều rồi, bàn nhiều rồi, hãy làm đi, làm ngay ! (Trả lời phỏng vấn báo chí trong kỳ họp quốc hội – Tuổi Trẻ 5.11.96)

Thủ tướng Võ Văn Kiệt :

Với tư cách là thủ tướng chính phủ tôi kiến nghị : Chính phủ và người thay mặt chính phủ là thủ tướng phải có đủ thẩm quyền xử lý đúng theo luật xử lý kỷ luật hành chính đối với cán bộ được thủ tướng bổ nhiệm, ở mức độ khiển trách, cảnh cáo, cách chức, buộc thôi việc và kiến nghị truy tố trước pháp luật. (...) Nếu trong những vấn đề khác không được, thì xin được thực hiện đúng thẩm quyền của thủ tướng chính phủ trong chống tham nhũng... (Phát biểu trước quốc hội – Tuổi Trẻ 7.11.96)

Bộ trưởng Nguyễn Kỳ Cầm (trưởng ban chống tham nhũng, buôn lậu của chính phủ) :

Tôi vẫn thường nói đây là ban ba không : không quân, không quyền, không quyết.

Xét cho cùng, ban này không phải ban chống ... cũng không phải ban chỉ đạo vì nó không có quyền ra một quyết định hay một phán quyết nào. Ban gồm 11 thành viên của các ngành trong khối an ninh nội chính và một số bộ, ngành có liên quan. Nhiệm vụ chính của ban là tổng hợp, kiểm tra, theo dõi tình hình tham nhũng, buôn lậu để báo cáo và đề xuất với thủ tướng chính phủ. Tóm lại, ban này chưa được trao quyền gì trong việc xử lý các vụ tham nhũng, buôn lậu. (Trả lời phỏng vấn báo Lao Động 27.10.96)

Ô Đặng Công Tâm (Phó viện trưởng kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) :

Khi tiến hành tố tụng các vụ án tham nhũng, các cơ quan có gặp khó khăn, vì hầu hết rơi vào cán bộ, đảng viên, những người có chức, có quyền. Muốn đụng đến những người này, cơ quan pháp luật không tự tiến hành theo trình tự luật pháp được. Vì theo nghị quyết 29 của bộ chính trị, nếu là đảng viên thuộc cấp nào thì cơ quan pháp luật trước khi “rờ tới” phải báo cáo cấp đó. Trước khi muốn bắt một đảng viên, phải báo cáo đầy đủ hành vi phạm tội – mà nhiều vụ đầu thế chứng minh đầy đủ hành vi phạm tội ngay được khi chưa tiến hành điều tra. Chưa có lệnh đình chỉ chức vụ của các cấp đảng nơi người đó công tác, thì cơ quan pháp luật chưa thể đụng tới được. Trong thời gian chờ báo cáo, các đương sự đã có đủ thời gian “chạy thuốc” hoặc huỷ chứng cứ (...) Thực tế cho thấy việc phải “xin, bẩm, báo”, cộng nạn ô dù đã làm cho bọn tham nhũng thấy có chỗ dựa, làm chậm quá trình xử lý...

Mặt khác, nghị quyết 29 của bộ chính trị cũng đã nêu rõ : các cấp uỷ đảng chỉ lãnh đạo bằng đường lối, nghị quyết, không can thiệp sâu vào các vụ án. Trong thời gian qua, các địa phương triển khai công tác chống tham nhũng và các cơ quan pháp luật cũng có quan tâm, khởi tố được một số vụ án tham nhũng lớn, nhưng trong tiến hành xét xử có chậm, không phải do cơ quan pháp luật không đủ sức làm mà do cơ chế nói trên. Theo tôi, đây là trở ngại lớn nhất. Làm sao hạn chế được sự chỉ đạo quá sâu vào các vụ án, cứ để các cơ quan pháp luật làm theo luật thì sẽ kết quả tốt hơn.

Vai trò đấu tranh của cơ sở đảng tại chỗ rất quan trọng, góp phần tích cực chống tham nhũng. Nhưng nếu tổ chức cơ sở đảng thủ tiêu đấu tranh, cùng nhau tham nhũng thì càng gây hậu quả lớn. Ở Tamexco, có cả một chi bộ, nhưng chi bộ này không làm gì. Theo tôi, phải qui trách nhiệm những người không tham nhũng nhưng để xảy ra tham nhũng ở cơ quan, đơn vị mình quản lý, chú cứ để họ bình yên vô sự thì không được.

Thành phố Hồ Chí Minh có mấy chục ngàn đảng viên, đoàn viên, nhưng hầu như từ khi phát động chống tham nhũng, chưa có đảng viên nào đến cơ quan luật để báo về tham nhũng. (...) Phải làm sao có cơ chế bảo vệ người, tổ chức, đơn vị đấu tranh chống tham nhũng. (Trả lời phỏng vấn báo Tuổi Trẻ 12.11.96)

Ô Bùi Ngọc Thanh (chủ tịch HDND tỉnh Lạng Sơn) :

Đảng nói có bốn nguy cơ. Nguy cơ tụt hậu về kinh tế đã có đường lối chuẩn xác của đại hội 8 và sự điều hành của chính phủ ngăn chặn. Nguy cơ lệch hướng và diễn biến hòa bình, chúng tôi cho rằng người Việt nam ta đã sống qua hàng ngàn năm Bắc thuộc, 80 năm đô hộ thực dân Pháp, mấy chục năm Mỹ xâm lược, chúng ta không thể nào quên, cho nên không thể có kẻ nào đó nói những điều vô vẩn mà người Việt Nam ta lại nghe. Vào lúc này, theo chúng tôi, tham nhũng đã trở nên nguy cơ nóng bỏng hàng đầu. (Phát biểu tại kỳ họp quốc hội – Tuổi Trẻ chủ nhật 27.10.96)

Ô Lò Văn Inh (đại biểu quốc hội tỉnh Lai Châu) :

Nói theo người Mông chúng tôi, thì nghị quyết chống tham nhũng cũng như muối để ướp cá. Cá ươn có muối ướp ... Còn muối ươn – nghị quyết không hiệu quả – lấy gì ướp ? (Phát biểu tại kỳ họp quốc hội – Tuổi Trẻ 22.10.96)

trên biển. Ủy ban này do một phó thủ tướng đứng đầu sẽ chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức việc tìm kiếm và cứu nạn những người bị lâm nạn trên biển và trên không.

Người ta cũng được biết thêm về số phận của hệ thống phao biển dự báo thời tiết và bão do chính phủ Na Uy viện trợ cho chính phủ Việt Nam tháng 10.1995. Trị giá 3 triệu đô la, hệ thống hiện đại bậc nhất này gồm một bộ phận điều khiển trung tâm đặt tại Hà Nội và 4 trạm khí tượng nổi (thu thập những thông tin về tốc độ, hướng gió, dòng biển, độ ẩm không khí, nồng độ muối của nước... và phát tín hiệu vệ tinh) được thả cách đất liền 150 km tại các biển Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Nam và Quảng Ngãi. Chỉ vài tháng sau, đầu năm 1996, hai trạm phao đã biến mất, hai trạm còn lại bị cắt dây neo đứt mất, trung tâm khí tượng thủy văn đã kéo về đất liền và xếp xó.

Người ta được biết một trong hai trạm phao mất tích được tìm ra ở Bà Rịa - Vũng Tàu tại nhà một người dân đã mua nó lại để làm chum đựng nước. Trạm phao đã được đưa ra Hà Nội để sửa sang rồi thả trở lại ở vị trí ban đầu. Song chỉ ít ngày sau đó, nó lại biến mất và bất vô âm tín cho đến nay.

Theo các chuyên gia Na Uy, chính phủ họ đã cung cấp cho trên 10 nước những trạm khí tượng tương tự, nhưng chỉ duy nhất ở Việt Nam là xảy ra tình trạng mất mát như thế. Chính phủ Na Uy đã yêu cầu Việt Nam phải tìm ra và truy tố những kẻ phá hoại các trạm phao biển. (Lao Động 20.10 ; Tuổi Trẻ 26.10.96)

Tổng thống Hàn Quốc thăm Việt Nam

Tổng thống Kim Young-Sam đã đáp một chuyên cơ của công ty Korean Airlines tới sân bay Nội Bài ngày thứ tư 20.11, trong chuyến đi thăm chính thức Việt Nam đầu tiên của một nguyên thủ Hàn Quốc. Chuyến đi cũng nhằm đáp lễ các lần đi thăm Hàn Quốc năm 1993 của thủ tướng Võ Văn Kiệt và năm 1995 của tổng bí thư Đỗ Mười, và là một biểu hiện cho mối quan hệ kinh tế chặt chẽ giữa hai nước. Hàn Quốc là một trong những nước đứng đầu bảng đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, với trị giá đầu tư lên đến 2,3 tỉ đôla, phần lớn là vào các khu vực sản xuất hàng hoá công nghiệp, trong đó riêng tổng công ty Daewoo Corp. đã đầu tư hơn 700 triệu đôla trong các lĩnh vực xe hơi, điện tử, khách sạn. Kim ngạch mậu dịch giữa hai nước cũng đạt tới 1,8 tỉ đôla riêng trong năm 1995. Tuy nhiên, các xí nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam cũng là những xí nghiệp ngoại quốc mang nhiều tai tiếng nhất về việc đối xử với công nhân viên người Việt.

Gặp lúc chủ tịch Lê Đức Anh ốm nặng, tổng bí thư Đỗ Mười đã đại diện nhà nước Việt Nam đón tiếp tổng thống Kim Young-Sam và đoàn cùng đi, gồm tổng thống phu nhân, ngoại trưởng Yoo Chong-Ha và nhiều quan chức cao cấp khác. Ông Kim cũng đã hội đàm với thủ tướng Võ Văn Kiệt, chủ tịch quốc hội Nông Đức Mạnh. Theo chương trình, hai bên sẽ ký kết hai hiệp định hợp tác, một trong lĩnh vực nguyên tử và một về việc Hàn Quốc giúp Việt Nam chuẩn bị hình thành thị trường chứng khoán trước năm 2000.

Rời Hà Nội ngày 22, tổng thống Kim Young-Sam đã bay sang Manille dự hội nghị cấp cao Diễn đàn hợp tác kinh tế

(các nước) châu Á - Thái Bình Dương (APEC). (AFP 18, 20.11.1996)

APEC - WTO - Việt Nam

Khi số báo này lên khuôn (cuối tuần 24-25.11.1996), hội nghị các nguyên thủ 18 nước thuộc Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) đang họp tại thủ đô Manille chưa chấm dứt. Thời hạn 3 năm tạm ngưng thảo luận hội viên mới vừa hết, song trên bàn làm việc của hội nghị cấp bộ trưởng APEC ba ngày trước (22-23.11), đơn xin gia nhập của 11 nước đã làm ngán ngại không ít những thành viên hiện nay của tổ chức. Lý do chính là, trước sức mạnh kinh tế áp đảo của Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, nhiều nước APEC bắt đầu cảm thấy khó lòng theo nổi mẫu dịch tự do giữa các nước trong Diễn đàn trước năm 2020, như nghị quyết của hội nghị thượng đỉnh lần trước (họp tại Bogor, Indonesia, 1994) đã đưa ra. Việc mở rộng khu vực do đó càng gây thêm khó khăn, nhất là với những nước lớn như Ấn Độ, Nga. Cho tới sát ngày khai mạc hội nghị, người ta mới chỉ biết rằng, do được 6 nước ASEAN khác hỗ trợ, Việt Nam đứng đầu danh sách 11 ứng viên kia, và có nhiều triển vọng gia nhập Diễn đàn, dù APEC còn chưa sẵn sàng mở rộng tới tất cả. Các nước ASEAN cũng đã nhắc lại yêu cầu Mỹ dành quy chế tối huệ quốc cho Việt Nam và ủng hộ đơn gia nhập tổ chức mậu dịch thế giới (WTO) của Việt Nam. Tuy nhiên, về phía Mỹ, tổng thống Clinton dù rất quan tâm tới các mối quan hệ với châu Á và đích thân tham dự hội nghị APEC, chỉ có thể lấy quyết định này sau khi một hiệp ước thương mại chính thức được ký kết giữa hai nước. Và dù một phái đoàn 5 thượng nghị sĩ Mỹ vừa đi Việt Nam giữa tháng 11 đã tỏ ý tin tưởng rằng mọi việc sẽ được nhanh chóng giải quyết tại quốc hội mới được bầu, khó có thể nghĩ rằng Việt Nam sẽ có mặt như một thành viên của WTO trong hội nghị cấp bộ trưởng của tổ chức này tại Singapore trong vài tuần tới (9-12.12.1996).

Những chậm trễ không hẳn bất lợi cho một nước mà cả nội lực nền kinh tế và nhân sự hiện nhiên chưa đủ cứng cáp để đối chọi trong cuộc cạnh tranh gay gắt của thương trường quốc tế ? (AFP 13, 14, 20.11, Saigon Times Daily 15.11, Le Monde 23.11.1996)

Ngân hàng chúa Chôm

Ngân hàng trung ương đang dự thảo những điều khoản mới về vấn đề quản lý nợ của các ngân hàng địa phương. Phó thống đốc Ngân hàng Quốc gia Đỗ Quốc Lương đã tuyên bố với báo chí điều này ngày 13.11.1996 trong buổi lễ ký kết một hợp đồng kiểm toán quốc tế đối với ngân hàng nhà nước Incombank (Industrial and Commercial Bank of Vietnam). Đây là ngân hàng nhà nước thứ hai của Việt Nam nhận một sự kiểm toán quốc tế. Tiền lệ là Ngân hàng nông nghiệp Việt Nam, song kết quả chưa được công bố. Hai ngân hàng nhà nước khác, Ngân hàng ngoại thương (Vietcombank) và Ngân hàng vì Phát triển và đầu tư cũng sẽ được đưa ra kiểm toán bởi các công ty kiểm toán quốc tế trong vòng 12 tháng tới.

Theo một báo cáo gần đây của Ngân hàng Thế giới (World Bank), các ngân hàng nhà nước Việt Nam ở vào tình

trạng phá sản kỹ thuật (technically bankrupt) vì số nợ không thu hồi được vượt qua số vốn và dự trữ. Theo ông Lương, chính phủ đã quyết định coi một món tiền cho vay là nợ không thu hồi được (bad debt) khi đã quá hạn 6 tháng mà người vay chưa trả. Theo ông Lương, thời hạn này thích hợp với tình hình Việt Nam hơn thời hạn 3 tháng của thị trường tài chính quốc tế.

Đầu tháng 11, một văn kiện của Ngân hàng Quốc gia cũng cho biết nhà nước đã quyết định không coi là hợp pháp những món nợ được thế chấp bằng tài sản của người vay, và đã bác bỏ 10 đơn xin vay nợ quốc tế, trị giá 310 triệu đôla, trong đó các nhà kinh doanh lấy tài sản của mình làm thế chấp. Ngân hàng Quốc gia đòi họ phải thông qua Ngân hàng để được bảo chứng đối với chủ vay. Câu hỏi nhiều người đặt ra là văn kiện không nói rõ nó có giá trị hồi tố tới đâu và giá trị pháp lý của những hợp đồng vay nợ đã qua bị đặt lại như thế nào.

Về phía chính phủ, sau khi được cử làm bộ trưởng tài chính, ông Nguyễn Sinh Hùng đã tuyên bố là Việt Nam từ bỏ ý định vay vốn trên thị trường tài chính quốc tế, ít ra là trong 12 tháng tới, và sẽ tập trung nỗ lực vào việc huy động vốn trong nước (cho các dự án kinh tế) cũng như việc giữ ổn định trong khu vực tài chính. (AFP 5, 11 và 13.11.1996)

Việt -Trung : hảo hảo

Mặc dù những tranh chấp biên giới chưa được giải quyết, bang giao giữa hai nước theo chủ nghĩa "kinh tế thị trường với định hướng xã hội chủ nghĩa" có vẻ phát triển khả quan trong mấy tháng gần đây. Tiếp theo thủ tướng Lý Bằng sang dự đại hội 8 đảng CSVN hồi hè, một đoàn đại biểu giải phóng quân Trung Hoa do trung tướng Xu Caihou, phó chủ nhiệm tổng cục chính trị dẫn đầu, đã sang Hà Nội ngày 5.11 cùng bạn đồng sự Việt Nam "trao đổi kinh nghiệm về công tác tư tưởng, chính trị trong quân đội mỗi bên". Đoàn đã được các chỉ huy cao cấp nhất của quân đội Việt Nam hiện nay là các tướng Đoàn Khuê, bộ trưởng bộ quốc phòng, Lê Khả Phiêu, chủ nhiệm tổng cục chính trị, tiếp ngày 6.11. Gần hai tuần sau, đoàn đại biểu quốc vụ viện Trung Quốc, do chủ tịch Qiao Shi (Kiều Thạch) cầm đầu, cũng đã sang thăm Việt Nam từ ngày 18.1. Trong đoàn còn có thủ trưởng ngoại giao Tian Zengpei, trưởng đoàn đại biểu Trung Quốc trong các cuộc thương lượng về biên giới với Việt Nam. Đoàn đã gặp chủ tịch quốc hội Việt Nam Nông Đức Mạnh và đã hội đàm với thủ tướng Võ Văn Kiệt.

Cũng trong tháng 11, một đoàn đại biểu Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam, do ông Nguyễn Duy Quý, uỷ viên trung ương đảng, chủ tịch trung tâm, dẫn đầu, đã tới Bắc Kinh theo lời mời của Viện hàn lâm khoa học xã hội Trung Quốc. Ông Li Tieying, uỷ viên bộ chính trị đảng cộng sản Trung Quốc đã tiếp và trình bày với đoàn về con đường xã hội chủ nghĩa mà Trung Quốc đang nỗ lực đi theo. (AFP 19.11, Tân Hoa xã 6 và 13.11.1996 - trên Internet)

Một nhà báo Mỹ bị trục xuất

Ông Adam Schwarz, nhà báo người Mỹ làm phóng viên thường trú cho tờ Tạp chí Kinh tế Viễn Đông (FEER) tại Hà

Nội từ hai năm nay đã bị bác đơn xin gia hạn visa, kể cả không được phép ở thêm một ngày nào để gói ghém hành trang, trên thực tế đã bị trục xuất khỏi Việt Nam cuối tháng 10 vừa qua. Người đại diện FEER tại trụ sở chính của nó ở Hồng Kông, ông Joseph Kahn cho biết tạp chí không được thông báo gì về một đòi hỏi thay đổi quy chế cơ quan thường trú tại Hà Nội, và sẽ tìm người thay thế ông Adam Schwarz trong thời hạn sớm nhất. Như vậy, trách cứ của chính quyền rõ ràng nhắm vào cá nhân Adam Schwarz chứ không phải vào tạp chí FEER nói chung, và câu hỏi đặt ra là (những) bài báo nào của Adam Schwarz đã làm nhà hữu trách Việt Nam khó chịu tới mức họ đã lấy quyết định trục xuất nói trên, trong khi từ nhiều năm nay đã không còn xảy ra một quyết định tương tự nào (dù các nhà báo nước ngoài vẫn chịu nhiều hạn chế trong việc hành nghề của mình) ? Theo phóng viên AFP tại Hà Nội ngày 31.10, hiện tượng thường thấy là nhiều bài báo nước ngoài đã bị cắt đi, hoặc bôi đen trước khi tờ báo được phổ biến ở Việt Nam. Trên FEER, những bài của Adam Schwarz đã chịu số phận này là bài về thủ trưởng ngoại giao Lê Mai, viết khi được tin ông từ trần, và nhất là hồ sơ về thương mại và đầu tư vào Việt Nam (số đề ngày 24.10). **Diễn Đàn** có sử dụng một phần nhỏ hồ sơ này trong trang tin số trước. Hình như chính quyền không được vừa ý lắm về việc Adam Schwarz nêu ra hiện tượng xuống mức đầu tư nước ngoài từ đầu năm nay. Một nhà ngoại giao Mỹ đã thất bại trong cố gắng thuyết phục họ rằng việc tôn trọng các nhà báo như Adam Schwarz sẽ làm cho các nhà đầu tư thấy rằng chính quyền nghiêm túc trong công cuộc cải tổ kinh tế của mình. Còn bài viết về ông Lê Mai, điều đáng ngạc nhiên là có người bất bình tới mức kiểm duyệt nó, mặc dù Adam Schwarz chỉ đưa lại những tin hành lang khá phổ biến ở Hà Nội trước hè, dưới dạng giả thuyết : khả năng ông được cử vào bộ chính trị và sau đó vào chức vụ bộ trưởng ngoại giao, thay thế ông Nguyễn Mạnh Cầm sẽ thay thế ông Lê Đức Anh làm chủ tịch nước, sau đại hội 8 của đảng Cộng Sản. Cái chết của ông Mai có điều gì không ổn chăng ? Những người quen biết tình hình Việt Nam không ngạc nhiên lắm về các phản ứng co cụm của nhà cầm quyền trước đại hội 8, khi cuộc đấu tranh nội bộ trong đảng đang ở hồi gay cấn. Song, mấy tháng đã trôi qua từ khi đại hội ngã ngũ, hoặc giả cuộc tạm dàn xếp chưa êm thấm chăng ?

Tin ngắn

- Bốn nông dân đã bị toà án Hà Nội kết án tù giam từ 3 tới 5 năm vì tội phá rối trị an, sau vụ biểu tình chống một dự án lấy đất xây sân golf ở ngoại thành Hà Nội tháng 5 vừa qua (xem ĐĐ số 53)

- Việt Nam đã trở thành hội viên thứ 8 của Hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC), từ đầu tháng 11 năm nay. Các hội viên khác của ANRPC là Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Papua New Guinea, Singapore, Sri Lanka và Thái Lan. ANRPC chiếm 85 % sản lượng cao su tự nhiên trên thế giới, và Việt Nam 2 %.

- Một thanh niên Việt Nam tại Pháp, anh Lâm Đức Hiền, 30 tuổi, đã được giải Tài năng trẻ của Fondation Hachette về lĩnh vực nhiếp ảnh, với nhiều phóng sự về tình hình Bosnie,

Roumanie và Rwanda. Với giải này, Hiền sẽ đi chụp ảnh trong 6 tháng ở Cam Bốt, Lào và Việt Nam.

- Công ty dầu mỏ Petronas (Malaysia) tuyên bố sẵn sàng thay thế công ty Úc BHP để tiếp tục khai thác vùng mỏ Đại Hùng mà BHP muốn rút ra vì cho rằng trữ lượng không đáp ứng mong đợi.

- Theo báo Đại Đoàn Kết ngày 7.11, trong 9 tháng đầu năm 1996 các toà án Việt Nam đã 81 lần tuyên án tử hình đối với các tội phạm hình sự. Trong số đó cũng có 2 người bị án vì tham nhũng, và 3 vì buôn ma tuý. Tờ báo không cho biết bao nhiêu trong số 81 án tử hình này đã được thi hành.

- Vietnam Airlines vừa thay thế toàn bộ 10 máy bay Airbus A 320 mới, 3 chiếc Boeing 767 và chuẩn bị tiếp nhận 2 phần lực mới Fokker F70 vào cuối năm nay. Hãng hàng không sẽ tăng thêm chuyến bay Hà Nội - Paris, và trên trục Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tăng đến 10 chuyến / ngày trong mùa du lịch và vào dịp Tết Nguyên đán.

- Đầu tháng 10 vừa qua phiên tòa đầu tiên của tòa án hành chính đã hủy quyết định xử phạt (20 triệu đồng) của hải quan Thành phố Hồ Chí Minh đối với tổ chức xuất khẩu lao động SCC, và buộc hải quan thành phố chịu án phí sơ thẩm (50 000 đồng).

- Tại giải vô địch trẻ cờ vua thế giới (từ 10 đến 18 tuổi), đoàn Việt nam đã xếp hạng thứ tư trong số 87 nước tham dự, sau Nga, Trung Quốc và Ba Lan. Hoàng Thanh Trang (16 tuổi) đã đoạt huy chương bạc sau Zozulina (Ucraina).

Đọc báo trong nước

Ai bệnh ? Bệnh gì ?

LTS : Bút Bi tôi vừa nhận được một lá thư của ông Phạm Văn Mai ở đường Trần Quang Diệu, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Thư kể một chuyện " thật như đùa ", xứng đáng được đưa vào tuyển tập " chuyện lạ đó đây " quốc tế. Xin trích một đoạn cho bà con đọc.

Con gái tôi tới bệnh viện ... (xin tạm giấu tên) để chứng nhận sức khoẻ, bổ túc hồ sơ đi nước ngoài. Con tôi đóng đủ lệ phí 300 000 đồng cho văn phòng bệnh viện, rồi vào phòng khám. Ông bác sĩ khám bệnh bằng cách đặt ba câu hỏi :

– Câu thứ nhất : Trước giải phóng, Việt Nam có mấy thủ đô ?

Con tôi không biết vì lúc giải phóng cháu chỉ mới ba tuổi.

– Câu thứ hai : Lãnh đạo nước ta hiện nay là ai ?

Câu này thú thật con tôi cũng không trả lời được.

– Câu thứ ba : Cô thủ lấy ra 200 000 đồng

Con tôi tuân lệnh móc ra 200 000 đồng để trên bàn. Ông bác sĩ nhanh nhẹn chụp lấy rồi cho vào túi quần. Sau đó, ông vui vẻ chứng vào hồ sơ con tôi là sức khoẻ tốt, trí tuệ không có bị trục trặc gì.

Tại sao vậy nhà báo ?

Phan Văn Mai
(Tuổi Trẻ 5.10.96)

mừng giận

Chuyện trẻ con, chuyện người lớn

Chuyện trẻ con, hơi đầu mà dễ vào tai ! Đời nào trứng lại khôn hơn vịt. Ấy thế mới ra câu chuyện.

Chuyện rằng ngày thứ tư 20 tháng 11.1996, quốc hội Pháp nhất trí thông qua dự án luật tránh phân ly anh em một nhà khi phải bố trí cho chúng ở một gia đình khác, khi cha mẹ ly dị, khi gia đình phải sống chia lìa.

Một chuyện hi hữu. Dĩ nhiên chẳng phải vì sự nhất trí của quốc hội. Mà hi hữu vì điều luật sửa đổi bộ luật dân sự này là chuyện trẻ con đầu tiên ra.

Nguyên lai quả là chuyện trẻ con. Học sinh lớp CM2, nghĩa là lớp năm, trường Pasteur ở Limeil Brévanne thuộc ngoại ô Paris được chọn tham gia buổi họp " Quốc hội nhi đồng " (Parlement des enfants) ngày 1 tháng sáu 1996. Vốn là từ ba năm nay, năm trăm bảy mươi trẻ em thường đến quốc hội, ngồi vào ghế đại biểu để làm luật. Đó là trò chủ tịch quốc hội Philippe Séguin bày ra cho trẻ con Pháp học tập làm người công dân.

Vậy, hôm 1.6.96 ấy, cô bé Pauline Etcheverry thay mặt các bạn cùng lớp đang ngồi ghế đại biểu quốc hội đăng đàn bảo vệ dự án luật về " quan hệ anh chị em ". Trong đoạn trình bày lý do các em bé học sinh lập luận : " Các anh chị em một nhà được cùng chung sống, khi họ tỏ lòng mong muốn, phải là chuyện bình thường, vì họ thương yêu nhau và khổ đau khi bị chia lìa. Anh chị em có thể giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn, an ủi nhau khi đau khổ. " Dự án luật của trường Pasteur được số phiếu tối đa của đại biểu quốc hội nhí.

Chuyện tưởng đến đây là đã chấm hết. Nhưng nó lọt tai Roger Gérard Schwartzberg đại biểu quốc hội vùng Limeil Brévanne. Ông này quyết định chuyển sáng kiến của trẻ con thành dự án luật chính thức trình quốc hội. Chính phủ chấp nhận cho ghi dự án vào nhật thứ thảo luận. Báo cáo viên dự án cho biết rằng tình trạng anh chị em bị chia lìa hiện nay liên quan đến " 125 000 trẻ em tại Pháp, trong đó có 90 000 trường hợp là do sự bố trí do toà án quyết định ".

Hôm quốc hội bỏ thăm, cô bé lên mười Pauline Etcheverry có mặt trong khán đài dành cho công chúng. Em kể : " Lúc đầu, khi mới tới, bọn em lấy làm tự hào. Rồi nghe bao nhiêu là diễn văn, bọn em đâm chán. Và khi đạo luật của bọn em được chấp thuận, bọn em mừng. " Có nhà báo hỏi : " Tại sao các em lại thấy ra vấn đề mà người lớn không nghĩ tới nhỉ ? ", một em trả lời : " Có lẽ tại vì chúng em có những đứa bạn phải sống chia lìa anh em ". Đây, kể chi là trẻ con hay người lớn. Thúc khuya mới biết đêm dài, sống qua mới biết thế nào là đau.

Một em bé để ý : " Có một bà rơi nước mắt khi luật được thông qua ". Ước ao biết mấy được rơi những giọt nước mắt như thế cho vô vàn chuyện người lớn ở nước ta.

NT

Bầu, Bán 96

Nguyễn Lộc

(tiếp theo trang 1)

Nếu cử tri nào tò mò về sách lược trị dân trị nước thì bản thân cử tri ấy cũng đành phải “nghĩ tích cực” thôi. Ông già hứa cắt thuế 15%. Hỏi, làm sao có đủ tiền để mà cắt thuế ngon lành như vậy, câu trả lời là một đường luân vũ lả lướt. Nghe đầu đám quân sư, thầy dùi của cụ cũng chia năm xẻ bảy về lời hứa hẹn 15% này. Phải công tâm mà nói, ngoài cái mong mỗi được làm tổng thống lồ lộ, ông già không hề “tiết lộ” một viễn kiến nào của ông về việc mai hậu. (Kể độc mồm còn nói kháy, ông tranh cử trên thành tích của bà phu nhân số 1, vợ ông trẻ). Ông trẻ không hứa nhiều, ông chỉ dựa vào sự “bằng lòng” trong xã hội về tình trạng kinh tế tương đối khả quan, để hẹn nhau thừa thắng xông lên thêm bốn năm nữa. Một thăm dò trước bầu cử của tạp chí U. S. News về các mối lo âu hàng đầu của dân Mỹ cho thấy : 13 % coi tội ác là vấn đề số một trong khu vực họ sống ; 8 % coi vấn đề nghiện ngập, ma túy là quan trọng nhất ; với 8 % khác vấn đề là giáo dục ; 7 % là kinh tế ; và 6 % là thuế. Nói chung, không có một mối lo ngại nổi bật về một vấn đề nghiêm trọng nào. Cơ hội bằng vàng cho ứng cử viên tại chức.

Nhưng, nếu phải hỏi, trong các thành tích kinh tế xã hội kia, công trạng nào là của ai thì dĩ nhiên câu trả lời sẽ dài dòng phức tạp hơn nhiều. Đừng quên là đảng Cộng hoà cũng kể công của hai viện quốc hội do họ nắm đa số. Nhưng, ông trẻ vẫn ở thế thượng phong, một phần là do chính cái ọp ẹp quá đáng nơi đối thủ của ông, đảng khác, người dân Mỹ vốn đi bầu theo cái túi tiền của họ (vote with their checkbooks). Và, lần này, hình như họ tin rằng túi tiền của họ có tiền. Và, ông trẻ đã thắng khá ngon lành, gần như dự báo.

Duy có một điều ao ước của ông trẻ vẫn không thành sự thật : đạt được 50% phiếu bầu phổ thông, để nói được rằng ông được sự tín nhiệm cao của dân Mỹ, kết quả kiểm phiếu (chưa hoàn tất) cho thấy ông trẻ Clinton được 49%, ông già Dole được 41%. Và, dĩ nhiên, ông trẻ Dân chủ sẽ phải “nghĩ tích cực” trong mối quan hệ của chính phủ ông với hai nhà quốc hội vẫn trong tay đảng Cộng hoà. May cho ông, là kết quả bầu cử lần này được coi là như một nhấn nhủ của dân chúng cho hai phe là : Phải hợp tác với nhau. Đã có triệu chứng (ít ra là ở mặt ngoài) là ngay cả nhà cách mạng Cộng hoà hùng hổ, ông Newt Gingrich, cũng trở giọng ôn hoà hơn. Vả lại, cả hai ông Clinton và Gingrich đều đang mắc mứu một số chuyện kiện cáo, điều tra không lấy gì làm tích cực cho lắm. Dĩ hoà vi quý !

Cho dù nhìn từ góc độ nào, với tâm trạng nào, ít ai có thể phủ nhận bầu cử tổng thống và hai viện quốc hội vẫn là một sự kiện chính trị lớn, có nhiều ý nghĩa của xã hội Hoa Kỳ. Ít ra, đây là dịp để các chính đảng, các nhà khoa học xã hội lắng nghe tiếng nói, và bắt mạch người dân Mỹ. Mùa đầu phiếu 1996 không ra khỏi thông lệ ấy. Chính khách và chính đảng nhìn tới các mùa tranh cử sắp tới. Nghiêm chỉnh hơn, người ta đặt vấn đề về định chế và giá trị thực thi dân chủ của Mỹ thông qua bầu cử. Vì, dẫu sao, đối với người Mỹ yêu nước, cái nền tảng phân quyền và chuyển nhượng quyền hành trong hoà bình và theo những qui định của hiến pháp vẫn là một trong những vốn liếng quý báu nhất của đất nước này.

Quả có dấu hiệu cho thấy thái độ chính trị, và xã hội nói chung, của người dân Mỹ đang thành xy-nic (cynical) hơn, giận dữ hơn, và tai hại hơn hết là thờ ơ, xa lánh hơn. Cụ thể, tỷ lệ cử tri đi bầu lần này lại rất thấp (49% cử tri). Hãng Associated Press, ngày 13.11.96, loan một tin đáng lưu ý : một tổ chức tư nhân cấp ngân khoản 950 000 đôla cho một chương trình nghiên cứu về “sự đổ vỡ niềm tin” của người dân Mỹ. Trong số 25 thành viên của Uỷ ban nghiên cứu này có cựu thượng nghị sĩ Sam Nunn, cựu bộ trưởng giáo dục William Bennett, William Galston, cựu cố vấn các vấn đề quốc nội của Clinton.

Các thống kê về cung cách bầu phiếu của cử tri, chú trọng vào những khác biệt giữa đàn ông và đàn bà, tuổi tác, sắc tộc, thu nhập, trình độ văn hoá... nói lên được sự đa dạng ngày càng phức tạp hơn trong xã hội.

Trong bối cảnh ấy, việc nhìn lại để tìm hiểu cộng đồng người Việt ở Mỹ, trong nội dung chính trị của xứ này, cũng cho ta thấy hình như một số dạng (patterns) đang thành hình. Và các dạng này cũng mang một số nét phổ quát của toàn xã hội. Ký giả Dexter Filkins, báo Los Angeles Times, đã viết bài về vấn đề này, đăng bên cạnh nhau (ngày 1.11.1996)

Vài con số

Số phiếu bầu cho Bill Clinton	45 557 228
Số phiếu bầu cho Bob Dole	37 841 817
Tiền ứng cử viên Clinton chi cho 1 lá phiếu	2,46USD
Tiền ứng cử viên Dole chi cho một lá phiếu	3,06USD
Tiền ứng cử viên Perot chi cho 1 lá phiếu	4,70USD

Phòng vấn người đi bầu sau khi bỏ phiếu (exit polls)

Không tin cậy (trust) Clinton	54%
Chính phủ thiếu ngay thật	51%
Viên chức không đếm xỉa đến ý kiến của dân	66%
Chính phủ phục vụ thiếu số quyền lực	79%

Bầu dân biểu Khu 46 (Quận Cam - Cali)

Phiếu bầu cho Loretta Sanchez	47 964
Phiếu bầu cho Robert Dornan	46 980

dưới tựa chung : Các đảng lớn đang mất cử tri ở quận Cam. Một bài, Filkins nói về việc cử tri Cộng hoà người Việt đang để mắt tới các đảng khác. Bài kia, ông viết cùng tình trạng này nhưng nói chung cho cử tri của quận Cam.

Một số thay đổi đáng lưu ý là lớp người trẻ Mỹ gốc Việt, đang trưởng thành hoặc đã trưởng thành không cuu mang

những gánh nặng quá khứ nhiều ân oán của một giai đoạn lịch sử cam go của Việt Nam, đang suy nghĩ và hành xử gần hơn với nếp nghĩ và chọn lựa của các nhóm người di dân khác, và phần nào gần với thay đổi chung của xã hội đa chủng tộc và đa văn hoá quanh họ. Những chọn lựa chính trị

Cử tri người Việt ở quận Cam

Năm	Cộng hoà	Dân chủ	Đảng khác	Tổng số cử tri
1992	57 %	23 %	20 %	34 845
1996	49 %	26 %	25 %	53 586

Chọn lựa cử tri mới

Tuổi	Cộng hoà	Dân chủ	Đảng khác
18-29	39%	32%	29%
30-39	48	27	25
40-49	40	30	30
50-59	37	32	31
60 trở lên	32	38	30

Các đảng khác có : Reform Party, Libertarian, Green, American Independant, v.v...

gần như nghiêm nhiên của năm, mười năm trước giờ gần như chỉ dành cho một số người trong cộng đồng. Người Việt di dân ở quận Cam, California, đang chuyển từ một khối Cộng hoà chiếm đa số sang nhiều khối nhỏ hơn, thuộc nhiều đảng chính trị khác nhau.

Trước đây, bằng các phán đoán tương đối dễ dãi, dựa vào định kiến hơn là qua thực chứng, lắm bà con người Việt ở quận Cam (và có lẽ ở nhiều tụ điểm lớn của người Việt ở Mỹ) tin rằng đảng Cộng hoà là đảng của họ, đứng về phía quyền lợi và quan tâm của họ. Quan tâm ở đây là chống lại nhà nước và chế độ hiện nay ở Việt Nam. Quan tâm này thật đến đâu, và quan trọng đến đâu đối với đảng Cộng hoà là câu hỏi mà suốt nhiều năm nay không ai cần câu trả lời. Còn nếu quyền lợi chỉ có nghĩa là mọi sự trợ cấp tương đối ưu đãi dành cho người tị nạn Đông Dương thì trước đây nó gần như không mang tính đảng phái. Nhưng rồi ưu tư về quyền lợi càng ngày càng lấn lướt, khi mà việc trợ cấp ngày càng khó khăn, và quyền lợi tự nó cũng mang thêm nhiều sắc thái khác nữa. Quyền lợi không nằm trong ký ức, trong nỗi hiềm thù, cay đắng riêng. Quyền lợi gắn liền với túi tiền, với đồng bạc thuê (của kẻ làm ra tiền), với các phụ cấp, trợ cấp (của người còn cần được sự giúp đỡ của một chính sách nhằm duy trì an toàn xã hội). Cộng đồng người Việt phân hoá sâu thêm nữa về các thành phần kinh tế. Các đặc tính về quyền lợi của cộng đồng cũng đang trở thành đa dạng. Sự thay đổi này tất yếu dẫn tới việc chọn lựa chính trị mang nhiều màu sắc hơn. Việc bám riết vào quá khứ và định kiến ban đầu giờ chỉ dành cho những người sống ít gần bó hơn với cuộc đời thật ở Mỹ.

Cuộc bầu cử địa phương trở thành cây đing của cả nước Mỹ lại là cuộc bầu cử dân biểu khu vực Garden Grove (khu 46) của quận Cam. Đến hôm nay, 23.11.96, kết quả kiểm phiếu chính thức công bố ứng cử viên Loretta Sanchez (Dân

chủ), một phụ nữ gốc Mỹ la tinh 36 tuổi, đã thắng dân biểu đương nhiệm Robert Dornan với số phiếu chênh lệch là 986 phiếu. Dornan là nhà vô địch của các vấn đề như : tăng cường ngân sách chiến tranh, vấn đề lính Mỹ bị bắt làm tù binh và mất tích (POW-MIA), chống quyền phá thai, chống những người đồng tính luyến ái, và chống cộng. Tưởng cũng cần mở ngoặc về từ chống cộng đa nghĩa, đa dụng và đa đoan, khi dùng nó cho Dornan. Đây là câu nhận xét (Dornanisch) về nhà làm phim Olivier Stone : một tên bôn-sê-vích thù địch. Cái đuôi chống cộng kiểu này giúp Dornan gom được một số phiếu từ cộng đồng người Việt. Đóng ngoặc. Ông Dornan chưa chịu thua, ông đòi kiện.

.

.

Rốt cuộc, câu khẩu hiệu năm 1992 của ứng cử viên Clinton, *It's the economy, stupid*, chỉ cần sửa lại thành, *It's still economy, stupid*, cho năm 1996. Tuy nhiên, trên hành động, người ta nhìn thấy một sự nhích lại của hai bên tranh cử. Tức ông Clinton đã tỏ ra rất Cộng hoà, ông ta đã phải đổi giọng, phải nhân nhượng không ít để kiếm phiếu. Việc này đồng thời cho thấy, trong một số vấn đề, những chuyển dịch của dư luận và thái độ xã hội Mỹ về phía bảo thủ. Có một số biểu hiện tương đối nghiêm trọng, đáng âu lo đối với một số người, nhất là những người công dân Mỹ sinh đẻ ở nước ngoài và con cái của họ. Đó là cái chiều hướng Mỹ ngày càng trở nên gay gắt, ít thân thiện trong việc đối xử với dân nhập cư. Vấn đề thứ hai là việc chống đối và tìm cách huỷ bỏ các chính sách, qui định nhằm nâng đỡ phụ nữ và các sắc dân thiểu số của Mỹ. Lần bầu cử này, dự luật tiểu bang số 209, nhằm huỷ bỏ các nâng đỡ này, đã thắng phiếu do người Việt Nam không nằm trong diện thiểu số nên nhiều người Việt Nam dễ tin rằng họ sẽ được lợi. Tuy nhiên, vấn đề thật không nằm ở chỗ đối điều lợi nhỏ. Điều đáng quan tâm hơn là sự ngăn chia cách biệt xã hội có thể gay gắt hơn trong một bối cảnh những hình thức đối xử phân biệt chỉ trở nên tinh tế hơn chứ không thực sự biến mất. Và khi sự xung khắc (có thể dẫn đến xung đột) chủng tộc xảy ra, những hậu quả tai hại của nó sẽ không biết phân biệt màu da hay chủng tộc ; các cộng đồng lớn của người Việt lại nằm trong các tụ điểm đa chủng tộc như thế. Và trong cái lò luyện Hợp chủng này, cần làm gì, và làm được gì để tháo bỏ cái ngòi nổ chủng tộc vẫn là điều cần quan tâm.

Sau ngày 5.11.96, cả ông Clinton, tổng thống đương nhiệm kỳ hai lẫn hai nhà quốc hội do Cộng hoà chiếm đa số cũng nhiệm kỳ hai, đều nói nhiều về sự hợp tác, sự hoà hoãn, tương nhượng trong bốn năm tới. Song, các chữ dễ nghe này, trong ngôn từ của chính khách có thể mang nhiều nghĩa khác nhau. Nó có thể đồng nghĩa cả với mua bán và đối chác. Theo cách nói Mỹ, anh bán xe hơi cũ là anh nói khó tin. Nhưng lại càng không nên tin kẻ nào đó hứa bán cho ta một cái cầu. Liệu cái cầu đi vào thế kỷ 21 của liên danh Clinton và Gore có thật không ?

Nguyễn Lộc (11.96)

Hội nghị thượng đỉnh Roma về lương thực

FAO và nạn đói

Nguyễn Quang

Hội nghị thượng đỉnh toàn cầu về lương thực đã họp trong tuần chót của tháng 11 ở Roma, dưới sự bảo trợ của FAO (Tổ chức lương nông Liên Hiệp Quốc), với sự có mặt của đông đảo những nguyên thủ quốc gia, thủ tướng. Hội nghị đã long trọng thông qua một bản *Tuyên bố « tái khẳng định rằng bất kỳ ai cũng có quyền ăn uống lành mạnh và đủ chất dinh dưỡng »*, và một kế hoạch hành động nhằm, từ nay đến năm 2015, giảm số người thiếu ăn xuống một nửa.

Cố nhiên, người ta chỉ có thể tán thành bản tuyên bố của hội nghị Roma — và bài diễn văn khai mạc của Giáo hoàng — khi hai văn kiện này nói rằng, sắp bước sang thế kỷ 21, mặc dầu khoa học, kỹ thuật đã có bao nhiêu tiến bộ, góp phần tăng trưởng lương thực và của cải, mà còn hơn 800 triệu người (1/6 dân số toàn cầu) vẫn phải sống trong cảnh đói ăn, thì quả là một điều “không thể chấp nhận được”. Song người ta không thể không cảnh giác đối với những cuộc *đại thánh lễ* Liên Hợp Quốc thường tổ chức linh đình, mà rốt cuộc chỉ đưa ra những lời ước mong suông.

“Cách mạng xanh”

Cũng nên nhắc lại là FAO, tổ chức lương thực và nông nghiệp của LHQ, đã được sáng lập từ năm 1945 với mục đích “nhằm giải phóng nhân loại khỏi nạn đói” (Nghị định thư thành lập). 4 chức năng chính của FAO là : (1) giúp đỡ các nước đang phát triển về kỹ thuật ; (2) góp ý kiến với chính phủ các nước về chính sách và kế hoạch ; (3) tập hợp, phân tích và phổ biến thông tin ; (4) làm nơi gặp gỡ giữa các nước giàu và các nước nghèo để họ thảo luận một cách bình đẳng. Hai đỉnh cao trong quá trình hoạt động của FAO : Hội nghị thượng đỉnh vừa qua, và trước đó là Hội nghị thế giới năm 1974 mà ta có thể lấy làm tiêu chuẩn để so sánh. Hội nghị 1974 đã đặt ra một mục tiêu đầy tham vọng, thậm chí quá mức : thanh toán nạn đói trên toàn cầu trong vòng 20 năm. Hai mươi đã qua, có thể sơ kết ra sao ? Thích đáng nhất vẫn là hình ảnh chai nước nửa đầy nửa vơi :

– nếu so với mục tiêu đề ra là thanh toán nạn đói, thì rõ ràng đã thất bại : theo một bản báo cáo của FAO vừa được công bố, 841 triệu người (riêng ở châu Á 512 triệu) bị đói, và mỗi năm có 6 triệu trẻ em dưới 5 tuổi phải chết vì thiếu ăn. Nếu tính đến hậu quả lâu dài vì thiếu ăn và suy dinh dưỡng (thiếu protein, vitamin và khoáng chất gây ra những tật bệnh mãn tính...), thì phải nhân những con số kể trên ít nhất lên gấp đôi. Theo ước tính trong một nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới, thì nếu một nước 50 triệu dân phải sống trong tình trạng suy dinh dưỡng của một số vùng ở Nam Á, hậu quả có thể tóm tắt bằng vài con số : 20 000 người chết, 11 000 trẻ em sinh ra là ngu độn hoặc sẽ đui mù trước tuổi đi học ; 1,3 triệu người — nằm lao động phải mất đi do lù đừ uế oải (*léthargie*) hoặc tật nguyên ; 360 000 học sinh — nằm bị lãng phí...

– mặt khác, rõ ràng là nạn đói đã lùi bước : trong vòng 25 năm, tỉ số người thiếu ăn đã từ 41 % giảm xuống 25 % ở Đông Nam Á, từ 25 % xuống 10 % ở Cận Đông, từ 18 % xuống 14 % ở châu Mỹ Latinh ; chỉ còn châu Phi... Tại những vùng có tiềm lực sản xuất lớn, mật độ dân số cao và không thiếu nước (thí dụ

Ấn Độ), thì cuộc “cách mạng xanh” — bắt đầu từ những năm 60, nhằm mục đích phát triển sản xuất bằng những phương thức liên hợp : cải thiện bộ giống của hai loại ngũ cốc then chốt (lúa gạo và lúa mì), làm chủ nguồn nước, sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu, vận dụng những phương pháp nông học hiện đại — đã đạt được những thành tựu hiển nhiên, nhờ đó năng suất năm 1990 đã tăng gấp đôi so với năm 1960.

Do đó, các chuyên gia về lương nông đã tỏ ra “lạc quan có mức độ” : họ cho rằng cứ theo đà hiện nay, số người thường xuyên thiếu ăn (hiện nay khoảng 800 triệu) tới năm 2015 sẽ giảm xuống 650 triệu. Cho nên có thể coi “kế hoạch hành động” vừa được thông qua ở Roma là một loạt những nỗ lực bổ sung nhằm đẩy nhanh quá trình giảm đói để tới năm 2015 xuống tới mức 400 triệu.

“Cách mạng hai lần xanh”

Mọi người đều biết chẳng mấy khi các chuyên gia lại đồng ý với nhau, và tiên đoán là một điều cực khó, nhất là phải tiên đoán về... tương lai. Những chuyên gia “bi quan”, nghĩa là những người không chịu nhìn số liệu với đôi mắt kính màu hồng của FAO, đã phản biện bằng những luận cứ thuộc về môi trường học và xuất phát từ quan điểm Malthus : năm 2025 muốn nuôi được 8,3 tỉ người (dân số toàn cầu lúc đó, theo dự tính trung bình) thì từ nay tới đó phải tăng gấp đôi sản lượng lương thực, và để có thêm sản lượng đó, 1/3 có thể đạt được nhờ mở rộng diện tích gieo trồng, 2/3 phải do tăng năng suất. Thế mà hiện nay, tốc độ tăng trưởng sản lượng nông nghiệp lại có xu hướng giảm sút : trong thập niên 60, nó ở mức trung bình 3 % mỗi năm, sang thập niên 90, nó chỉ còn 1,8 %, và chính FAO cũng dự liệu là xu hướng giảm tốc này sẽ còn tiếp tục ít nhất cho đến năm 2010. Khả năng mở rộng diện tích canh tác thì có hạn : châu Á, nhất là Đông Nam Á, gần như đã đạt mức bão hoà ; ở châu Phi, có thể khai thác nhiều vùng đất khô, nhưng không biết phải trả tới giá nào ? Nhìn chung, theo FAO, mỗi năm người ta khai thác thêm được 100 triệu hecta, nhưng diện tích đất trồng bị xói mòn, kiệt quệ và một phần bị đô thị hoá cũng lên tới khoảng 100 triệu hecta. Còn sản xuất thâm canh quá mức cũng đụng phải những giới hạn tự thân : tưới nước nhiều sẽ làm giảm trữ lượng các lớp nước ngầm, dùng nhiều phân bón sẽ muối hoá đất đai. Tại hội nghị thượng đỉnh năm 1992 ở Rio, người ta ước tính đã có 200 triệu hecta đất đai trở thành “kiệt quệ vì hoá học”.

Người ta có thể không đồng ý với cái nhìn báo động đại họa của những tổ chức như Worldwatch Institute (viện này đề nghị đánh thuế việc tiêu thụ thịt để khuyến khích sản xuất ngũ cốc). Người ta cũng có thể bác bỏ những luận đề Malthus gần 200 nay đã liên tục báo động về nạn nhân mãn, vì thời gian đã chứng minh rằng “thuốc tránh thai hiệu quả nhất là sự phát triển”. Thậm chí, theo các nhà dân số học của INED (Viện quốc gia nghiên cứu dân số, Pháp), giả thuyết dân số toàn cầu sẽ không vượt mức tối đa 8 tỉ là một giả thuyết có nhiều căn cứ. Tuy nhiên, người ta không thể không tán thành khẩu hiệu “cách mạng hai lần xanh”. Xuất phát từ nhận xét cuộc “cách mạng xanh” đã bị khựng lại vì không biết quản lý tài nguyên, các đầu vào và các loại kỹ thuật, nhiều nhà nông học và kinh tế đã đề ra một quan niệm mới : thúc đẩy “cách mạng xanh” tiến lên mà vẫn tôn trọng những cân bằng sinh thái, tập trung vào những vùng nghèo khó, ưu tiên những loại trồng trọt liên kết và sự kết hợp nghề nông với nghề rừng, phát triển những loại ngũ cốc địa phương (ngô, cao lương) cho đến nay bị coi nhẹ và đã phải nhường chỗ cho hai ngũ cốc then chốt (lúa gạo và lúa mì), khuyến khích nông dân tham gia các cuộc cải tổ, thực hiện quyền nông dân có đất...

(xem tiếp trang 24)

Đầu tư nước ngoài, tăng trưởng và phát triển

Lê Văn Cường

Bài này chủ yếu dựa vào phần 3 luận án tiến sĩ
“ *Ajustement structurel et transition vers l'économie de marché. Le cas du Vietnam* ” do Trần Thị Anh Đào
bảo vệ ngày 22-11-1996 tại trường Đại Học Paris 13.

1. Tại sao cần đầu tư trực tiếp của nước ngoài ?

Dùng chính sách mở cửa kinh tế để phát triển, Việt Nam không thể không đo lường vai trò của sự giao thông với bên ngoài của các luồng thương mại và vốn trong quá trình công nghiệp hoá và gia nhập vào kinh tế thế giới. Vì vậy cần nhìn lại vai trò của đầu tư trực tiếp của nước ngoài (IDE : *Investissement direct étranger*) cả về mặt lý thuyết lẫn ảnh hưởng thực tế của nó trên các nước đang phát triển (PED : *Pays en développement*).

Vì lãi suất vay vốn nước ngoài, trong thập niên 70, quá nặng đối với những PED, nên những nước này phải tìm cách cân bằng hoá các luồng vốn do vay mượn bên ngoài hoặc do sự giúp đỡ cho việc phát triển (APD : *Aide publique au développement*) của khối phương tây, và do IDE. Những lý do thường được đưa ra là như sau :

1) tiền vay bên ngoài và APD thường được dùng để thoả mãn nhu cầu tiêu dùng (của Nhà nước và tư nhân) hoặc để đầu tư vào những đề án kém hiệu quả hay phải chờ lâu mới thấy kết quả, trong khi đó IDE có thể đi thẳng vào khu vực sản xuất và bổ sung tiết kiệm nội địa để tài trợ những đề án có kết quả trong một thời gian tương đối ngắn.

2) Lợi tức cổ phần của IDE dựa vào lời lỗ của các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ; nó không bị ràng buộc một cách cứng rắn (trả lãi và phải trả đúng định kỳ) như trong trường hợp vay vốn nước ngoài.

3) Mặt lợi của IDE là bên trong và bên ngoài cùng nhau chia sẻ trách nhiệm và may rủi.

4) Cuối cùng, IDE không chỉ là nguồn cung cấp vốn và ngoại tệ mà còn là phương tiện chuyển giao kỹ thuật, trong đó phải nói đến kỹ thuật quản lý và tiếp thị (marketing). Nghĩa là, về lâu, về dài IDE sẽ giúp nước tiếp nhận IDE phát huy khả năng cạnh tranh với bên ngoài.

2. Một mô hình lý thuyết về IDE

Để minh hoạ tính cách tích cực của IDE, một số kinh tế gia dựa vào mô hình toán của Tagaki (1981). Trong mô hình này, sản xuất dựa vào vốn cố định và lao động ; đầu tư là do tổng tiết kiệm — trong đó có nguồn vốn từ bên ngoài vào — tạo ra (sau khi đã trừ đi khấu hao). Những kết luận từ mô hình đó rút ra tương đối khá lý thú :

— một nước (gọi nó là nước A), với vốn ban đầu thấp, dẫu có IDE, vẫn không “ ngóc đầu ” lên được. Vậy phải làm gì ? Có

hai biện pháp : giảm nợ hoặc giúp vốn. Trong vài trường hợp, nên giúp vốn hơn giảm nợ : như vậy, nước A sẽ đạt một mức tăng trưởng tốt với một mức nợ thấp hơn mức ban đầu (có nghĩa là nước A sẽ hoàn lại một phần nợ ban đầu). Trong mô hình Tagaki, nước A, nếu được giúp đỡ (giảm nợ hoặc giúp vốn) sẽ đạt được một mức tăng trưởng tốt, nhưng giá phải trả là mang nợ nước ngoài (ở một mức ổn định, như trường hợp Hàn Quốc vào những năm 70-80). Mức tăng trưởng càng cao, nợ càng cao. Bài học chính rút ra từ mô hình này là : một mình IDE không thể giúp nước A phát triển mà còn cần sự giúp đỡ bên ngoài hay huy động vốn từ bên trong, và giá phải trả cho tăng trưởng là mang nợ nước ngoài.

3. Lợi và hại của IDE

Một trong những phê bình về mô hình Tagaki là nó quá tổng quát (tất cả các loại hàng hoá, sản phẩm được gộp lại với nhau thành một sản phẩm thuần nhất). Vì vậy không phân biệt được điểm lợi hay điểm hại của IDE trên những vấn đề như sau :

— IDE cạnh tranh với hàng nội như thế nào ?

— IDE có đẩy mạnh sản xuất những sản phẩm nội địa được dùng làm đầu vào (input) cho việc sản xuất những sản phẩm vận dụng IDE hay không ?

— Phối hợp thế nào IDE với chiến lược vừa thay thế một số sản phẩm cần phải nhập vừa khuyến khích xuất khẩu một số mặt hàng khác ?

Để trả lời các câu hỏi trên, ta phải xem xét ảnh hưởng của IDE trên đầu tư nội địa, lao động, ngân sách Nhà nước, cán cân ngoại thương và thanh toán (*balance des paiements*), tăng trưởng trong tương lai của nước đón nhận IDE.

3.1 Ảnh hưởng trên đầu tư nội địa

Người ta thường nghĩ IDE có tác động tốt trên đầu tư nội địa với những lập luận như sau :

a) IDE sẽ thúc đẩy sản xuất ở nước sở tại những sản phẩm được dùng làm đầu vào cho IDE, hoặc thúc đẩy những ngành công nghiệp dùng đầu vào là những sản phẩm do IDE tạo ra ;

b) Nhà nước buộc phải đầu tư vào hạ tầng cơ sở để đáp ứng nhu cầu của IDE.

Nhưng vấn đề phức tạp hơn như vậy. Theo một nghiên cứu của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế OCDE năm 1987, thì ở một số nước, IDE đã làm giảm tỷ lệ đầu tư nội địa vì hai lý do :

i) nếu dùng IDE để sản xuất hàng tiêu dùng nội địa, người dân có thể giảm tiết kiệm để tiêu dùng hàng do IDE tạo ra ;

ii) nghiêm trọng hơn, nếu IDE sản xuất những mặt hàng đã do nước sở tại sản xuất hoặc có thể sản xuất ra, IDE sẽ

loại một số nhà sản xuất nội địa, nếu IDE cạnh tranh giỏi hơn.

Vì vậy, người ta thường kết luận là nên dùng IDE cho việc xuất khẩu những sản phẩm mà nếu không có IDE, nước sở tại sẽ không sản xuất ra được.

3.2 Ảnh hưởng trên lao động

Dĩ nhiên IDE có ảnh hưởng *trực tiếp* trên lao động : những xí nghiệp nước ngoài phải tuyển dụng lao động của nước sở tại. Một vài ảnh hưởng *gián tiếp* :

a) tiêu dùng của những người làm việc ở các xí nghiệp có vốn nước ngoài sẽ giúp sự tăng trưởng nội địa và tạo thêm công ăn việc làm ở nước sở tại ;

b) những xí nghiệp sản xuất *đầu vào* cho các xí nghiệp có IDE sẽ tăng thêm sản xuất, đồng thời tạo thêm việc làm ;

c) IDE sẽ thúc đẩy một số ngành khác tăng sản xuất và sử dụng thêm nhân công (ví dụ: hạ tầng cơ sở, dịch vụ phân phối).

Nhưng những ảnh hưởng *gián tiếp* thật ra khá *nhập nhằng* :

– trong trường hợp IDE cạnh tranh với hàng nội địa, không loại trừ một số xí nghiệp trong nước phải đóng cửa vì không cạnh tranh nổi với xí nghiệp có IDE ;

– ngay cả trong trường hợp dùng IDE để phục vụ chiến lược tăng trưởng qua xuất khẩu, nếu IDE không dùng hàng nội làm *đầu vào* (vì chất lượng kém) mà phải nhập *đầu vào* thì chưa chắc đã có lợi cho nước sở tại.

3.3 Ảnh hưởng trên ngân sách quốc gia

Trực tiếp, IDE buộc ngân sách Nhà nước phải chịu một số thiệt thòi :

i) cải tiến hoặc xây dựng thêm hạ tầng cơ sở để đón nhận IDE sẽ làm tổn kém ngân sách ;

ii) những doanh nghiệp nước ngoài được hưởng một số ưu đãi như không đóng thuế hoặc đóng thuế ít trong một thời gian cũng tạo ra thất thu cho ngân sách.

Ngược lại, nếu IDE tạo thêm công ăn việc làm, tăng sản xuất, nó sẽ *gián tiếp* tăng thu cho ngân sách vì nguồn thuế sẽ tăng.

3.4 Ảnh hưởng trên cán cân với bên ngoài

Có thể nêu ra những thuận lợi sau đây : tiết kiệm ngoại tệ vì IDE giúp sản xuất những sản phẩm thay thế hàng nhập ; tăng thu ngoại tệ qua xuất khẩu. Nhưng không quên ảnh hưởng tiêu cực nếu xuất khẩu lệ thuộc vào việc nhập khẩu *đầu vào*. Ngoài ra cũng không nên quên là phải trả lãi, trả lợi tức cổ phần cho các cổ đông (*actionnaires*) nước ngoài, phải để cho doanh nghiệp nước ngoài mang về nước họ một phần lãi.

3.5 Ảnh hưởng trên tăng trưởng trong tương lai

Qua những phần trên, ta thấy ảnh hưởng trước mắt của IDE tương đối *khá nhập nhằng*. Vậy trong tương lai ảnh hưởng của nó là thế nào ?

IDE, theo nguyên tắc, làm tăng năng suất và hiệu quả làm ăn của các xí nghiệp nội địa nhờ sự chuyển giao công nghệ và sự tăng năng lực lao động ; các xí nghiệp, cũng như những người lao động, buộc phải “ làm quen ” với những điều

kiện làm việc phức tạp hơn và những kỹ thuật mới mẻ. Ngoài ra, nếu IDE cạnh tranh với xí nghiệp trong nước, những xí nghiệp này, nếu muốn tồn tại, buộc phải làm ăn có hiệu quả hơn.

Từ những lập luận đó, ta có thể kết luận là IDE, trong tương lai, giúp nước sở tại có sức cạnh tranh với bên ngoài với điều kiện là :

– phải đẩy mạnh giáo dục, đào tạo, để nhân công trong nước có thể tiếp thu được sự chuyển giao công nghệ ;

– coi chừng trường hợp IDE thu hút quá nhiều nhân công lành nghề ;

– không nên quá mơ tưởng là ta có thể ảnh hưởng mạnh lên quyết định của các xí nghiệp đa quốc gia (*firmes multinationales*) về những công nghệ họ sẵn sàng chuyển giao.

Nếu muốn tạm kết luận về các ảnh hưởng của IDE trên kinh tế các nước đón nhận, ta có thể ghi lại những điểm sau đây :

i) trước tiên phải xác định rõ những khu vực nên sử dụng IDE ;

ii) đặt sự hoạch định nói trên trong khuôn khổ chung của một chiến lược mở cửa kinh tế (sản xuất hàng thay thế hàng nhập và/hoặc khuyến khích xuất khẩu) ;

iii) biết rõ khả năng về nhân lực để tiếp thu tốt việc chuyển giao công nghệ ; đẩy mạnh giáo dục đào tạo.

Tóm lại, nếu trước mắt, ảnh hưởng của IDE *khá nhập nhằng*, song nếu biết vận dụng, thì về sau, nó có thể giúp nước sở tại đạt tăng trưởng cao qua việc cạnh tranh thành công với bên ngoài.

4. IDE và chiến lược mở cửa kinh tế

Phát triển công nghiệp thường dựa vào ba tiêu chuẩn sau đây :

a) tùy giai đoạn của quá trình phát triển mà thúc đẩy những kỹ nghệ phù hợp ;

b) định mức cho những công nghiệp hướng vào thị trường nội địa, và những công nghệ hướng ra bên ngoài ;

c) tùy giai đoạn, xác định vị trí của những tác nhân kinh tế (xí nghiệp tư nhân trong hay ngoài nước, xí nghiệp quốc doanh).

Nói một cách khác, phải có một chiến lược mở cửa kinh tế. Chiến lược dựa trên IDE gồm 2 vế : công nghiệp thay thế hàng nhập (*ISI, Industries de substitution aux importations*), công nghiệp hướng vào xuất khẩu (*IOE, Industries orientées vers l'exportation*). Lợi và bất lợi của mỗi phương cách là thế nào ?

4.1 Lợi và bất lợi của ISI

Trước tiên nên xác định mục tiêu của ISI : bảo vệ những công nghiệp đã có sẵn hay mới chớm nở ở trong nước khỏi bị sự cạnh tranh của hàng nhập. Phương tiện để thực hiện chủ yếu là dùng thuế nhập khẩu, quotas, hoặc chế độ có nhiều hối suất (để nhập để dâng hàng trung gian, máy móc thiết bị cần thiết cho công nghiệp nội địa) hoặc hạn chế ngoại tệ.

Lợi của ISI : độc lập kinh tế ; ngân sách Nhà nước tăng nhờ thuế nhập khẩu ; tiết kiệm ngoại tệ ; giúp những xí nghiệp trong nước đạt hiệu quả làm ăn và trong tương lai sẽ

có sức cạnh tranh với bên ngoài.

Bất lợi của ISI : người tiêu dùng phải trả giá hàng cao ; ít khuyến khích hàng xuất khẩu ; để đạt hiệu quả trong sản xuất, cần nhập máy móc thiết bị, cho nên, nếu tiết kiệm ngoại tệ qua giảm nhập hàng tiêu dùng, ta lại tăng nhu cầu ngoại tệ vì tăng nhập khẩu máy móc, thiết bị ; giá thành cao hơn giá trên thị trường quốc tế.

4.2. Lợi và bất lợi của IOE

Mục đích của IOE là vận dụng những lợi thế (nhân công rẻ, sản phẩm thô rẻ...) của nước sở tại để triển khai một số công nghiệp xuất khẩu. Phương tiện thực hiện thường dùng là “ bao cấp ” những xí nghiệp xuất khẩu để giá xuất khẩu thấp hơn giá trên thị trường thế giới, hoặc xây dựng những khu chế xuất (*zones franches*), hoặc ổn định hối suất ở mức có lợi cho xuất khẩu.

Lợi của IOE : dùng những kỹ thuật cần nhiều lao động để vừa có giá thành thấp, vừa tạo ra việc làm ; buộc các xí nghiệp xuất khẩu làm ăn có hiệu quả cao để cạnh tranh với bên ngoài ; khuyến khích sự tiến triển kỹ thuật bằng “ vừa học vừa làm ” (*learning by doing*) ; tăng nguồn ngoại tệ để có thể nhập thêm máy móc thiết bị cần thiết.

Bất lợi của IOE : lệ thuộc vào kinh tế thế giới ; phải ghìm lương để có thể cạnh tranh với bên ngoài (không thể có chính sách tăng trưởng qua tăng lương) ; luôn luôn linh động để đa dạng hoá các mặt hàng xuất khẩu.

4.3. ISI/IOE : bổ sung hay chống đối nhau ?

Nếu xét lợi hại của mỗi phương cách một cách *tĩnh*, ta có cảm tưởng là chúng chống đối nhau. Nhưng nếu nhìn một cách *động*, nghĩa là : ở mỗi thời điểm, xem ISI hay IOE như là một giai đoạn, vấn đề trở nên là dùng ISI hay IOE cho loại sản phẩm nào và vào lúc nào. Vì vậy người ta thường phân loại như sau :

ISI cấp một : công nghiệp nhẹ cần ít kỹ thuật cao, nhiều nhân công và dùng đầu vào là sản phẩm trong nước ; đó là công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng như quần áo, sợi, giày dép, công nghiệp chế biến thức ăn...

ISI cấp hai : công nghiệp cần nhiều máy móc và kỹ thuật, ví dụ : xe hơi, thép, máy...

IOE cấp một : công nghiệp dựa trên tài nguyên thiên nhiên (nông sản, khoáng sản...) hoặc/và công nghiệp cần nhiều nhân công *không* lành nghề để có lợi thế so sánh với bên ngoài.

IOE cấp hai : công nghiệp tạo ra giá trị gia tăng cao, cần kỹ thuật cao và nhân lực có chất lượng cao.

Kinh nghiệm của các nước châu Mỹ La tinh và các nước Đông Á và Đông Nam Á thường được dùng làm điển hình ; các nước đó, bước đầu, có chiến lược mở cửa giống nhau : trước tiên, xuất khẩu nguyên sản và nông sản và sau đó dùng ISI cấp một. Qua bước sau, các nước châu Mỹ La tinh và các nước Đông Á và Đông Nam Á dùng những phương cách khác nhau. Các nước trong khối thứ nhất bước sang giai đoạn ISI cấp hai. Có lẽ là những nước đó (ví dụ như Brasil) nghĩ rằng tài nguyên thiên nhiên dồi dào có thể tài trợ được việc phát triển công nghiệp nặng, hoặc thị trường nội địa khá lớn là một thuận lợi cho ISI cấp hai. Nhưng rồi cuộc, chiến lược này đã không thu hút lao động, làm tăng thất nghiệp, làm

khu vực xuất khẩu mất sức cạnh tranh với bên ngoài. Trong khi đó chiến lược của những nước trong khối thứ hai chứng minh là ISI và IOE không đối kháng nhau. Sơ đồ chiến lược đó là như sau :

Xuất khẩu sản phẩm thô và nông sản — ISI cấp một — IOE cấp một — ISI, IOE cấp hai.

Chiến lược này thành công vì nó thoả mãn hai điều kiện sau đây :

i) giai đoạn ISI cấp một đã tạo ra được một tầng lớp doanh nghiệp biết vận dụng kinh nghiệm, học hỏi để chuyển sang giai đoạn IOE cấp một.

ii) trong bước chuyển khó khăn này, Nhà nước đã đóng một vai trò quan trọng : có những biện pháp về lãi suất, về thuế, về bao cấp để “ áp đặt ” mục tiêu của mình cho các doanh nghiệp, và “ trừng phạt ” nếu họ làm sai.

Để minh hoạ cuộc tranh luận giữa nên chọn ISI hay IOE, Lê Văn Cường và những người khác (1996) đề ra một số mô hình kinh tế mở cửa xoay quanh hai trục :

Trục thứ nhất : nước đón nhận IDE đang ở trong tình trạng một nước công nghiệp hoá kém, buộc phải nhập máy móc và thiết bị. Chiến lược lúc này là ISI cấp một (thay thế hàng tiêu dùng được nhập vào). Bước đầu, xuất khẩu sản phẩm thô, sau đó, khuyến khích xuất khẩu hàng tiêu dùng, nghĩa là kết hợp ISI cấp một với IOE cấp một.

Trục thứ hai : đối với những nước đã đạt được một trình độ công nghiệp hoá khá tốt (ví dụ : những tân quốc gia công nghiệp hoá (NPI, *nouveaux pays industrialisés*) như Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore), chiến lược sẽ là thay thế hàng trung gian được nhập vào, nghĩa là bước sang giai đoạn ISI cấp hai.

Kết quả là, với một số điều kiện như tỷ lệ tiết kiệm quốc nội phải cao hơn tỷ lệ đầu tư cho hàng tiêu dùng, và độ co giãn về sự thay thế giữa hàng nội và hàng ngoại khá cao, ISI có lợi cho nước đang phát triển và ảnh hưởng sẽ gia tăng nếu nó được kết hợp với IOE.

Điểm yếu của những mô hình này là không cho biết thời điểm phải chuyển chiến lược.

Trên thực tế, định chiến lược là một chuyện, nhưng song phải có những chính sách đúng đắn đi kèm. Kinh nghiệm của châu Mỹ La tinh và khối Đông Á, Đông Nam Á minh hoạ khẳng định này : nếu đa số các nước trong khối thứ nhất thất bại trong chiến lược ISI, và ngược lại, nếu các nước trong khối thứ nhì thành công, đó cũng tùy thuộc khá nhiều vào bàn tay của Nhà nước.

5. IDE và phát triển : thực tế của những NPI đợt hai

Tại sao bài này chỉ nêu thực tế của những NPI đợt hai (Malaisia, Thái Lan, Indonesia) ? Vì người viết nghĩ là Việt Nam có khả năng theo sơ đồ tăng trưởng tương tự : tài nguyên thiên nhiên dồi dào, thị trường nội địa khá lớn, lương nhân công thấp, nhiều nhân lực với chất lượng thấp.

Ảnh hưởng của IDE trên đầu tư nội địa

Trước hết phải nói là tỷ lệ IDE/ GDP (tổng sản lượng trong nước) nói chung là thấp — trừ Malaisia (7,6 % năm 1992) — Thái Lan, 1,9 % năm 1992, Indonesia, 1,4 % năm 1992, nhưng tập trung vào một số công nghiệp như sợi, may

mặc, dụng cụ điện, điện tử, sản phẩm hoá học. Năm 1990, IDE đã đóng góp 36 % vào đầu tư về công nghiệp của Indonesia, 58% ở Malaysia. Nếu IDE bổ sung cho đầu tư nội địa ở Malaysia, nó đối kháng với đầu tư nội địa ở Indonesia (cạnh tranh với những xí nghiệp quốc doanh trong ngành dầu khí, thép, xi măng). Những ngành năng động nhất đều nằm trong tay những xí nghiệp đa quốc gia : dụng cụ điện, điện tử, hàng hoá học ở Malaysia, sợi, điện tử ở Thái Lan, dầu hoả, sợi ở Indonesia. Như vậy các nước này rất lệ thuộc vào IDE, và sẽ bị khó khăn nếu giá thành trở nên cao.

Ảnh hưởng trên lao động

Các công trình nghiên cứu về 3 nước nói trên đều nhất trí là IDE có ảnh hưởng tốt trên lao động vì :

- i) hướng về xuất khẩu
- ii) dùng những công nghệ ít phức tạp, hợp với trình độ phát triển của nước sở tại,
- iii) được dùng trong những lãnh vực cần nhiều nhân công.

Ảnh hưởng trên cán cân ngoại thương và thanh toán

Năm 1989, ở Malaysia, các xí nghiệp có vốn nước ngoài xuất khẩu 98 % sản lượng của mình. Ở Thái Lan, tỷ lệ này tăng từ 10 % năm 1971 lên 50 % năm 1988. Nhưng yếu kém là hoạt động xuất khẩu ở những nước này hoàn toàn nhập đầu vào. Ở Thái Lan, cán cân ngoại thương càng ngày càng thâm thủng. Malaysia cũng ở tình trạng tương tự, nhưng cán cân thanh toán lại dôi vì nhờ luồng vốn bên ngoài cứ tiếp tục vào. Ở Indonesia, cán cân thanh toán thâm hụt vì phải trả lãi của nợ nước ngoài.

Ảnh hưởng trên tăng trưởng trong tương lai

Nói chung, các NPI đợt hai rất lệ thuộc về mặt công nghệ vào các nước sản xuất ra sản phẩm trung gian và máy móc, đặc biệt lệ thuộc vào Nhật Bản. Các nước NPI đợt một (đó là những nước đầu tư vào các NPI đợt hai) thường chuyển những công nghệ cũ kỹ. Những xí nghiệp Nhật có chiến lược củng cố lại việc chuyển giao công nghệ bằng cách :

- i) sản xuất ở Nhật những sản phẩm tạo giá trị gia tăng cao, và sản xuất những sản phẩm tạo giá trị gia tăng thấp hoặc vừa ở các NPI đợt hai ;
- ii) chuyển đầu tư của mình lúc các xí nghiệp ở nước sở tại bắt đầu đạt một trình độ nào đó về kỹ thuật.

Nhưng chuyển giao công nghệ kém một phần là vì các nước sở tại không có đủ kỹ sư, kỹ thuật viên có trình độ để tiếp thu những công nghệ có thể chuyển giao được. Ở ba NPI đợt hai chỉ Malaysia là có khả năng hấp thu được các công nghệ vì trình độ nhân lực khá cao.

6. IDE và tăng trưởng ở Việt Nam

Năm 1992, tỷ lệ IDE/GDP ở Việt Nam là 2,6 %. Năm 1995, tỷ lệ IDE/tổng đầu tư là 40 %. Theo Phạm Văn Nghiên (1996), tỷ lệ đầu tư là 24 % ; như vậy tỷ lệ IDE/GDP của Việt Nam năm 1995 là 10 % cao hơn tỷ lệ của Malaysia năm 1992. Theo Vũ Quang Việt (1996), nếu không có IDE, năm 1994, tăng trưởng của Việt Nam chỉ là 5,2 % thay vì 9,5 %. Hiện nay IDE chỉ tạo thêm 0,1 % lao động của cả nước. Một lý do là IDE khá tập trung vào ngành dầu khí dùng nhiều máy móc hơn lao động. Nhìn chung ta có những cảm tưởng sau đây về tình hình IDE ở Việt Nam :

a) IDE chưa được lồng vào một chiến lược mở cửa rõ rệt : ISI trong lãnh vực nào, IOE trong lãnh vực nào ? Làm sao tránh tình trạng quá lệ thuộc vào bên ngoài về nợ cũng như về kỹ thuật ?

b) Như đã nói phía trên, IDE có thể bổ sung cho đầu tư nội địa nhưng cũng có thể làm nản lòng những doanh nghiệp trong nước. Nếu ở những NPI đợt hai không có sự phân biệt đối xử quá đáng về thuế giữa doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp trong nước, thì ở Việt Nam sự phân biệt này khá lớn ; ví dụ : thuế lợi nhuận có thể lên tới 45 %, và có thể tăng thêm 25 % nếu có lãi nhiều, trong khi đó, cho xí nghiệp có vốn nước ngoài, nó ở trong khoảng 25 % đến 35 % (hình như đã tăng lên 45 %) ; chưa kể là 2 năm đầu xí nghiệp có IDE được miễn thuế, và 2 năm sau được bớt 50 %. Phân biệt đối xử có thể làm biến mất đi một số doanh nghiệp trong nước.

c) Việt Nam hình như “quên” là ở những NPI đợt một (4 con rồng châu Á), chính quyền buộc các xí nghiệp có IDE phải tuân thủ một số ràng buộc : chuyển giao kỹ thuật, hiệu quả cao trong các ngành xuất khẩu.

d) Làm sao để có một đội ngũ công nhân, kỹ thuật viên lành nghề để nắm bắt được những công nghệ có thể được chuyển giao? Đây là một vấn đề phức tạp ; người viết bài này chỉ xin đưa ra một số ý kiến sơ sài :

d.1) làm sao chuyển được “đầu óc” của người Việt Nam quá chuộng bằng cấp ? Ở Việt Nam, người ta thường nói là có quá nhiều tiến sĩ, kỹ sư hơn kỹ thuật viên, công nhân viên lành nghề.

d.2) làm sao cải tiến hệ thống và trình độ giáo dục hiện nay ? Tăng ngân sách Nhà nước qua thu thuế ? Vì tầm cỡ nền kinh tế ngầm (*économie informelle*) khá quan trọng, có lẽ nên dùng thuế trị giá gia tăng (*taxe sur valeur ajoutée*) tuy nó khá bất công vì giàu nghèo đều bị một tỷ lệ thuế ngang nhau, nhưng khó làm gì khác. Ngoài ra, nhà nước có nên chỉ tập trung vào một số trường, trung tâm đào tạo và khuyến khích sự phát triển các trường dân lập (với điều kiện là chất lượng phải được kiểm tra là phù hợp với các chuẩn do nhà nước ấn định) ?

d.3) Nên chú ý việc đào tạo có chiều sâu trong một số lãnh vực như quản lý kinh tế, kinh tế cơ bản, khoa học kỹ thuật cơ bản để chuẩn bị cho tương lai.

Lê Văn Cường

TAGAKI,Y (1981): *Aid and Debt Problems in Less-Developed Countries*, Oxford Economic Papers, Vol.33, N°2.

LE VAN CUONG et alii (1996): *Transition et ouverture sur l'extérieur: les enseignements de quelques modèles*, Colloque CEPREMAP-CEDI, 28-29 mai 1996, Paris.

PHAM VAN NGHIEN (1996): *La Transition au Vietnam. Problèmes et perspectives*, Colloque CEPREMAP-CEDI, 28-29 mai 1996, Paris.

VU QUANG VIET (1996) : *Development of the Vietnamese Economy Between 1989-1995. An Institutional Analysis Approach*, Colloque CEPREMAP-CEDI, 28-29 mai 1996, Paris.

Một “ bản sắc cây đa ”

René Depestre

tập san *Courrier de l'Unesco*, 10.96.
Chủ đề *Sự lưu vong*.

Khi sự lưu vong thành quê hương

Thế giới đang tiến vào kỷ nguyên Internet, phải chăng điều này sẽ xoá nhòa nhân quan của chúng ta về sự lưu vong, hiện tượng mà nền văn minh hiện đại vẫn còn chia sẻ với mọi thời : từ Cổ đại, tới Trung cổ, qua Phục Hưng, tới Barốc, cổ điển, lãng mạn ? Trong những thời đại khác nhau ấy, quả đúng con người lưu vong là cái kẻ, bị búng khỏi mảnh đất quê hương, bị cắt rời cả tuổi thơ cùng tiếng mẹ đẻ, phải trải qua trong một xứ sở xa lạ sự thử thách đau đớn của tang thương và luyến tiếc.

Qua những chế độ xã hội khác nhau ấy, quyền lực chính trị đã buộc vào người lưu vong một bản án công khai tước đoạt quyền công dân và lưu đày biệt xứ. Đó là sự sử dụng công cụ luật pháp để bó buộc một con người phải sống xa quê hương (hay nơi đã chọn lựa để sinh sống) và cấm trở về. Niềm vui sống và ý thức toàn vẹn của người công dân bị nhận chìm vào một mùa đắng cay và khốn khổ dài đằng đẵng, cho tới khi căn bệnh mất cội rễ trở thành vô phương cứu chữa. Bị những thế lực lịch sử loại trừ khỏi mảnh đất cội nguồn, tàn phế hèn mọn vì đã lìa cội rễ, chẳng còn thân thể, kẻ lưu vong chỉ còn đủ hơi sức cho sự kiếm tìm tuyệt vọng một “ thiên đường nguồn gốc ”.

Ngày nay chúng ta đang chứng kiến sự mở rộng của mọi cảm nhận về thế giới. Lò luyện đan của những trao đổi và đụng chạm đủ mọi kiểu giữa các nền văn minh đang cháy đỏ hơn bao giờ hết. Trò phù thủy lỗi thời của những giáo điều toàn thủ, những giáo phái dị hợm lủng củng, những dạng thức tâm lý thoái hoá, nói gọn là tất cả những sự man dã hiện còn nhan nhản phô bày, chắc chắn sẽ thất bại trước sự giao hoà - sinh sản của mọi cảm quan, ý thức và giá trị đang tự khẳng định khắp nơi, trong những liên hệ giữa con người, trong sự trao đổi hiểu biết và mua bán hàng hoá trên toàn cầu.

Một đột biến có tính quyết định như thế, một sự phóng đại lớn như thế của mọi kinh nghiệm sống, đang mời gọi chúng ta suy nghĩ lại, hay là đánh giá lại với nhãn quan mới táo bạo hơn, về khái niệm lưu vong ; cũng như thật ra về phần lớn những tiêu điểm văn hoá cổ truyền, hiện trước mắt chúng ta vẫn bảo đảm mang màu vĩnh cửu. Quá trình toàn cầu hoá chóng hay chầy cũng sẽ làm lỗi thời và tàn tạ cái quan niệm rằng cứ phải sống nơi quê nhà, trong mùi cà phê bà nội pha, mới là có bản sắc. Con người và hàng hoá đang chuyển vận đến choáng ngợp, đời sống tinh thần như bị phủ phép đưa thoi giữa các nền văn minh khắp nơi trên trái đất ; những điều ấy kể từ nay đã lấy đi rất nhiều những tính cách tuyệt đối trong hoàn cảnh người lưu vong.

Nhiều cội rễ

Còn về kinh nghiệm sống của riêng tôi : nửa thế kỷ sau khi rời Haiti, vào năm 1946, suốt một đời lang bạt đã khiến tôi phát hiện một phương án trả miếng độc đáo cho những bi kịch mà sự lưu vong có thể mở ra trong cuộc đời người viết văn. Xa rời Jacmel, mảnh đất quê hương xứ Antille, tôi đã học cách hoàn toàn xa lánh những không gian chủng tộc khép kín, co cụm với nhau và co ro trong quá khứ, mà những nhóm lưu vong đủ mọi nước (cũng như những nhóm di dân nói chung) hay có khuynh hướng thành lập tại các xã hội đón nhận họ. Tôi đã luôn luôn nghi ngại tác dụng của những nhóm, và những tổ chức khả nghi, dựa trên sự luyến tiếc

này trong cộng đồng người nhập cư, làm kìm hãm khuynh hướng tự nhiên của việc hội nhập vào những giá trị của nơi định cư. Nhờ vào việc chăm lo cả hai bề, áp ủ ánh nắng quê nhà (đã mất) và bếp lửa quê người (đã được), tôi đã có thể làm người Pháp ở Paris, người Brasil ở Sao Paulo, người Tiệp ở Praha, người Ý ở Milano, người Cuba ở La Habana một cách rất tự nhiên. Những dây rề khác nhau này, cộng với di sản người Haiti, đã biến tôi thành *những tôi*, thay phiên nhau rung động với tất cả chất thơ trái đất, đã chuẩn bị cho tôi sống trong niềm vui và sự từng trải, giữa những thời gian đa bản sắc và ngập tràn văn hoá toàn cầu, đang gõ cửa chúng ta.

Khi tôi Cuba, vào tháng ba năm 1959, tôi đã có trong hành trang mười hai năm lưu vong, đã sống tại Paris, Praha, Milano, cũng như tại ba thủ đô của châu Mỹ Latinh : Santiago, Buenos Aires, Sao Paulo. Mang đầy vết thương, trong đầu thừa mứa những mâu thuẫn của chiến tranh lạnh, tôi nguyên rủa hơn ai hết sự giáo điều, sự cảnh sát cả giấc mơ, những lối gở và những đầu gổ, những tố cáo lẫn nhau, những lương tri hai mặt hay nhiều ngăn ; tất cả những cấu thành đáng sợ của chủ nghĩa Staline và khía cạnh chính trị thực tế khủng khiếp “ xã hội chủ nghĩa ” của nó.

Trong thời gian đầu hội nhập vào cách mạng Cuba, tôi đã có ấn tượng rất mạnh rằng chủ nghĩa Castro, trộn lẫn với phong cách Che Guevara, mặc dù vài tron trượt bước đầu, có khả năng chấm dứt được những biểu hiện vị chủng tộc đáng phẫn nộ, cùng với nhiều tệ nạn xã hội khác do chế độ thực dân để lại. Tôi đã sống ngày ngày với ảo tưởng rằng xứ sở của José Martí, Alejo Carpentier, Ernesto Lecuona, Nicolas Guillén, Wifredo Lam, Fernando Orti, sẽ không bao giờ lại để tôi phải thêm một lần đứng trước bước lưu vong. Ở tận cùng thâm tâm, tôi đã tin chắc trong nhiều năm, cũng như chung quanh người ta nhắc nhở, rằng Cuba cũng là tổ quốc của tôi, rằng tôi đã là một người Cuba nữa...

Nhưng những năm tôi ở Cuba cũng kết thúc bằng một lần nữa ra đi.

Nơi này và nơi kia

Làm gì đây với bao tháng năm lưu vong mang nặng trên vai, ở một nơi không phải Haiti, tên gọi cho quá nhiều quê hương thay thế khác nhau, trong thế giới hình tượng của tôi ? Sự vắng bóng tiếng créole Haiti mẹ đẻ trong các tác phẩm văn thơ tôi viết phải chăng là một dấu hiệu của sự lưu đày trong ngôn ngữ, một hình tượng triệt để cho con người du cư suốt đời lưu vong như tôi ? Khi tôi tán dương cái bản sắc Haiti bằng ngôn ngữ Pháp, với những giá trị truyền thống của nền văn hoá tiếng Pháp, phải chăng là tôi đã phản bội Jacmel, bản sắc créole, bản sắc da đen, tâm hồn Haiti siêu thực, những đêm tuổi thơ lung linh ánh nắng của thực tại tuyệt diệu, những thần thoại và những phù chú vaudou ?

Câu trả lời cho những chất vấn về bản sắc chỉ là chính cuộc đời người du cư đã lại mọc rễ lần nữa như tôi, từ mười năm nay sống cuộc đời công dân trong một tỉnh lỵ của chiều sâu nước Pháp. Tôi nghiệm ra rằng cái bản sắc cội-rễ-duy-nhất là một giáo điều có tính cách “ quốc gia-chủng tộc ”, đi ngược lại với một tinh thần khoé khoắn lớn cần thiết cho trí tưởng tượng của một nhà văn, luôn luôn tắm mát trong những nguồn bổ sung nhau, nơi *quê nhà* Haiti và nơi *quê người* ở đó tôi sống mãnh liệt cuộc đời Pháp.

Một hôm trên đảo Maurice tôi khám phá ra *cây đa*, một loại cây linh thiêng của miền Đông Nam Á. Sau thời gian đầu mọc lên một thân một rễ, cây này có khả năng thả thêm rễ từ trên cành xuống đất, hút thêm những nguồn sống khác để tự tăng trưởng dưới ánh mặt trời. *Bản sắc cây đa* định hướng cho cuộc đời và sự phiêu lưu làm nhà thơ của tôi ngược lại với sự lưu vong.

Hàn Thủy dịch

Nhà trường thời Pháp thuộc

Nguyễn Thắng

Độc sách : L'école française en Indochine

Trịnh Văn Thảo, Karthala, Paris 1995, 321 tr.

Chính sách nhà trường suốt tám thập kỷ (1862-1945) thực dân Pháp đô hộ nước ta là một yếu tố có tác động sâu xa vào xã hội và văn hoá của dân tộc.

Ngày hôm nay hai dân tộc Pháp Việt có thể bình đẳng đối thoại với nhau. Trịnh Văn Thảo cho rằng chính là lúc nên đem cái nhìn thanh thản của nhà khoa học góp phần vào cuộc đối thoại này, trong một vấn đề cho tới nay bên này, bên kia đã đề cập với ít nhiều thiên kiến. Hoặc phủ nhận sạch trơn hoặc lý tưởng hoá để tăng bốc ca tụng.

Mà sự kiện – phần lớn khơi ra từ tư liệu của Văn khố quốc gia hải ngoại (Pháp) (Archives nationales d'Outre-mer, Aix en Provence CAOM) – sao mà phong phú, phức tạp. Chẳng đơn điệu như các sơ đồ thành kiến phác hoạ ra.

Cuộc tranh chấp ngang ngửa không ngờ

Ở Việt Nam, không như ở nhiều thuộc địa khác, học đường Pháp vấp phải sức cạnh tranh của hệ thống giáo dục cổ truyền. Đã bám rễ trong lòng người, có mặt khắp nơi đến tận làng tận xóm. Mà chính sách nhà trường của chính quyền thuộc địa lại lúng ta lúng túng. Từ quan niệm, mục đích giáo dục, đến đội ngũ giáo viên, tư liệu giảng dạy.

Và thắng thế chưa hẳn đã nghiêng ngay về phía nắm toàn quyền chính trị và hành chính trong tay. Suốt trong một thời gian dài chưa chắc mèo nào thắng chuột nào.

Sức sống trường dạy chữ Nho mạnh mẽ một cách không ngờ. Ngay trước thế chiến thứ nhất, vào năm 1913, ở Trung và ở Bắc còn có đến 15 000 trường, số học trò là 200 000 người với 10 000 sĩ tử chuẩn bị thi hương.

Trong khi một thập kỷ sau, vào năm 1924, cộng lại tổng số học sinh các trường của chính quyền thực dân vẫn chưa đạt tới con số 200 000 đó (tr.33). Và sinh viên trường Đại học Hà Nội chỉ trôm trôm khoảng nghìn người.

Sau hai mươi năm thi hành Qui định chung về học chính (Règlement général de l'Instruction publique) một cách có hệ thống với mục tiêu ngấm ngấm dứt tuyệt nền giáo dục truyền thống, cuộc điều tra về nạn mù chữ ở Thanh Hoá vào năm 1938 còn cho thấy tương quan sức nặng giữa nền giáo dục chữ Nho cổ truyền và nền giáo dục mới dạy chữ Pháp và chữ quốc ngữ : tại những làng không có trường tiểu học như Thọ Lộc, Nam Thôn và Ninh Thôn chỉ có 3% đàn ông vào lứa tuổi 30 biết đọc chữ quốc ngữ, trái lại vào lứa 40 ngửa là lứa

học trường cổ truyền 48% biết đọc chữ Nho (tr.38).

Ấy thế, bản sắc văn hoá và truyền thống giáo dục chẳng một sớm một chiều mà mai một đi được.

Chia xé ý thức hệ, mâu thuẫn nội tại...

Chính sách học đường của thực dân Pháp chẳng bao giờ được nhất quán. Dạy những gì ? Để làm gì ? Cho những ai ? Ba câu hỏi gây giằng co giữa những ý thức hệ trái nghịch nhau. Thêm vào còn các áp lực khách quan : cách nào chống lại phong trào Đông du, làm sao đem văn hoá Pháp ngăn chặn sức thu hút đối với thanh niên của một Nhật Bản chói lọi sau trận đánh bại quân đội châu Âu của Nga hoàng. Mà không gieo rắc vào đầu óc người bản xứ những ý niệm tự do bình đẳng ? Còn khủng hoảng kinh tế 1930, thất nghiệp và thất nghiệp, dạy học rồi để tạo ra một lớp người bất mãn ?

Chỉ có một sự kiện được mọi phe đồng ý, đó là sự thất bại hoàn toàn của chính sách nhà trường trong thời các đề đốc nắm toàn quyền, nhằm đồng hoá một cách cực đoan người Nam kỳ. Tinh hoa xã hội trốn lánh trường thực dân. Thầy giáo vô học lại vô hạnh, dạy ra một mớ người bập bõm chữ Tây bời, ra luồn vào cúi trong những chức vụ tay sai hạ cấp.

Vì vậy có một xu hướng – tiêu biểu là giám đốc học chính Bắc kỳ Dumoutier, một người thông thạo chữ Hán am hiểu văn minh Á châu trân trọng Khổng giáo, rồi tiếp theo là giám đốc học chính Đông Dương Henri Gourdon – chủ trương thoả hiệp văn hoá. Thay vì tiếp tục hao tổn xây dựng trường học kém cả lượng lẫn chất so với trường truyền thống, nên giữ các trường đó làm cơ sở. Chỉ cần hiện đại hoá giáo dục bằng cách đưa vào chương trình học thi các môn toán pháp, vật lý, chữ Pháp và chữ quốc ngữ. Đồng thời buộc công chức người Pháp học tiếng bản xứ ; trong giai đoạn giao thời thì lập trường thông ngôn đào tạo lớp người trung gian giữa quan chức cai trị người Pháp và người dân.

Đối lại, có xu hướng liên hiệp trong đồng hoá. Động cơ là ý thức hệ phát huy sự nghiệp giáo hoá của nước cộng hoà Pháp “ phải reo rắc khắp thế giới ảnh hưởng của mình và mỗi khi có thể được phải đem ngôn ngữ, phong tục, lá cờ, binh khí, thiên tài của mình tới mọi nơi ” (tr. 86) Xu hướng này chủ trương tái tạo trường học mẫu quốc ở thuộc địa. “ Chính phục vật chất là vô nghĩa nếu không có chinh phục tinh thần đi kèm theo và người bản xứ chỉ được Pháp hoá từ trong tâm hồn họ khi họ đồng suy tư đồng ngôn ngữ với chúng ta. ” (tr. 102). Vậy chỉ nên dạy chữ Pháp và chữ quốc ngữ. Nhà Nho đương nhiên phải bị loại.

Xu hướng này không thuần nhất. Có người chịu chấp nhận thể hiện chủ trương tới nơi tới chốn không cần biết đến hệ quả tốt hay xấu cho Pháp. Kẻ khác lên tiếng báo động ngay. Học thuật trong cái ý nghĩa trọn vẹn của nó là một quả bom nổ chậm : “ Giáo dục cao đẳng, khoa học hay văn chương triển khai quá xa (...) sẽ phá hoại hành động lãnh đạo của chúng ta và đưa cái lúc chúng ta phải trả lại Đông Dương cho người Đông Dương đến gần kề ” (tr.102). Ấy là còn chưa kể những người thuộc tổ chức Tam điểm (franc-maçon) chỉ muốn phát triển trường học đứng ngoài tôn giáo, nghi ngại trường do các dòng tu mở ra.

Trái với hai xu hướng trên, luận điểm thực dân thật giản đơn : người bản xứ hèn kém cả về thể chất lẫn tâm thần là điều hiển nhiên, cũng như Đông phương thấp kém so với Tây phương, và tất cả, nhà nho, quan lại, triều đình Huế, Trung quốc, tất cả đều là kẻ thù của Pháp.

Một ý thức hệ, nhưng đi vào cụ thể thì lại sinh ra hai chủ trương trái ngược nhau. Một đòi dạy ít chừng nào tốt chừng đó, đồng hoá là nguy hiểm, nó chất chứa mầm mống phiền loạn. Chỉ cần dạy người bản xứ ít tiếng Tây bồi đủ để sai bảo là được. Chủ trương thứ hai đòi chỉ dạy tiếng Pháp mà thôi, có thể mới Pháp hoá người bản xứ. Triệt để chống chữ nho, chữ quốc ngữ không dùng được mới tạm dung thứ.

Ý thức hệ là một chuyện, áp dụng trong thực tế phải theo những đòi hỏi khác. Gần trong một phần tư thế kỷ, xu hướng thoả hiệp văn hoá thắng thế. Cho đến khi phong trào Duy tân và Đông du nổi lên, toàn quyền Paul Beau (1902-1908) phải phát triển trường pháp-việt, mở trường Đại học Hà Nội : *" Chắc chắn là sự sáng lập trường này thật sự gây tiếng vang trong giới bản xứ đã bị tác động bởi uy tín các trường đại học Nhật Bản và Trung Quốc, thậm chí bị chúng thu hút, cụ thể là đã có vài sinh viên đi Nhật..."* (tr.51).

Kế nghiệp Paul Beau, toàn quyền Klobukowsky (1908-1911) cho rằng nhà Nho là thủ phạm dấy gây các phong trào chống thuế, quyết triệt hạ nho học, đổi học đường theo mẫu trường Pháp. Xu hướng này được định chế hoá vào năm 1917 với Tổng qui định học chính do toàn quyền Albert Sarraut ký.

Trong bất cứ trường hợp nào, nhà trường thời Pháp thuộc chỉ phản ánh cái thế quân bình không thể đạt được giữa ý muốn tạo một đội ngũ cán bộ trung và cao cấp có giá trị cho bộ máy hành chính và kinh tế ở Đông Dương và ý chí kèm giữ người bản xứ trong địa vị thấp hèn, giữa yêu cầu kinh tế đòi hỏi phải thăng cấp cho thanh niên và yêu cầu chính trị bắt phải kèm hãm tham vọng của người bản xứ trong những giới hạn mà thực dân có thể chấp nhận được.

Những con số...

Số liệu là con dao hai lưỡi. Có thể cho ta một cảm tưởng chính xác nào đó, mà thật thì chúng không đạt được. Trịnh Văn Thảo ý thức rõ rệt giới hạn này và sử dụng số liệu với những dè dặt cần thiết. Trong điều kiện đó số liệu có thể là những mốc để so sánh.

Cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, tỷ số trẻ con đến trường ở tỉnh Bến Tre, một tỉnh hiếu học nhất Nam Kỳ là 3,5 0/00 (tr. 122), lương thầy giáo làng ở Gò Công chỉ trôm trôm tương đương với lương cu li (tr.125).

Sau khi toàn bộ hệ thống học đường đã được thiết lập theo Qui định chung về học chính năm 1917, những năm từ 1918 đến 1922, trường pháp việt cấp I (tiểu học) ở làng xã yếu kém. Nam Kỳ trội hơn vì ở Trung, ở Bắc còn giữ hệ trường cổ truyền. Chỉ sau khi bãi bỏ thi hương vào năm 1919, trường pháp việt mới được bắt đầu phát triển ở hai miền này. Số học sinh trường cấp II (bốn năm đầu trung học) không tới 2000 người. Còn cấp III (trung học chuẩn bị thi tú tài) chỉ có tại hai trường Albert Sarraut ở Hà Nội và Chasseloup Laubat ở Sài Gòn, với 86 học sinh cho toàn thể Đông Dương.

Mười năm sau, 1931-32, số học sinh cấp I là 320 000 người, đông gấp đôi so với năm 1921 (162 210 người). Học sinh cấp II tăng gấp ba, 1 814 người năm 1921, 4 894 người năm 1931. Có ba trường cấp II ở Hà Nội, Huế và Sài Gòn dành cho con gái, số học trò 105 năm 1921, đến 1931 là 343.

Số liệu cho thấy sự gạn lọc gắt gao. Có 31 778 học sinh đỗ tiểu học, nhưng đến đỗ tú tài chỉ còn 78 người.

Và cũng cho thấy trường công không đáp ứng đủ nhu cầu học tập. Các trường tư thực pháp việt thu nhận 14 868 học sinh năm 1921, năm 1931 con số là 35 637 trong đó có 13 065 học trò gái. Đã có một số đáng kể trí thức bản xứ, 1 857 người, làm nghề gõ đầu trẻ để sinh sống.

Sĩ số trường Đại học Hà Nội khoảng 500 sinh viên, không tăng trong thập kỷ 1921 đến 1931, trong khi đó học sinh cấp I và cấp II tăng gấp ba. Con số phản ánh sự dè dặt trong chính sách đại học trước khủng hoảng kinh tế 1930.

Vào thập kỷ sau, năm 1941-42, học sinh cấp I là 616 975 người, tăng gấp đôi so với 1931. Số học sinh Trung Kỳ tăng gấp ba (52 284 năm 1931, 150 000 năm 1941) bắt kịp Nam Kỳ (131 985 năm 1931, 156 954 năm 1941). Trong khi học sinh Bắc Kỳ tăng 2,5 lần trong mười năm (108 425 năm 1931, 241 122 năm 1941). Nhưng cấp II không phát triển tương xứng với sự đột phá của cấp I : con số 4 783 học sinh không đông hơn hồi 1931. Trong khi đó cấp III có 587 học sinh. Đại học mở thêm Trường cao đẳng khoa học. Số sinh viên được gần 1000, trong đó có người Thái Lan, Nhật Bản, Trung Quốc. Có một số sinh viên Pháp ghi tên học vì đường giao thông với Âu châu bị chiến tranh mà tắc nghẽn.

Con người, sách giáo khoa...

Một chương dành để phân tích về những người thầy, trong đó có những cá nhân đã để dấu ấn sâu đậm, học trò sau này trở thành những nhà trí thức lỗi lạc của Việt Nam, như Đặng Thai Mai, Hoàng Xuân Hãn... mãi mãi vẫn ghi nhớ.

Chương về sách giáo khoa, phân tích Quốc văn giáo khoa thư đi đến kết luận ý thức hệ bảo thủ của khổng giáo chiếm vị trí bá chủ. Giá trị là quân sự phụ cho đàn ông, tam tòng cho phụ nữ. Chân trời thu hẹp trong gia đình, làng xóm của một xã hội nông nghiệp. Giá trị hiện đại mờ nhạt.

Một công trình nghiên cứu lý thú. Không tham vọng dứt khoát giải quyết vấn đề. Cái hay là nó khơi lên những câu hỏi chưa giải đáp. Chương trình dạy học thì bảo thủ. Số người được học bảo rằng lớn, thì cũng ừ là lớn. Mà cho là nhỏ thì cũng không hẳn là sai. Nghĩ cho cùng vấn đề chính không ở những con số đó. Mà ở chỗ tại sao mà nhà trường ấy lại ảnh hưởng vào đời sống xã hội, vào văn học, văn hoá của ta sâu đậm đến thế.

Chúng ta thao thức chờ đợi những công trình nghiên cứu đi sâu vào nội dung những gì xã hội ta hấp thụ, biến cái xa lạ thành văn hoá của mình, tìm hiểu xã hội ta tiếp thu cách nào, với những phương thức nào. Đem lại cho chúng ta những suy luận dựa trên sự kiện cụ thể thay vào những suy tưởng còn thiếu căn cứ hiện nay.

Nguyễn Thắng

Độc sách

Nơi hồi ức nấn ná

Động Tiền

Ở Pháp, mỗi năm, tháng 9 lại khai mùa cho nhiều sinh hoạt văn nghệ, xuất bản. Nhiều ngành văn hoá lại nhộn nhịp “tụ trường” cùng với học sinh sinh viên. Trong cái rộn ràng, dĩ nhiên là cũng nhiều rạo rức.

Tác phẩm đang được đón tiếp nồng nhiệt là hồi ký **Où la mémoire s'attarde** (*Nơi hồi ức nấn ná*) của Raymond Aubrac do nhà xuất bản uy tín Odile Jacob (Paris) ấn hành. Độc giả Việt kiều xao xuyến, vì tác phẩm liên hệ mật thiết đến lịch sử và thời sự Việt Nam ở những cao điểm sôi nổi nhất. Tác giả, ông Aubrac, là bạn thân thiết với chủ tịch Hồ Chí Minh, và là người liên lạc bí mật giữa hai chính phủ Việt Mỹ vào cuối năm 1967 để đi đến hoà đàm và ngưng chiến sau đó. Tác phẩm là một sử liệu quan trọng cho mọi người, nhất là Việt Nam.

Sách gồm 10 chương, 4 chương nói về Việt Nam khoảng 100 trang. Phần còn lại tác giả kể lại thời niên thiếu, tốt nghiệp kỹ sư cầu đường, những công tác tích cực trong thời kháng chiến chống Đức — rất ly kỳ — việc tham chính sau chiến thắng, rồi làm việc với cơ quan Lương nông quốc tế (FAO) thuộc Liên Hiệp Quốc. Chủ yếu là thời kháng chiến, ông là một lãnh tụ bí mật bị bắt, bị án tử hình và vượt ngục nhiều lần. Những chứng từ quý giá, bằng giọng văn trong sáng.

Bài này nhấn mạnh vào 4 chương liên hệ đến Việt Nam. Sau khi thắng Đức (1944), ông Aubrac được cử làm uỷ viên Cộng hoà (đại biểu chính phủ) tại miền duyên hải miền Nam nước Pháp, gồm có hải cảng Marseille. Tại đây có một trại lính thợ Đông Dương khoảng hai hay ba nghìn người bị tập trung trong thời bị Đức chiếm. Ban quân đốc đã dung túng những hỗn độn phi pháp: cờ bạc, mại dâm, chợ đen, cướp bóc. Với tư cách “xứ uỷ” ông đã cải tổ trại, thay ban quân đốc, tổ chức cho lính thợ bầu đại diện... Nhóm đại diện tiêu biểu nhất là người Việt gắn bó với ông. Vợ chồng ông lại có tư tưởng cấp tiến, ủng hộ yêu cầu giải phóng Đông Dương. Do đó, năm 1946, nhân hội nghị Fontainebleau, ông được mời dự cuộc chiêu đãi mừng chủ tịch Hồ Chí Minh quốc khách của chính phủ Pháp. Trong buổi chiêu đãi, chủ tịch có lời cảm ơn ông đã giúp đỡ kiều bào, sau đó đến viếng thăm nhà — vườn ông ở ngoại thành bắc Paris, và ngỏ ý muốn ở lại tại nhà ông thay vì ở khách sạn sang trọng mà chính phủ Pháp dành cho quốc khách. Chủ tịch ở và làm việc, tiếp khách tại tư gia ông bà Aubrac trong 6 tuần — thời gian hội nghị.

Cuối năm 1946, khi tình hình bang giao Việt Pháp hết sức căng thẳng, thủ tướng Léon Blum đã mời ông Aubrac đến vấn kế. Ông khuyên hai điều: gửi một chính khách uy tín

sang Việt Nam thương lượng và ngăn chặn đồ đốc d'Argen-lieu, không cho trở lại Sài Gòn. Thủ tướng Pháp đã từ chối đề nghị thứ hai, vì sợ nội các sẽ bị phe hữu lật đổ. « *Lần đầu tiên nước Pháp có một chính phủ thuộc Đảng xã hội. Tôi không có quyền đập tan hy vọng mà nó mang tới* » (tr.190). À ra thế! Cuộc chiến tranh Việt Pháp, kéo theo sự can thiệp Mỹ, đã xảy ra vì thế! Và cũng vì thế mà tác giả đã hai lần thoái thác làm môi giới giữa hai phe (1947-1954).

Tháng 7-1955, ông Aubrac công du Trung Quốc tình cờ gặp chủ tịch Hồ Chí Minh và được yêu cầu sang Hà Nội ngay để giải quyết một khó khăn thương mại giữa hai nước — là lần đầu tiên ông đến Việt Nam (tr.215). Ông giải quyết bất đồng bằng cách chia đôi quả táo... khó khăn.

Sau đó là chiến tranh Việt Mỹ, ở giai đoạn leo thang trầm trọng. Tháng 6-1967, ông được mời tiếp xúc với hội bác học Pugwash (tên một làng Canada, nơi sáng lập) tại Paris. Trong khuôn khổ hoạt động khoa học và hoà bình của một hội uy tín, Kissinger cố vấn chính phủ Mỹ, nhờ ông bí mật chuyển đề nghị của Mỹ ngưng ném bom và bắt đầu thương lượng để chấm dứt chiến tranh. Sau nhiều khó khăn, ông cũng sang đến Hà Nội và gặp chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với thủ tướng Phạm Văn Đồng vào những ngày 24 và 25 tháng 7-1967 (tr.266) để trao và nhận thông điệp mật. Cuộc thương lượng kéo dài bốn tháng, trước mắt không đi đến đâu — vì Mỹ vẫn ném bom — nhưng nhìn xa, thì sáu tháng sau, ngày 31.3.1968 tổng thống Johnson tuyên bố đơn phương ngưng ném bom (phía bắc vĩ tuyến 20) yêu cầu hoà đàm, và sau đó là hoà hội Paris và hoà ước 1973. Tác giả từ tốn, cho rằng phần đóng góp “không bao nhiêu” (tr.280), chỉ cố gắng dịch đúng những thông điệp Anh-Pháp phần nhiều truyền khẩu, nhưng người đọc thấy rằng, trong bối cảnh lúc đó, vai trò của Raymond Aubrac thật là then chốt. Trong thời gian hoà hội Paris (1968-73) ông vẫn giữ vai trò liên lạc, ví dụ tháng 6-1969 ông mang một thông điệp cho chủ tịch Hồ Chí Minh nhưng chỉ đến Viên Chăn mà không vào được Hà Nội (tr.288).

Thời gian này, Mỹ vẫn ném bom, có khi oanh tạc cả đề điều. Ông đã yêu cầu Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc Kurt Waldheim can thiệp nhưng vô hiệu (tr.306), ngược lại Giáo hoàng Paul VI đã lên án mọi can thiệp quân sự vào lãnh thổ Việt Nam, nhất là việc oanh tạc, cũng do gợi ý của ông (tr.308).

Tháng 4-1975, ông lại có dịp đến Hà Nội trong chương trình viện trợ nhân đạo của LHQ và tình cờ, chứng kiến những thay đổi lớn lao của Việt Nam. Tóm lại, bản thân Raymond Aubrac, thoạt tiên không liên hệ gì đến Việt Nam, nhưng rồi suốt một đời gắn bó với lịch sử Việt Nam ở những thời điểm quyết định. Nói rằng vì lý tưởng nhân loại, vì tình cảm với một lãnh tụ, cũng đúng, nhưng chưa đủ. E phải viện đến cái duyên nhà Phật chăng?

Nơi hồi ức nấn ná là một hồi ký hay, hào hứng và bổ ích. Chuyện một đời người, nấn ná qua ba cuộc kháng chiến, kể bằng giọng chính xác, từ tốn, điểm nụ cười hài hước. Trong thể loại hồi ký, chỗ mạnh thường kéo theo chỗ yếu: tác giả là

(xem tiếp trang 24)

Thằng giặc Tề là ai ?

Thằng đặc trai là gì ?

Nguyễn Du

Trong bộ tranh dân gian Oger, phần nói về tục lệ tang ma, có một tấm vẽ một thầy phù thủy (còn gọi là pháp sư, thầy pháp) đang làm phép lúc cải táng (bốc mộ). Chiếc quan tài đã được mở nắp, trên thành có con chim đậu, bên trong còn nguyên bộ xương người. Thầy phù thủy, một chân đạp thành quan tài, hai tay ôm súng, chĩa về phía con chim. Đặc biệt ở đầu súng có mấy sợi dây rủ lòng thông.

Tên tranh được ghi bằng ba chữ : *Thằng giặc Tề* (đọc theo tiếng Nôm) hoặc *Thằng đặc trai* (đọc theo tiếng Hán). Tên nào đúng ? Hán hay Nôm ? Ý nghĩa ra sao ?

Mời các bạn cùng phân tích tên tranh, hy vọng rằng từ đó chúng ta có thể hiểu rõ hơn nội dung một phong tục xưa.



Thằng giặc trai

Trước hết chúng ta thử đọc tên tranh theo tiếng nôm như Nguyễn Mạnh Hùng (1) đề nghị : *Thằng giặc Tề*. Vậy thằng giặc Tề là ai ? Chúng ta hãy nghe Nguyễn Mạnh Hùng giải thích :

Ngày trước, một bộ phận dân gian tin là có thần trùng — tức thần hành hạ người chết vào ngày trùng hoặc bắt những người trong gia đình có người chết vào ngày trùng cứ chết theo — trừ phi tìm được pháp sư cao tay ẩn đuổi đi thì mới chấm dứt.

Trong hình, thần trùng xuất hiện dưới dạng một con chim — và cũng gọi là thần đánh đồ mồ. Con chim đồ mồ này từ trên không đáp xuống mồ người chết mổ thật mạnh đến nẩy lửa làm cho người chết dưới mồ phải rên la. Khi ấy vị pháp sư — được âm binh trợ giúp — đã dùng gậy đánh đuổi con chim ấy đi không cho hành hạ người đã khuất nữa. Xong vị pháp sư phải ếm đối một lá bùa vào miệng thầy ma không cho thầy ma hoá thành thần trùng để làm hại gia đình mình nữa.

Nhưng tại sao ở đây ký hoạ lại ghi là *Thằng giặc Tề* mà không đề là *Thần trùng* ?

Tục truyền đời Hán (hai thế kỷ trước công nguyên), Hàn Tín được phong là Tề vương vì có tham vọng muốn chiếm ngai vàng nên đã bị Lữ Hậu giết chết. Tín mang hận xuống suối vàng bèn cầu kết với mười hai hung thần, giết chết Hán Anh — con Lữ Hậu — để trả thù. Bị thác oan, Hán Anh bèn tố cáo với Diêm vương về tội ác ấy của Tề vương nên được Diêm vương cho trở về với dương thế. Thằng giặc Tề đây phải chăng là Tề vương tức Hàn Tín ? (theo tư liệu của Ngô Quý Sơn).

Lời giải thích nghe thật lý thú, nhất là cho những ai thích truyện phong thần, kiếm hiệp Tàu. Thực thực, hư hư, chết đi sống lại, trả ân báo oán... Tuy thích nhưng tôi vẫn còn ngờ. Sự tích thần trùng, thần nanh đồ mồ của tín ngưỡng dân gian chắc nhiều người trong chúng ta đã biết. Dùng hình ảnh con chim để gián tiếp cất nghĩa thần trùng nghe ra cũng có lý, có thể chấp nhận được. Nhưng từ thần trùng nhảy qua Hàn Tín, một nhân vật lịch sử có thật, rồi từ Hàn Tín chạy sang thằng giặc Tề, thì lời giải thích hơi khúc mắc, vòng vo khó hiểu. Chẳng lẽ người vẽ và đặt tên tranh lại ra cho người xem tranh một câu đố học búa, khó hiểu như vậy ?

Khó hiểu ở vài điểm :

1- Trước hết là chữ *thằng*, một chữ dùng có ý khinh bỉ, miệt thị để chỉ những người ở bậc dưới mình. Khoảng đầu thế kỷ 20 trở về trước, thỉnh thoảng ta bắt gặp chữ *thằng* trong văn thơ :

Phải tên xưng xuất tại thằng bán tơ (Nguyễn Du, *Kiều*)

Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà (Nguyễn Đình Chiểu, *Than đạo*)

...nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to... (Nguyễn Đình Chiểu, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*).

Chữ *thằng* dùng ở đây để chỉ chung đứa lưu manh, lũ phản quốc, bọn xâm lăng. Trong ngôn ngữ dân gian, tiếng *thằng* được dùng để chỉ chung trẻ con (thằng bé, thằng tiểu đồng), thằng mồ (một hạng người bị liệt vào hàng thấp nhất của xã hội). Cho đến những thập niên 30-40 của thế kỷ này, chưa bao giờ một nhân vật lịch sử, Tàu hay ta, bị sách vở gọi là *thằng*. Cổ nhân kín đáo, không chửi ai một cách thô lỗ chẳng ? Chữ *thằng* — chỉ một cá nhân — được dùng phổ biến và công khai mới từ khoảng sau 1945. Ngày nay người

ta quen tai với những tiếng thẳng tổng thống này, thẳng thống đốc kia. Xét cho cùng, điều này cũng dễ hiểu. Người ta mặt sát thẳng này thẳng nọ vì người ta đang đứng ở vị trí “không sợ bị đánh thuế”, nghĩa là nói vô tội vạ, không sợ bị trả thù. Viết hồi ký, ai cũng có thể lôi thẳng này, thẳng kia của quá khứ ra tha hồ chửi bới cho sướng mồm. Ở thời điểm xảy ra sự việc, có cho kéo chắc cũng chả ai đại gì chơi trò vuốt râu hùm, khinh cù tổng đốc này, coi thường ông quan kia, một cách huych toẹt !

Đầu thế kỷ 20, người dân Việt Nam còn phải chịu cảnh một cổ hai tròng, bị thực dân, phong kiến cai trị. Ở vào thời “*tiên học lễ, hậu học văn*” các nghệ nhân vẽ và khắc tranh không có lý do hay lợi lộc gì để “*ăn cơm nhà, vác ngà voi*” lời Hàn Tín — người mà chả ai biết mảy ngang mũi dọc ra sao — ra gọi là thẳng ! Cụ thể là trong bộ tranh dân gian Oger chỉ thấy một tấm có chữ *thẳng*, để chỉ *thẳng phỗng*, ở một chỗ khác đã lại gọi là ông phỗng. Tất cả các tên tranh vẽ trẻ con, người tù, ăn trộm, ăn mày... đều không có chữ *thẳng* ! Ngay cả tranh thẳng mỗ cũng được ghi bằng bốn chữ Hán “mộc đặc xã trung”. Đường như nghệ nhân tránh dùng chữ *thẳng* thiếu trang nhã ?

2- Chữ *giặc* (giặc giã, giặc đến nhà đàn bà phải đánh), thông thường, ta dùng chữ này để chỉ những người từ nước khác đến trực tiếp gây chiến tranh với ta (giặc Ân, giặc Nguyên, giặc Thanh, giặc Pháp, giặc Nhật, giặc Mỹ...). Ở *Được làm vua, thua làm giặc* A, chữ *giặc* còn được thực dân, phong kiến dùng để chỉ những người, những tổ chức trong nước nổi lên chống đối họ. Nhà Nguyễn gọi quân Tây Sơn là *giặc* Tây Sơn. Triều đình phải cử người đi đánh dẹp *giặc* Phan Bá Vành, *giặc* Lê Văn Khôi... Nhà nước bảo hộ Pháp phải đương đầu với *giặc* Cờ Đen, *giặc* Bãi Sậy...

Ngược lại, ta không gọi những người không đụng chạm đến ta là *giặc*. Trong văn chương, lịch sử Việt Nam không có *giặc* Đức, *giặc* Ấn Độ, *giặc* Công Gô... Nước Tề xa lắc xa lơ, mấy ai rõ nó nằm ở đâu, biên giới thế nào, Hàn Tín chưa bao giờ đặt chân đến nước ta, không trêu ghẹo gì dân ta, tại sao bỗng dưng lại bị điểm mặt là *Thằng giặc Tề* ?

Do mấy nhận xét, phân tích vừa nêu ra, tôi cho rằng đọc tên tranh là *Thằng giặc Tề* là không được hợp lý. Vậy tên tranh là gì ? Để giải quyết vấn đề này, chúng ta thử đọc tên tranh theo tiếng Hán, “*Thằng đặc trai*”, và tra nghĩa từng chữ xem liệu có thông hơn “*thằng giặc tề*” không ?

a- Chữ *thẳng* (bộ mịch) nghĩa là sợi dây, sợi chỉ. Thí dụ *xích thẳng* là sợi chỉ màu đỏ, còn gọi là tơ hồng, chỉ hồng (điển tích Vi Cỗ, chỉ việc kết duyên vợ chồng). Ngày xưa, thầy phù thủy thường lấy chỉ ngũ sắc (năm màu) tết thành bùa, gọi là bùa chỉ, dùng để ếm trừ ma quỷ. Trong tranh, ở đầu chiếc súng có buộc mấy sợi dây, mấy sợi bùa chỉ. Theo tôi, chữ *thẳng* ở đây nghĩa là sợi bùa chỉ.

b- Chữ *đặc* (bộ đặc) nghĩa là bắn. *Du đặc* nghĩa là đem binh thuyền đi tuần nã trộm giặc (Thiều Châu) (2). Trong tranh, thầy phù thủy đang bắn tà ma. Suy rộng ra là đang điều khiển âm binh tuần nã tà ma. Chữ *đặc* không có trong Hán-Việt từ điển của Đào Duy Anh (3). Ngược lại, chữ *đặc* được ghi trong các Bảng tra chữ nôm của Viện ngôn ngữ học (4), và của Vũ Văn Kính (5). Chữ *đặc* còn được dùng để ghi

傷殘物命之報



Thương tàn vật mệnh chi báo

âm chữ nôm trong Chinh phụ ngâm (Đưa chàng lòng đặc đặc buồn) (6)(7).

c- Chữ *chai* (2) hoặc *trai* (3) là âm đọc khác của chữ *tề*. Bộ tranh dân gian dùng cả hai âm, *tề* (Tề thiên, tề gia, tề đầu dưa) và *trai* (trai sò) hoặc *chai* (chai lọ). Tôi chọn âm *trai* để đọc tên tranh. Ngoài mấy tiếng thường gặp trong Phật giáo như *trai giới*, *trai tịnh* (tiếng Việt là *chay*, *ăn chay*), hai tiếng *trai tiểu* có nghĩa là sư làm đàn cầu cúng (2), *thầy tu lập đàn cầu đảo* (3). Giới bình dân gọi là làm đàn *chay* hay làm *chay*. Ca dao có câu :

giã giò con cò biết bay

xương sông, lá lốt làm chay con cò.

Chữ *trai* trong tranh có nghĩa là thầy phù thủy làm đàn cầu cúng.

Ghép ba chữ với nhau, “*Thằng đặc trai*” có nghĩa là thầy phù thủy làm đàn, dùng bùa chỉ để bắn đuổi tà ma. Tranh vẽ vừa diễn tả đầy đủ công việc chuyên môn của các thầy phù thủy, vừa trình bày được nội dung một tín ngưỡng dân gian.

Tên tranh có thể hiểu một cách ngắn gọn là “*Phù thủy (hoặc Pháp sư) trừ tà*”.

Nhưng cái gì biểu hiện tà ma ? Đó là con chim đậu trên thành quan tài. Tín ngưỡng dân gian tin rằng có ác giả ác báo. Những kẻ giết người, chết xuống âm phủ sẽ bị quỷ sứ giết. Những người hay giết súc vật, chết xuống âm phủ sẽ bị súc vật báo oán, hành hạ như trong tranh “*thương tàn vật mệnh chi báo*”. Thầy phù thủy dùng bùa bắn đuổi con chim để giải thoát người dưới âm phủ khỏi hình phạt bị chim mổ. Phải chăng hình ảnh bị chim mổ dưới âm phủ đã để ra thành ngữ “*đồ quạ mổ*” hay “*đồ quạ đánh*”, một câu chửi rửa độc ác của các bà ? Dần dần con quạ của đồng quê đã hoá kiếp thành “*thần nanh đỏ mỏ*” hung ác, huyền bí của mê tín dị đoan ?

Trường hợp tấm tranh “*Thằng đặc trai*” được mang ra phân tích ở đây tương đối hiếm : cả ba chữ của tên tranh đọc theo Hán hay Nôm đều có nghĩa. Tuy theo cách đọc, mỗi chữ có thể hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau, dễ gây nhầm lẫn. Kinh nghiệm rút ra được sau khi xem bộ tranh dân gian Oger là : Nói chung, hoặc chính bản thân các nghệ nhân là dân quê, hoặc họ sống rất gần, hiểu rất rõ đời sống của dân quê, nên cách nói, cách viết của họ rất mộc mạc, đôi lúc rất...nôm na. Chính vì thế mà từ nét vẽ đến cách đặt tên tranh, tất cả đều giản dị, bình dân, ăn khớp với nhau. Các nghệ nhân không thích (hay không có khả năng ?) nói bóng gió xa xôi, không dùng những điển tích cầu kỳ, khó hiểu của giới nho sĩ, văn nhân, để diễn tả các sinh hoạt, phong tục của xã hội Việt Nam hồi đầu thế kỷ 20.

Đó cũng là đặc điểm chung của tranh dân gian Việt Nam.

Nguyễn Dư

- (1)- Nguyễn Mạnh Hùng, *Ký họa Việt Nam đầu thế kỷ 20*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1990
- (2)- Thiều Châu, *Hán Việt tự điển*, Nxb TP Hồ Chí Minh, 1993
- (3)- Đào Duy Anh, *Hán Việt từ điển*, Nxb Trường Thi, Sài Gòn, 1957
- (4)- Viện ngôn ngữ học, *Bảng tra chữ nôm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976
- (5)- Vũ Văn Kính, *Bảng tra chữ nôm sau thế kỷ XVII*, Nxb Hội ngôn ngữ học TP Hồ Chí Minh, 1994
- (6)- Tôn Thất Lương, *Chinh phụ ngâm*, Nxb Tân Việt, 1950
- (7)- Lạc Thiện, *Chinh phụ ngâm*, Nxb Hội ngôn ngữ học TP Hồ Chí Minh, 1994

Nơi hồi ức nấn ná...

(tiếp theo trang 21)

bạc quân tử, nhìn đời bằng đôi mắt nhân hậu và độ lượng nên thường thấy những việc tốt và người tốt. Hoạ hoàn lấm môi gặp một nhân vật “cũng tốt thôi” như Tổng thư ký LHQ Kurt Waldheim, hay một việc “không sao” như khi đến phi trường Gia Lâm rồi, mà phải ngồi đợi, uống mãi một tuần trà mỗi lúc một nguội lạnh (1967, tr. 262). Nhìn vào Việt Nam, ông chỉ thấy những anh hùng và những nạn nhân, và chỉ biết hai người Việt : Hồ Chí Minh và Phạm Văn Đồng. Từ đó ông đánh giá Việt Nam và đặt giá hơi cao. Người Việt Nam vốn thích được khen nhất là khi lời khen lại kín đáo, tế nhị, phát xuất từ một chính khách trí thức và tên tuổi, đọc *Nơi hồi ức nấn ná* sẽ thích thú.

Riêng tôi thì cứ ngỡ ngợ. Bản thân mình tự xét, chủ quan thôi, thì thấy không xứng đáng với tình bạn và niềm tin mà nhiều người ngoại quốc đặt vào mình.

Đặng Tiến

Paris, 6.9.1996

AUBRAC Raymond, *Où la mémoire s'attarde*, Nhà xuất bản Odile Jacob, Paris, 1966, 380 trang, 15x24 cm.

FAO...

(tiếp theo trang 13)

Hiện nay, có vẻ như tinh thần “cách mạng hai lần xanh” đang cách xa quan niệm của FAO : tổ chức này có xu hướng đặt ưu tiên vào cách tiếp cận kinh tế vĩ mô và kỹ thuật. Thật vậy, từ ngày được thành lập cho đến thời gian gần đây, tín điều mặc nhiên của FAO là *duy sản xuất* : giảm đói bằng cách phát triển nông nghiệp. Nhưng có thể nào coi phát triển công nghiệp là cứu cánh mà không đề cập tới những vấn đề liên quan tới tổ chức thị trường, phân phối lương thực, nạn nghèo và những luồng di dân ? Nói một cách giản lược, sự chọn lựa đang đặt ra cho mọi chính sách nông nghiệp — tăng cường “cách mạng xanh” hay phát động “cách mạng hai lần xanh” — có ý nghĩa chính trị.

Xin đừng quên chính trị

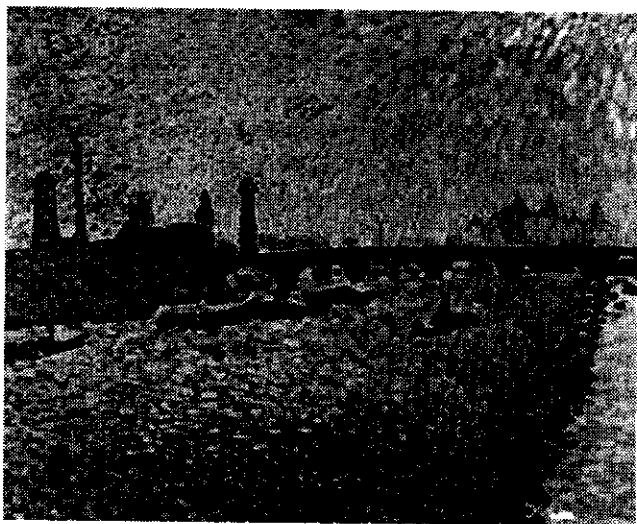
Cố nhiên, các thế lực khuynh loát công nghiệp nông-lương phương Bắc đã chọn con đường thứ nhất (tăng cường những kỹ thuật có sẵn, như tăng năng suất, mở rộng diện tích canh tác, đồng thời phát triển những kỹ thuật mới như công nghệ sinh học, công nghệ di truyền...). Doanh số của thị trường này khoảng 500 tỉ đôla mỗi năm. Họ cam đoan có thể nuôi đủ toàn bộ phương Bắc và đại bộ phận phương Nam. Luận điểm của họ là một logic thuần túy kinh tế. Theo logic đó, những nước như Indonesia, đã bảo đảm được độc lập về lương thực bằng sản xuất lúa, nay phải mở cửa cho sự cạnh tranh quốc tế ; vùng Sahel phải từ bỏ sản xuất lương thực bản địa (một sản lượng vài triệu tấn chứ không ít) vì giá thành quá đắt, để mua lương thực trên thị trường, hay ăn xin các tổ chức nhân đạo... Ta có thể thấy rõ cái logic ấy sẽ dẫn về đâu : sự toàn cầu hoá (*mondialisation*), đối với những nước nghèo, sẽ chỉ là một cạm bẫy mới, trong chừng mực là những nền kinh tế mạnh bao giờ cũng có cách bảo vệ thị trường của chúng và đồng thời xâm lấn thị trường của người khác bằng cách phá giá. Luận cứ viện trợ quốc tế cũng không đứng vững trong tình hình mới : một mặt, việc các nước phát triển chấm dứt chính sách tài trợ nông sản (hiệp ước Marakech năm 1994) tất yếu sẽ làm cạn kho nông sản dư thừa (vẫn dùng để cho không hoặc tung ra bán rẻ trên thị trường quốc tế) ; mặt khác, biến toàn bộ xã hội của nhiều nước thành thụ động ngay cả trong cơ chế sống còn, là đẩy họ vào quá trình tan rã và mất kiếp sống ngoài lề, với những hậu quả không ai lường trước được.

Những nhận xét trên cho thấy tính phức tạp của bài toán lương thực, không thể nào thu hẹp về một kích thước kinh tế. Vậy mà ở Roma, người ta đã tránh né mọi vấn đề chính trị. Bản “tuyên bố” cũng như “kế hoạch hành động” (mang chữ ký của hơn 150 nước) nổi bật ở nội dung trống rỗng và sự trật trệu. *Trật trệu* so với hiện thực : tuyên bố rằng “*lương thực không thể được sử dụng như một công cụ gây sức ép chính trị và kinh tế*” mà không hề đặt lại vấn đề cấm vận Irak hay Cuba. *Trật trệu* đối với thời sự (mấy chục năm gần đây, nạn đói chủ yếu không do thiên tai mà do tranh chấp chính trị, quân sự : cuộc chiến tranh đang diễn ra ở vùng Đại hồ Châu Phi là một bằng chứng nóng hổi). *Trật trệu* về phương tiện : không hề đòi các nước cam kết về tài chính để thực hiện chương trình “hành động”. Thậm chí ngân sách lưỡng niên sắp tới của FAO còn bị giảm (tổng số nợ của các nước hội viên, đứng đầu là Mỹ, Nhật, lên tới 1/3 ngân sách). Ông Jacques Diouf (người Sénégal), tổng giám đốc, đã cay đắng mà than thở ngân sách FAO bị cắt giảm, trong khi nó chỉ bằng “*5 % chi phí hàng năm của Hoa Kỳ về thuốc chữa béo, hay bằng giá mua 6 ngày lương thực cho chó mèo của 9 nước phát triển*”. Lẽ ra ông Diouf còn có thể nói thêm : ngân sách FAO chỉ bằng “*65 % ngân sách của người Mỹ dành cho việc diệt bọ cho chó và mèo*”.

Nguyễn Quang

Vấn đề màu sắc trong những bước đầu của Hội họa hiện đại

Văn Ngọc



André DERAÏN, *Old Waterloo Bridge*, sơn dầu, 1906

Hội họa hiện đại bắt đầu từ đâu ? Những vấn đề nào là những vấn đề cốt yếu mà nó đã từng đặt ra để giải quyết, và cho đến bây giờ cũng vẫn là những vấn đề làm cho người họa sĩ luôn luôn phải trăn trở suy nghĩ ?

Tìm hiểu những động cơ, những thôi thúc đã khiến hội họa phương Tây chuyển từ một nền hội họa hiện thực cổ điển, ngự trị ít ra từ thời Phục Hưng (thế kỷ 15) đến nền hội họa hiện đại, thông qua hội họa Ấn tượng (gần cuối thế kỷ 19), là một đề tài lý thú và bổ ích, nhưng đòi hỏi một công trình nghiên cứu lâu dài.

Ở đây, chúng tôi chỉ nêu lên một vài ý kiến và nhận xét, giới hạn trong một vài khâu chính, mà trước hết là vấn đề màu sắc.

Người ta thường coi giai đoạn từ 1885 đến 1915 là giai đoạn mở đầu cho nền hội họa hiện đại ở phương Tây, một giai đoạn phong phú đầy những ý tưởng mới mẻ, chứng kiến sự ra đời của nhiều trường phái, trào lưu : Tượng trưng (Symbolisme - 1886), Biểu hiện (Expressionnisme - 1894), Dã thú (Fauvisme - 1905), Lập thể (Cubisme - 1907), Siêu hình (Peinture Métaphysique - 1910), Trừu tượng : Kỳ mã xanh (Blaue Reiter - 1911), Suprématisme (1913), Dadaïsme (1915), De Stijl (1917), v.v...

Bước ngoặt đầu tiên được coi là quyết định là những tìm

tòi về màu sắc và cấu trúc (1) của Gauguin, Van Gogh, Matisse vào thập niên cuối của thế kỷ 19.

Bước ngoặt thứ hai cũng không kém phần quan trọng là quan niệm *tiếp cận hiện thực* của Picasso và trường phái Lập thể (1907).

Bước ngoặt thứ ba, là sự ra đời của hội họa Trừu tượng (1910).

Thật ra, không thể nào nói đến màu sắc, mà không nghĩ đến những tìm tòi đầu tiên của trường phái Ấn tượng (1860 - 1885), cũng như không thể nào không nói đến cả cái quan niệm về hội họa của trường phái này.

Trường phái Ấn tượng đã đem đến những gì cho hội họa vào những năm 60 của thế kỷ 19 ?

Trên một số khía cạnh : nội dung đề tài, màu sắc, hình thể, v.v... trường phái này là một phản ứng khá rõ rệt đối với trường phái hội họa có trước nó là chủ nghĩa hiện thực *tự nhiên* của Courbet, cũng như đối với các trường phái cổ điển khác.

Về nội dung, rõ ràng hội họa ấn tượng, tuy cũng là một thứ hiện thực *tự nhiên chủ nghĩa*, nhưng lại không hẳn là *hiện thực*.

Những chủ đề mà các họa sĩ ấn tượng ưa thể hiện trước hết là những chủ đề cho phép họ thử nghiệm một ngôn ngữ hội họa mới. Điều làm cho họ quan tâm hơn cả là cái tính chất phù du, mong manh, sinh động của sự vật, sự rung động của màu sắc và của ánh sáng.

Cái quan niệm nghệ thuật ấy lẽ ra phải phù hợp với tâm thức của những người đương thời, ít ra là của tầng lớp trưởng giả, vậy mà oái oăm thay, nó đã bị họ khinh miệt, chê bai. Nó đã không hợp với nhân thức cổ điển, vì đã đụng đến một số điều cấm kỵ của nghệ thuật chính thống : màu sắc quá sáng sủa, cách dàn trải không cân xứng, hình thể không rõ nét, chủ đề quá mới mẻ, không thích hợp, v.v...

Về hình thức, cách tiếp cận hiện thực của các họa sĩ ấn tượng cũng chỉ dừng lại ở cái bề ngoài luôn luôn thay đổi của sự vật. Họ ghi nhận những *ấn tượng* do cảm xúc của một thoáng lát để lại.

Do đó mà họ ưa vẽ ở ngoài trời, nơi mà ánh sáng và thiên nhiên luôn luôn cung cấp cho họ những hình ảnh và những cảm giác *tan loãng*, phù hợp với một ngôn ngữ hội họa nhạy cảm, giàu tính thẩm mỹ. Họ sử dụng màu sắc một cách tinh tế, thông qua một thủ pháp, một nét bút tế nhị, và dựa trên một số qui luật, qui ước nhất định.

Gauguin đã có lần nói : “ *Hội họa ấn tượng thiếu trí tuệ. Những người họa sĩ ấn tượng chỉ nhìn sự vật bằng con mắt, chứ không phải bằng trí óc, bằng sự suy tưởng. Do đó mà họ mới phải biện minh bằng những qui luật của quang học* ”.

Điều đáng chú ý là họ rất tinh tế trong sự diễn tả cái *không khí* bao quanh sự vật, bằng cách làm biến đi nét viền vốn vẫn là ranh giới giữa các hình thể, hình khối. Thay cho nét viền hình họa là màu sắc thường được tô đè lên nhau, đậm nhạt chồng chất, tạo nên một sự hoà tan của vật thể vào *không gian xung quanh*, và đồng thời, cũng tạo nên những hình ảnh *nhòe nhạt* được một vẻ đẹp thơ mộng nào đó, nửa

thực nửa hư. Gauguin gọi đó là những *ảo ảnh*.

Kỹ thuật này, cũng như một vài kỹ thuật khác của các trường phái Biểu hiện, hoặc Lập thể, sẽ được lấy lại bởi một số trường phái Trường tượng sau này.

Màu sắc, chất liệu và ánh sáng tuy là mối quan tâm hàng đầu của những họa sĩ Ấn tượng (ngược lại với tất cả các trường phái cổ điển, kể cả các nhà triết học như Kant, J.-J. Rousseau, v.v... thường có thành kiến đối với màu sắc, nhất là các màu tươi), nhưng chúng mới chỉ được coi là những *phương tiện* để diễn đạt mà thôi. Màu sắc của trường phái Ấn tượng hãy còn là màu sắc *tả thực* (couleurs descriptives), theo nghĩa *tự nhiên*, nghĩa là : màu xanh lá cây là để vẽ lá cây, màu xanh da trời để vẽ bầu trời, màu nâu để vẽ đất, v.v... Màu sắc, tự chúng, chưa có một giá trị độc lập với màu sắc của thiên nhiên.

Tuy nhiên, những tìm tòi về màu sắc và ánh sáng của trường phái Ấn tượng, dựa trên sự phân tích màu sắc và ánh sáng trong thiên nhiên của bản thân các nhà họa sĩ Ấn tượng, cũng như dựa trên những khám phá mới trong lãnh vực quang học của Eugène Chevreul (*Qui luật về sự tương phản cùng một lúc của màu sắc*, 1839), là một cống hiến bước đầu, có một tầm quan trọng nhất định. Nó đã là một giai đoạn quá độ, một thử nghiệm bổ ích cho nền hội họa hiện đại. Trước đó, gam màu của trường phái hiện thực của Courbet rất hạn chế. Sự mở rộng gam màu *sáng* của các họa sĩ Ấn tượng có những động cơ của nó. Một mặt, do sự chi phối của tâm lý xã hội đương thời, bản thân các họa sĩ cũng đã bắt đầu ngán những màu buồn, tối, thích vẽ những cảnh sinh hoạt nhẹ nhàng, tươi vui trong đời sống hàng ngày, thích đi vẽ ngoài trời, v.v...; một mặt do ảnh hưởng của tranh *phù thể* Nhật Bản về mặt triết lý cũng như về mặt nghệ thuật (2). Mặt khác, cũng không kém phần quan trọng, như đã nói ở trên, đó là do những khám phá khoa học về màu sắc và mối quan hệ của chúng với ánh sáng của Eugène Chevreul.

Nhưng cũng chính cái quan niệm hơi quá gò bó, quá thiên về kỹ thuật và dựa vào những qui luật của quang học này, đã là một trong những nguyên nhân gây nên cái phản ứng mạnh mẽ ở nơi những họa sĩ như Gauguin, Van Gogh, Matisse, và đã thúc đẩy những tìm tòi và thử nghiệm của họ và của các nhóm Dã thú, Nabis, Biểu hiện, v.v...nhằm *giải phóng* màu sắc, khai thác các màu và hoà sắc có tính chất *biểu hiện* (couleurs expressives), và những màu nguyên chất, dựa trên những quan niệm và lý thuyết mới, tuy trong bản chất rất *duy tâm*, nhưng phóng khoáng hơn, tự do hơn.

Bài học của nghệ thuật tranh khắc gỗ Nhật Bản, về sự *khái quát* hiện thực và sử dụng những *mảng màu lớn* làm cấu trúc cho bức tranh, cũng chỉ bắt đầu từ Gauguin, Van Gogh, Matisse, v.v...trở đi mới được áp dụng một cách phổ biến.

Về ý nghĩa *biểu hiện* của màu sắc (3), ta hãy nghe Matisse nói : “ *Khi tôi dùng màu xanh lá cây, không phải là để chỉ lá cây ; khi tôi dùng màu xanh lơ không phải để chỉ bầu trời...Tôi đã từng dùng màu đỏ để vẽ một cái bàn bằng đá cẩm thạch ; ở một chỗ khác, tôi lại dùng một mảng màu đen để diễn tả ánh mặt trời chiếu trên biển* ”.

Gauguin còn tìm thấy *chất nhạc* và một *cuộc sống bên*

trong đây sự bí mật của màu sắc.

Van Gogh cũng cho rằng màu sắc *tự chúng* cũng nói lên điều gì đó .

Kandinsky còn đi xa hơn và đã nhìn thấy ở màu sắc một *ngôn ngữ biểu hiện của tâm hồn*.

Léger cũng đã nói : “ *Màu sắc chính là dấu hiệu của sự sống* ”.

Matisse còn có nhiều nhận xét tinh tế khác. Ông nói : “ *Trên một bức họa, màu sắc ảnh hưởng lẫn nhau, màu nọ bên cạnh màu kia (...) Có những màu thật đẹp mình không vẽ ra mà bỗng dưng lại xuất hiện một cách bất ngờ. Mỗi màu đều có thể biến đổi thành nhiều màu tùy theo đứng cạnh những màu nào* ”.

Vào những năm 1908-1910, Matisse lấy lại một ý của Cézanne, do Gauguin kể lại, ý đó là : “ *Một căn màu xanh lá cây, xanh hơn một nửa căn* ”. Và Matisse nói : “ *Một phân vuông màu xanh không xanh bằng một thước vuông cùng màu* ”.

Quả là trong khoảng thời gian trên dưới ba mươi năm, từ 1885 đến 1915, một trong những vấn đề lớn nhất mà hội họa hiện đại đặt ra ở hàng đầu là vấn đề màu sắc.

Quan niệm màu sắc có ý nghĩa nội tại và tiếng nói độc lập của chúng, cũng như quan niệm bức tranh là một cấu trúc, và màu sắc là *nhân tố chính* tạo nên cái cấu trúc đó, chính là những khái niệm mới, những biểu hiện đầu tiên báo hiệu sự ra đời của hội họa trường tượng.

Gauguin, Van Gogh, Matisse, Léger, Derain, Munch, Van Dongen, Kandinsky v.v...mỗi người một hướng, mỗi trường phái một phong cách, xây dựng cấu trúc của những bức họa bằng những mảng màu lớn, với những chất liệu khác nhau, những kỹ thuật khác nhau.

Vào những năm đầu thế kỷ, hội họa Ấn tượng với những qui ước tinh vi của nó, với bố cục và màu sắc *tự nhiên* của nó, như đã bị đẩy lùi xa lắm rồi.

Derain, trong một dịp nói chuyện với Vlaminck, tự hỏi : “ *Không hiểu tại sao người ta lại cứ nhất thiết muốn nắm bắt cái cảm xúc thẩm mỹ, cái ấn tượng do màu sắc và ánh sáng của thiên nhiên in vào óc mình trong một thoáng lát, trong khi ấy chỉ cần một sự sắp xếp nào đó của màu sắc trên bức họa cũng có thể gây được cảm xúc thẩm mỹ đó* ”.

Nhưng rồi những thử nghiệm về màu sắc của nhóm Dã thú (Matisse, Derain, Vlaminck, Marquet, Manguin,...) cũng đã sớm chấm dứt. Người bỏ cuộc trước tiên là Derain. Năm 1907, sau khi xem xong Triển lãm của những họa sĩ độc lập (Salon des Indépendants) ra, Derain nói với Vlaminck : “ *Thật quá là đồ thợ nhuộm !* ”.

Matisse cũng phải nhìn nhận : “ *Màu nguyên chất đúng là khó dùng. Một đồng màu nhiều khi không có hiệu lực gì hết cả. Màu sắc chỉ đạt tới cái khả năng diễn đạt tối ưu khi chúng được tổ chức chặt chẽ* ”.

Nhóm Dã thú tan rã, chỉ còn lại Matisse vẫn kiên trì tiếp tục khai phá màu sắc và hình thể, nhưng theo một phương pháp khác hẳn thời kỳ Dã thú.

Braque nhập với Picasso để tham gia vào cuộc phiêu lưu Lập thể, nhưng trường phái Lập thể, nói chung, không đặt vấn đề màu sắc lên hàng đầu. Những thủ lĩnh của nó : Picasso, Braque, Juan Gris, không dùng màu mầu, mà chỉ quan tâm đến cấu trúc của bức tranh và *cách tiếp cận hiện thực*, trừ Fernand Léger, đã tạo ra được cho mình một phong cách riêng để sử dụng những màu nguyên chất.

Trường phái Biểu hiện cũng coi màu sắc là nhân tố quan trọng hàng đầu trong việc thể hiện nội dung tư tưởng, tình cảm, tạo nên cấu trúc của bức họa, cũng như chiếm lĩnh cái không gian-mặt phẳng của nó. Những tác phẩm của Munch, Ensor, Nolde, Kirchner, Van Dongen, Kandinsky v.v...đều nói lên rõ điều này.

Delaunay cũng đã có những cống hiến quan trọng về màu sắc và cấu trúc, với những tìm tòi dựa trên nhịp điệu của những hình vòng tròn, và những tác phẩm vẽ tháp Eiffel theo phong cách của Cézanne, có hơi hướng Lập thể.

Malevitch cũng đã có những đóng góp đáng kể, tuy rằng quan niệm chủ đạo trong nghệ thuật của ông không phải là sự tìm tòi về màu sắc mà là sự thể hiện *không gian* của bức tranh, đi từ sự chiếm lĩnh mặt phẳng (*Hình vuông đen trên phông vuông trắng*, 1913-1915) đến sự chuyển động của hình thể và màu sắc trong không gian ba chiều (*Peinture suprématisiste*, 1916).

Nói đến những lý thuyết gia của màu sắc, những người đã có ảnh hưởng lâu dài đến nền nghệ thuật hiện đại suốt trong giai đoạn từ 1915 trở về đây, ngoài Matisse, Léger, Kandinsky ra, phải kể đến những tên tuổi như Mondrian, Paul Klee, v.v...(4).

Như vậy là vào những năm cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 này, có tới mấy trường phái hội họa hoạt động và phát triển song song cùng một lúc : Ấn tượng, Tượng trưng, Dã thú, Nabis, Biểu hiện, Lập thể, và Trừu tượng ! Đây là không kể cái nền hội họa chính thống, tạm gọi là *Kinh viện*, vẫn ngự trị ít nhất là ở Pháp, với những người đại diện nổi tiếng của nó như : Bouguereau, Gérôme, Cabanel, v.v... (5).

Cuộc nổi dậy bằng màu sắc chưa chấm dứt, chỉ mới dịu đi thôi, thì một sự kiện lớn lao đã xảy ra trong hội họa, làm chấn động dư luận, và làm lung lay đến tận nền tảng cái quan niệm có từ trước đến bấy giờ về hội họa ở phương Tây, ít ra là cái *quan niệm về sự tiếp cận hiện thực*.

Đó là sự ra đời của trường phái Lập thể, với bức họa "*Les demoiselles d'Avignon*" (1907) của Picasso, được coi như cương lĩnh của trường phái này.

Mặc dầu, thời gian hoạt động của trường phái Lập thể cũng khá ngắn ngủi, ít ra cái mảng chính của nó (1907-1913), với những bức họa Lập thể đầu tiên của Picasso, Braque và Juan Gris, song những tìm tòi của trường phái này, cũng như của các trường phái Tượng trưng, Dã thú, Nabis, Biểu hiện, đã đương nhiên dẫn đến sự thoát thai của hội họa trừu tượng, mà những bước đi sau này cũng sẽ rất phong phú.

Văn Ngọc

Tài liệu tham khảo :

Jean Clay, *De l'Impressionnisme à l'Art moderne*, Ed. Hachette Réalités, 1975

A. Martini, *L'Impressionnisme*, Ed. Tête de feuilles, 1976

Jean Cassou, *L'Impressionnisme*, Encyclopaedia Universalis, 1985

Philippe Verdier, *Gauguin (1848-1903)*, Encyclopaedia Universalis 1985

Baudouin, *Van Gogh*, Ed. Hasso Ebeling Verlag, Luxembourg, 1979

Volkmar Essers, *Henri Matisse (1869-1954), Maître de la couleur*, Ed. Benedikt Taschen, 1990

Kandinsky, *Du spirituel dans l'Art et dans la Peinture en particulier*, Ed. Denoel, 1989

Chú thích :

(1) Người ta thường cho rằng sự khác nhau căn bản giữa hội họa cổ điển, nói chung (Phục Hưng, Cổ điển, Lãng mạn, Chủ nghĩa Tự nhiên, Ấn tượng, v.v...) và hội họa hiện đại (kể từ Gauguin, Van Gogh, Matisse trở đi) là ở chỗ : đối tượng chính của một bức họa cổ điển là *cái được thể hiện* (hoặc *cái được biểu đạt* — *le signifié* — trong ngôn ngữ học), nghĩa là cái hình ảnh nói lên một nội dung nào đó, một hiện thực nào đó (truyện tích, phong cảnh, chân dung, tĩnh vật, v.v...), mà người ta nhìn thấy được thông suốt qua bức họa. Bức họa chỉ như một khung cửa sổ mở, cho phép người ta nhìn qua đó để thấy đối tượng ở phía sau nó.

Trong khi đó, đối tượng chính của một bức họa *hiện đại* lại ở ngay cái mặt phẳng — không gian của bức tranh, tức toàn bộ cái hình thức bên ngoài của nó, từ kích thước, hình thù của cái khung, từ mặt vải (hoặc vật liệu khác), cho đến cấu trúc của bức họa, bao gồm : bố cục, màu sắc, chất liệu, đường nét, hình thể, nhịp điệu, v.v... Tất cả đều là những *tín hiệu* (signes), chứa đựng một chất lượng thẩm mỹ, một ý nghĩa nào đó.

Bức họa hiện đại là hình ảnh cụ thể của chính nó. Nó không còn là cái khung cửa sổ mở ra trước một cái gì khác hơn là nó.

(2) Xem Văn Ngọc, *Tranh khắc gỗ Nhật Bản* (ĐĐ số 51, tháng 4-1996)

(3) Màu sắc *biểu hiện* là màu sắc được sử dụng không dựa theo sự quan sát thiên nhiên, và cũng không tuân theo qui luật của quang học, mà tuân theo ý muốn biểu hiện, óc tưởng tượng của người họa sĩ, nhằm đáp ứng một nhu cầu thuần túy thẩm mỹ, hoặc một nhu cầu nội tâm.

(4) Những lý thuyết của Kandinsky về màu sắc được tập hợp trong cuốn *Du spirituel dans l'Art et dans la Peinture en particulier*, xuất bản năm 1911 ở Munich (nxb Denoel, 1989). Những lý thuyết của Mondrian và của Paul Klee về màu sắc cũng rất nhiều và nằm rải rác trong các tác phẩm viết của hai ông.

(5) Nền hội họa này vẫn kiên trì rập theo Raphael, Ingres v.v... với những chủ đề lấy từ truyện tích thần thoại Hy Lạp — La Mã cổ, để đề ra những tác phẩm *kinh viện* (académique) mẫu mực, và nó cũng vẫn kiên trì đào tạo những họa sĩ Prix de Rome, chuyên vẽ theo đơn đặt hàng của nhà nước. Nền hội họa chính thống này nằm dưới quyền kiểm soát về mặt tư tưởng và phong cách nghệ thuật của Trường Mỹ thuật, của Viện Hàn Lâm (Académie de Beaux-Arts) và của Institut. Nó nắm độc quyền những phương tiện triển lãm (Salons), cũng như sự mua bán tranh và hoàn toàn không thêm biết gì đến những tìm tòi mới ở xung quanh.

Hiện nay bạn có thể nhìn thấy trưng bày ở Musée d'Orsay, và có lẽ còn ở những nơi khác nữa, vô số những tác phẩm của nền hội họa này. Lý do là con cháu của các nhà họa sĩ kinh viện đã đem tặng những tác phẩm của ông cha mình cho nhà nước, và Musée d'Orsay là nơi chuyên hốt những đồ tặng (*don*s) đó, ngay cả những đồ rất linh tinh.

Dạ ký

Phùng Cung

Diễn Đàn xin giới thiệu với bạn đọc truyện ngắn *Dạ Ký* của nhà văn PHÙNG CUNG (sinh năm 1929 tại Sơn Tây).

Ở ngoài nước, Phùng Cung chỉ được biết tới như một nhà văn trong nhóm Nhân Văn – Giai Phẩm, với truyện ngắn *Con ngựa già của Chúa Trịnh* (Nhân Văn số 4, 10-1956).

Trong thời gian 56-59, ông đã hoàn thành một tập ó truyện ngắn, với tựa đề *Dạ Ký*. Tác phẩm này chưa bao giờ được xuất bản, và khi tác giả vừa viết xong, thì ông bị bắt và bị tù biệt giam trong 11 năm trời. Cũng như Nguyễn Hữu Đang (15 năm tù), Phùng Cung là một trong vài ba người rất hiếm không chịu *tự phê*, và lại càng không chịu *tổ điều* người khác.

Chúng tôi đã nhận được bản thảo truyện ngắn *Dạ Ký* từ cách đây 2 năm. Nay tập thơ *XEM ĐẾM* của ông đã được xuất bản ở Hà Nội, Diễn Đàn xin giới thiệu tác phẩm văn xuôi đã viết từ năm 1959. Vì khuôn khổ tờ báo, chúng tôi đã mạo phép tác giả, nhờ một bạn văn của ông biên tập lại bằng cách lược đi một số đoạn.

Đêm lặng, hơi có gió nhưng là gió nóng ; có lẽ gió từ dưới đất lên. Tôi cảm thấy hai mắt đang được băng lại bằng lụa mỏng — một thứ lụa chuyên dùng của thần ru ngủ ? Tại tôi vẫn còn thức, nhờ gió đón nhận được những âm thanh của đêm thu. Âm thanh cũng dứt, nổi, nổi, chìm, to, nhỏ, gió ý thức điều chỉnh ?

... Một không gian đỏ, xanh, vàng, tím bao la quay cuồng biến ảo ; bỗng tối bùng lấy mắt, rồi lại thay bằng một thứ ánh sáng dịu dịu của đêm trắng, rồi ngả sang màu ánh sáng của bình minh ảo — không gian phù thịnh.

Tôi nhìn lên ngọn cây chồi mới kè bên cổng một ngôi đền cổ kính, muốn ghé nơi cảnh vắng độ chân, luôn thể ăn mỳ ngum nước. Vừa bước khỏi cổng, bỗng thấy khác lạ : rõ ràng vừa rồi là một cổng đền, nay lại biến thành một tam quan đẹp — Chùa hay đền ? Chợt tiếng “ đậu phụ chùa ” sủa dữ dằn. Tôi để mắt tìm chẳng biết con vật ấy ở đâu. Tiếng sủa từ bốn phía giáp công giòn giã đan vây. Tôi biết làm gì đây để thanh minh mình không phải là kẻ gian phi. Tôi cố gắng nhìn ngó muốn tìm đến chủ của chúng dù là nhà sư hay ông từ để nói lên cái yêu cầu không nhỏ của mình. Rất tiếc, tôi chẳng thấy bóng một ai ! Chẳng biết sức gì lôi cuốn, khiến tôi tò mò ngoan bước. Vào đến thềm đại bái, tôi chợt nghe tiếng lịch kịch bên trong như tiếng thu dọn đồ đạc. Tôi bước hẳn vào bên trong, nhìn lên tam bảo uy nghi. Cái mắt tò mò chuộng lạ của tôi dè dặt tôn kính từ ba vị tam thể, đến hai bên hành lang, đủ loạt : tượng phật, tượng thánh gỗ hay đất chẳng biết, đầu sơn son thiếp vàng lộng lẫy. Trời ! Tôi bỗng rùn cả người ! Các tượng tĩnh tọa ở cái thế thiên thu bất biến, nhất loạt chăm chăm nhìn tôi. Tôi rẽ sang hành lang bên tả, các vị cũng nhất loạt đánh mắt sang tả lườm tôi. Tôi rẽ sang hành lang bên hữu các vị cũng nhất loạt đánh mắt sang hữu — còn nhanh hơn — lườm tôi ! Sự hoạt động của nhãn tượng nhảy bén tựa cái vô

lãng ô-tô quanh trái, quanh phải trên con đường chữ chi, ổ gà, do một tay lái tốt bậc điều khiển. Tôi cảm thấy lạnh toát người ; tôi cố trấn tĩnh làm nhanh bản tự thuật trong đầu. Tôi vẫn biết đã là tự thuật thì thành khẩn tự nhận tội lỗi là cốt lõi của vấn đề. Tôi tự nhủ có lẽ con mắt của thần, phật ; chỉ con mắt của thần phật mới nhìn thấu hết. Hẳn kiếp trước mình là kẻ bất lương, bất hảo !...

Tôi khép nép đi lùi theo lối cận thần sau khi vào bệ kiến đức vua mà tôi đã có nhiều dịp chứng kiến trên các chiếu hát chèo. Lùi đến khi gót chân va vào bậc cửa tôi mới dám cúi đầu quay ngang và bước hẳn xuống thềm.

Khát quá ! Nhìn thấy một bể nước kề sát tường, tôi vội nghĩ : thôi thì dầu sao mình cũng đã bị kiềm kim ấn ba kiếp thì liều thành tâm ăn mỳ trộm ngum thanh thủy ! Rủi thay ! Tôi nhìn vào bể chẳng còn lấy một giọt nước, đáy bể đã chóm râu. Góc bể phía trong, một con cá đã chết từ bao giờ trong môi trường thiên định, chỉ còn nguyên bộ xương trắng màu gạo hẩm ! Chờ ăn vạ, hay đợi thời gian mải dũa để siêu thoát, hay chờ bàn tay màu nhiệm cho tái sinh ? Duyên kiếp người cũng như ngư, điều đều may ít, rủi nhiều, cứ nằm đây chờ đợi ! Tôi nhớ lồm bồm lời Phật tổ : « Nước bốn đại dương dồn chứa chưa bằng nước mắt chúng sinh trong thế giới ba ngàn ! » Nếu được xét tái sinh hẳn con cá này sẽ được thăng thưởng ưu ái trong nước mắt mệnh mông vô tuyền.

Tôi vừa đi vừa nghĩ bỗng cơn mưa ập đến, nghe tiếng mưa rào rào, tôi nhìn xa gần để tìm nơi trú. Nhưng lạ thay, mưa mà áo quần tôi không ướt. Mới ở chùa ra, có lẽ mưa tưởng tôi là người nhà phật, hay ít nhất cũng vương mùi phật nên kiêng nể chẳng ? Lại thỉnh linh một mũi giày đá vào mông tôi. Đá khá mạnh nhưng không đau. Tôi giật mình quay lại. Chẳng phải ai xa lạ, ông bạn cao tuổi, nhà thơ giả thiếu số — Tôi hơi bất bằng cái lối mở đầu sự gặp gỡ kiểu này, nhưng không tiện tỏ thái độ, chưa hẳn sợ anh mà là ngại anh thì đúng hơn. Anh đá tôi bằng giày vải của quân đội nước bạn Trung Hoa viện trợ. Trong giày nó có sức điều tiết lúc êm, lúc đau — phát đá hữu nghị giao hảo thì nghe êm ; ngược lại thì gập ngàn vạn lần giày sằng-dá của lính Lê-dương. Anh hất hàm hỏi tôi : “ *Đã thật thành khẩn chưa ?* ” Tôi chưa kịp trả lời mà nghĩ nhanh : sao anh ta lại hỏi đột ngột thế nhỉ ? Anh ta có ở trong đầu mình đâu mà biết được bản tự thuật lúc này mình chỉ mới nghĩ, chứ có viết hoặc nói ra đâu. Lạ thật ! Chẳng lẽ tiếng lịch kịch khi tôi nghe thấy lúc còn đứng ở thềm đại bái lại là tiếng do anh ta tạo nên. Có lẽ anh ta nấp đâu ở trong chùa mà tôi không biết. Cái khoa “ phật vận ” của anh làm tôi phục anh sát đất. Như người bị bắt quả tang, tôi cứ ngó ra : chút bình tĩnh dần dần được hồi phục, vì mình không khuất tất, không trộm cắp gì. Vả lại nhà tôi cũng có nuôi chó. Người lạ đến nhà là nó sủa ; bất kể là ai. Nhiều con khôn còn biết sủa lập công phò chủ. Tôi ít nhiều bị chúng hiểu lầm nhưng chẳng đáng để ý. Anh nhà thơ lên mặt giáo dục tôi : “ *Chưa thật thành khẩn, phải đào sâu suy nghĩ, còn phải bộc lộ !...* ” Tôi nghĩ đây đâu phải là đang cuộc chỉnh huấn. Nếu là chỉnh huấn tôi cũng chẳng tiếc gì vài cái gãi đầu đấm ngực, lên án mình — dù thật hay vờ miễn học uỷ gặt đầu chấp nhận... Anh nhà thơ lại hạ giọng : “ *Cũng tạm được, cũng đã có ít nhiều chuyển biến !...* ” Nói xong anh quay đi, đi rảo bước cho kịp một người bạn đồng hành của anh. Tôi được giải thoát, tôi thở phào nhìn theo hai người. Quái lạ ! Anh nhà thơ, lúc này tôi có thấy anh ta cầm cái gì đâu. Bây giờ lại thấy tay phải cầm ngang một chiếc côn gỗ đầu đen, đầu đỏ.

Nhà lý luận một tay bá cổ nhà thơ, một tay cũng một cái côn, giữa sơn vàng hai đầu đỏ ; màu sắc tất nhiên khác hẳn côn của nhà thơ — nó tượng trưng cho cái gì thì tôi cũng xin chịu — côn nào cũng có tính năng của nó — không phải chuyện trang trí, tạo dáng.

Một lúc sau, không biết hai người đã rẽ lối nào, tôi chẳng quan tâm, ngã ba ngã tư thiếu gì. Đến một ngã ba, thấy lối rẽ bên phải đường nhẵn cát pha, tôi liền rẽ theo ngã này. Ôi ! Vô phúc thế nào lại dẫn thân vào nơi cấm địa ; lầu son, gác tía dựng ngay trước mặt. Tại sao mắt tôi không nhìn thấy từ xa nhỉ. Tôi dừng chân nhìn một ngôi hoá hai, hai hoá ba, ba hoá bốn, hoá năm, liên khu lâu đài, biệt thự — như trời hoá phép vậy ! Tôi tưởng đây chỉ là ảo giác. Tôi xoa mắt, định thần. Tôi đứng bên ngoài hàng rào cấm nhìn lên thấy một tấm biển màu đỏ, chữ vàng, chữ loà nhoà tôi không đọc rõ — treo ngay ngắn trước một biệt thự chính giữa. Hai hàng người quần áo đồng màu cấp côn đỏ, xếp thứ tự nghiêm chỉnh từ dưới chín cấp lên tận cửa son. Chẳng có công việc gì mà cứ luân quân nhìn ngó để bị soi đòn nên tôi liền lảng nhanh.

Tôi chợt nghe giọng âm ỉm ngâm câu thơ... “ *Mai Châu mùa em thơm nếp xôi...* ”. Tôi nghĩ ai đó đang ngâm thơ Quang Dũng thì thấy đúng Quang Dũng xuất hiện. Tôi cảm thấy may mắn, gặp anh. Tôi vội hỏi anh đi đâu đến chốn này. Anh cười vẻ buồn buồn : “ *Ở Tây Tiến về ! Hôm nay sinh nhật mình, mình đang muốn tìm bạn dự sinh nhật !* ” Tôi nghĩ bụng : thế thì đúng lúc, mình đang đói, khát, lại có bạn rủ đi sinh nhật thì còn gì bằng. Tôi ngỏ lời chấp thuận. Thế là anh ta kéo tôi ngồi xuống gốc cây bên cạnh giỏ trong bọc ra mấy củ khoai lang luộc, và tháo từ nách ra một bi-đông — bi-đông nhôm hơi méo đựng nước chè xanh. Hai thằng cùng ăn khoai, cùng uống nước. Anh ta giới thiệu khoai quê mình đây, chè thì ở Gốc cũng gần quê mình — ta lấy khoai làm bánh kẹo, lấy nước chè làm rượu — anh vừa nói vừa cười, hỏi tôi : “ *Cậu chúc gì mình nào ?* ” Tôi đáp : “ *Chúc ông làm nhiều thơ hay !* ” — Anh ta lắc đầu, im lặng. Tôi thấy sinh nhật một nhà thơ sơ sài quá ! đơn giản quá ! Nhưng tôi lấy nội dung làm chính. Anh ta lại nói : “ *Khoai lang ăn nó dễ đi ỉa, nhuận tràng ; chè xanh mát ruột !* ” Tôi cũng miễn cưỡng cho là phải — và đang nhìn mơ hồ lên bầu trời cao xanh. Bỗng tôi thấy anh lấy từ trong túi đựng khoai ra một con dao dài chừng một gang tay, chuôi đồng, lưỡi dao sáng loáng, anh ta vừa nhỏ nước bọt vào gan bàn chân, vừa liếc dao, vừa khóc ! Nước mắt lăn rơi đầy mặt. Liếc dao xong, anh ta đứng phắt dậy, mắt gườm gườm nhìn tôi. Tôi sững sốt không hiểu nổi cái gì sẽ xảy ra đây ? Tôi cũng đứng dậy. Anh ta cầm lăm lăm con dao sắc trong tay : “ *Tao thiếu mày !* ”. Tôi hoảng sợ nhưng vẫn nghĩ là anh đùa : “ *Đừng đùa đại thế anh !* ” — Anh nhảy bước tới tôi. Tôi lùi nhanh. Anh nói : “ *Đùa à ! Tao thương mày, mày có muốn làm quan hoạn không ?* ” Tôi nghĩ : thằng này phát điên hay sao đây mà lại quái gở thế này ? — Anh ta nói liền liền : “ *Tao thương mày ! Tao thương mày ! Cùng quê nhau cả, tao dành cho mày mọi sự ưu ái !* ”. Nhấp nhòm có ý rình miếng chụp gọn lấy tôi. Tôi vừa sợ, vừa nghĩ : anh ta phát điên hẳn rồi ! Ưu ái — quan hoạn — lộn xộn chẳng còn biết ra thế nào ! Tôi lùi một bước, anh ta tiến một bước, tôi lùi hai bước anh ta tiến hai bước. Anh ta một tay múa dao, một tay chuẩn bị chụp hạ bộ tôi. Chạy là thượng sách ! Tôi phá chạy, anh ta huỳnh huých đuổi theo sau. Rõ ràng

tôi cầm cổ găng sức mà vẫn như chạy tại chỗ. Anh ta cũng không đuổi kịp được tôi.

Nhà thơ tôi may mắn gặp sau một phen hết hồn bị thiếu trượt là Hoàng Cầm, một người bạn vong niên kể tuổi đời tuổi văn thơ cũng xứng đáng là bậc “ *liền anh* ” của tôi. Anh có dáng thư sinh nho nhã — nghe nói cũng có đôi người phải đẹp chê anh là eo uột ! — Với tư thế một sĩ quan văn học trong đoàn quân bách chiến, trời phú trong cổ họng có cái còi mạ vàng ; nhờ đó anh xống giọng vàng mười sang sảng khi ngâm thơ — Có người đổ kị bảo thơ anh đầy vẻ lấp lánh trang kim hàng mã — Cũng vẫn lối đổ kị có kẻ khen anh nổi tiếng nhờ ngâm thơ chứ không phải vì thơ hay. Cứ cho là đúng ; cứ cho là không đúng đi — Tất cả đều là phù phiếm có giới hạn — Nhờ tài hoa, duyên phận, anh đã “ *cuỗm* ” được một phụ nữ nà dòng “ *đờ luych* ” — đó là lời đùa quá chớn của bạn anh — chẳng thấy cần phải nêu tên ; nhưng thôi, tôi cứ nêu bég tên ra để khỏi mập mờ — đó là Tử Phác. Tôi biết Tử Phác với Hoàng Cầm có thể nói là đôi bạn nổi khổ nhưng, cũng không ít lời cay độc ngay trong lúc trò chuyện với nhau. Hình như Tử Phác ta cũng ít nhiều có sự ghen tị với Hoàng Cầm về đường phu thê ? Tử Phác đọc quyền châm chọc Hoàng Cầm, ai khác cũng nói lời của Tử Phác như vậy, tức thì Tử Phác bênh bạn chầm chap : “ *Ồi chà ! nà dòng loại chúa như thế còn gặp triệu lần loại vấy dọp lên ngôi — loại vấy dọp đã lên ngôi thì khiếp lắm !... — được thôi mà !...* ” Đương nhiên cái lối nói này lạc hậu tầm cỡ quốc tế ! Nên chỉ là nói vụng.

Hoàng Cầm nắm vai tôi hỗn hển : “ *Mình đang nghỉ giải lao, đang bận tập, nếu không thì mời cậu về nhà tôi chơi* ”. Tôi vội hỏi : “ *Tập thành gì ?* ” ; Hoàng Cầm quay sau lưng, lấy tay chỉ trỏ. Tôi nhìn theo tay anh, thấy một bãi tập rộng, cỏ mọc xanh rờn xung quanh đều có hàng rào thép gai cao chừng hai tầm đầu người lớn. Hai bên phía bãi tập là mấy ngôi biệt thự mới : cái thì mái cong như mái chùa ; cái thì mái vòm, trên nóc có hình củ tỏi. Bỗng một hồi chuông vang lên, Hoàng Cầm định bắt tay tôi để vào bãi. Nhưng anh lại dừng ngay và nói với tôi : “ *Chưa đến đợt bọn mình !* ”. Tôi lại hỏi anh : “ *Tập thành gì vậy — và nơi đây là gì ?* ”. Anh trả lời tôi : “ *Cứ đứng đây nhìn sẽ biết !* ”.

Tôi nhìn vào trong đã thấy sáu bảy hàng người, mỗi hàng chừng vài chục. Có hai người đang đứng trước những hàng người, nói gì tôi không nghe rõ. Một người cao đen, mà trong anh em văn nghệ mệnh danh là bầu bộp vụng ; người kia là nhà thơ giả thiếu số — Theo Hoàng Cầm cho biết người cao đen là giáo sư viện trưởng qua đào luyện theo hệ Nam Hải. Người nhà thơ là giáo sư viện phó, qua đào luyện theo hệ Đông Phương. Cả hai tôi đều biết, nhưng tôi thắc mắc : Nam Hải gì ? Đông Phương gì ? sao anh lại nói mập mờ khó hiểu vậy — tôi không tiện hỏi. Sau mấy tiếng hò hét của hai vị giáo sư — Giáo sư viện trưởng vươn ra một cái lưỡi đỏ, dài hàng trượng và hơn thế nữa. Cái lưỡi cứ ngoằn ngoèo lượn như xiếc Trung Hoa múa lụa. Mấy hàng học viên do giáo sư này chỉ huy cũng phóng lưỡi đỏ, cũng ngoằn ngoèo nhưng còn ngắn hơn giáo sư nhiều. Còn vị phó giáo sư thì phóng một loại lưỡi khác thẳng đơ như dùi cui cao su, bề dài cũng hàng trượng, có kém cũng không đáng kể — cái lưỡi của vị phó giáo sư không múa liệng mà cứ đập lên đập xuống, cái lối dẻo cứng. Mấy hàng học viên dưới sự huấn luyện của vị này cũng phóng lưỡi ra, cũng đập lên đập xuống, tất nhiên so với phó giáo sư còn kém nhiều ! Tôi nhìn thấy cũng ngoạn mục, cũng lại

sợ. Tôi chưa được nghe ai nói về sự việc này. Nay đột nhiên được thấy tận mắt mới biết mình còn ngờ nghệch nhiều trong cuộc sống ! Đột nhiên tôi thấy một người nhỏ thó, mắt hơi lè, nói giọng kim từ đâu vừa đến. Viện trưởng, viện phó cung kính cúi nửa người — hẳn có lấp bắp lẽ trong lưng. Rồi lại thẳng người, vươn lưỡi lẳng qua, lẳng lại — nghi thức lễ tân của học viện chào thượng cấp. Tôi hỏi Hoàng Cầm xem ai đó. Hoàng Cầm nói nhỏ : “ *Thì hào, viện trưởng danh dự của viện !* ”. Tôi cố hỏi Hoàng Cầm : “ *Học viện gì và làm sao anh lại được vào theo học ?* ”. Hoàng Cầm khẽ trả lời : “ *Học viện múa lười đấy !* ”. Anh còn thổ lộ với tôi trong viện có nhiều giáo sư và tuy cùng một viện nhưng hai ngành múa khác nhau. Thỉnh thoảng hai ngành có thi đấu. Lưỡi nọ quần lưỡi kia vẫn chưa phân thắng bại : Về lý thuyết thì hai bên đều đầy sức thuyết phục. Cũng theo anh kết luận thì hình như lưỡi lụa đang có đà thắng thế. Anh cũng thề lưỡi cho tôi xem. Tuy đã được nhận vào viện nhưng lưỡi anh cũng mới dài gấp hai lưỡi người thường. Anh tâm sự : có lẽ phải bỏ dở, vì vốn anh không có sở trường ; bỏ thì cũng tiếc, nếu theo hết khoá, ra viện thì cũng có chỗ đứng vững vàng — Tôi muốn ngó ý được xem trận đấu lưỡi, chỉ một lần thôi. Hoàng Cầm hươ tay ra hiệu : “ *Không được ! Không được ! Đây là việc cơ mật quốc gia !* ” Tôi thấy anh nói vậy, cũng không dám vật nài. Anh còn cẩn thận vỗ vai tôi khuyên : “ *Chớ có bép xép — oan gia đấy !* ”. Tôi cũng khuyên lại anh, nếu như cảm thấy không hợp sở trường thì xin thôi mà làm thơ, ngâm thơ, tội gì mà lao vào, cho mệt. Hoàng Cầm *suyt* ! một tiếng khẽ, vừa đủ tôi nghe : “ *Lúc nào viện thấy không đủ khả năng thì viện sẽ loại, chứ tự mình xin ra thì trước hết mất lưỡi ; lưỡi mất, còn ngâm ngợi cái gì. Đến kẻ hành khất cũng phải nhờ cái lưỡi mới sống nổi. Cậu khuyên đại dột thế !* ” Tôi cảm miệng, cảm thấy hải hùng ! Tôi lại tò mò hỏi anh với điều kiện nào mà được tuyển vào viện ? Hoàng Cầm cười : “ *Trải qua một cuộc thử thách ; trời phú cho mình cái bản chất co giãn, lúc nào cần cứng thì cũng xương đồng da sắt, lúc nào cần mềm thì cũng nhũn nhùn nhùn như bánh đa nhúng nước ; nhờ vậy đấy !* ” Nói vừa dứt lời, Hoàng Cầm liền biểu diễn sức co giãn ; anh gồng người lên, tôi sờ vào quả cứng thật ; anh làm mềm, tôi sờ vào người anh chẳng thấy có xương cốt gì hết, toàn thịt và gân nhẽo nhèo. Anh còn cho tôi biết đây mới chỉ là hình thể nhìn thấy bằng mắt, còn cái phần vô hình — tâm hồn, tư tưởng — sức co giãn còn gấp ba bốn lần là ít. Tôi phục anh, bằng lời nói vui “ *Chịu ông anh !* ” Hoàng Cầm hất nhanh lời vào mặt tôi đây về tự phụ “ *Chứ sao !* ”

Tôi cứ theo con đường đầy ánh sáng pha lê mà đi. Phía trước tôi không xa là mấy bà đồng nát lông vịt, vừa đi vừa rao mua ; tiếng rao cất lên như đồng ca hai bè của bản hành khúc “ *Đồng nát — lông vịt* ”. Tôi nghe cũng được, giả như tiếng ca nhỏ bé chút nữa thì đỡ chói tai hơn. Mỗi lúc họ càng tấu to hơn, ra điều ta đây đang làm chủ mặt đường, làm chủ ít nhất cũng một khoảng không gian tương đối rộng lớn. Tôi đành dừng lại chỗ cho họ đi khuất. Dư âm bản đồng ca cũng không còn lảng vảng bên tai. Thính giác tôi đã trở lại bình thường ; nó đón nhận tiếng ồn ào, ồn ào từ xa xôi bên trái. Tôi biết đó là tiếng họp chợ. Tôi liền rẽ bước theo hướng đó, đi chừng hơn một dặm thì đến một cái chợ. Chẳng để mua bán gì, nhưng phởn dạ bước chân muốn học đòi du khách rẽ vào chơi chơi. Chỉ nhìn thoáng cũng đủ nhận biết đây là một cái chợ pha tỉnh, pha quê, gần giống như Chợ Mơ ;

gần giống chợ Chi Đông, Phúc Yên ; gần giống chợ Nghệ Sơn Tây ; gần giống chợ Rồng Nam Định. Bụng bảo dạ : cả đến cái mặt chợ búa trên trần gian — cũng cứ na ná giống nhau, hưởng hồ trăm, ngàn, vạn mô những cái khác khiến người ta dễ nhầm lẫn là phải. Khi tôi để ý nhìn lên đầu tường của một quán gạch lợp ngói — chia bày mấy chữ đắp bằng vôi, xung quanh chữ cũng đóng khung vôi vuông vắn như một bức phù điêu — tất cả đều cùng một màu vôi vàng đã cũ. Mấy chữ Pháp lộn chữ Việt *Marché de Yên Thái*. Thôi đúng là Chợ Bưởi ! Hẳn là từ thời vong quốc “ *đề huê* ” mà bàn tay của hôm nay hoặc bỏ quên chưa xóa ; hoặc để làm lưu niệm ; hoặc để làm một cáo trạng ngắn gọn của dấu chân đô hộ ; hoặc để làm gì khác ? Thắc mắc trong đầu là quyền mình ; nếu như muốn chất vấn, muốn được giải đáp thì chất vấn cái mặt tường vôi ư ?

Bỗng có tiếng huyền não khác thường nhưng êm dịu vì không pha chút thét gào. Tôi lét mắt phía ồn ào thấy lối dãy hàng tôm, hàng cá nối liền dãy hàng chó mèo có một giai nhân xuất hiện. Quần lĩnh nhóng nhánh ; áo cũng lĩnh nhóng nhánh ; khăn cũng lĩnh nhóng nhánh — đội rất điệu dàng. Trên cội mặt hoa đa phần duyên dáng, rằng cũng đen nhóng nhánh — tất nhiên không phải rằng lĩnh — chẳng qua để cho nó *uy-ni* mềm mại. Giai nhân bước đi nhẹ nhàng tha thướt uốn éo nhưn nhảy, nhưn nhảy nhịp *đánh bông*. Miệng tùm tùm, mắt liếc qua liếc lại — khi giai nhân đi đến cách tôi quãng một tầm nước bọt. Tôi sững cả người “ *Anh Tô Hoài !* ”, tôi thốt ngấm trong bụng. Một người anh về tuổi đời cũng như về văn chương. Từ rừng Việt Bắc trong các khuôn mặt đàn anh quắc thước, sành sỏi thì tôi chọn mặt anh để *gửi vàng*. Anh Xuân Diệu lại nhìn anh bằng con mắt xanh khen “ *Toujours aimable !* ” — Tôi không lầm. Anh đã giúp đỡ tôi nhiều về mọi mặt. Quá khứ ân tình ấy tôi có muốn quên cũng không sao quên được. Nhưng liệu có phải anh thật không ? Cái va-li cũng đen bóng màu lĩnh, bên tay trái người đẹp. Tôi nín vào cái nghề cổ truyền lĩnh Bưởi quê anh để đỡ ngộ nhận. Nhìn cho rõ thì hoàn toàn là một com-pra-do hăng dẹt lĩnh. Nếu tôi khẳng định như vậy thì nảy ra một thắc mắc làm sao anh tôi phải đổi nghề ? Tôi thiết tưởng sự kiếm sống bằng nghề nghiệp tầm cỡ, có bề dày rất đáng kể về thời gian, tôi chưa nói đến bề dày quyền lực cũng như mọi bề dày khác. Cái gì đã thôi thúc đổi nghề ? Nếu không muốn nói đến số phận. Cái mũi thềm văn cổ hữu của tôi ; tôi đánh hơi thấy mùi sách trong chiếc va-li căng phồng. Nếu có tiền, nếu cá cược, tôi xin đặt giá mười ăn một ; trong va-li không có vài lĩnh ! Đầu tôi đang muốn được giải toả cái tiếng com-pra-do ! Song tôi vẫn nghi hoặc, vẫn rất băn khoăn. Một thứ bản khoán rồi lộn, nó chao qua, chao lại như đánh võng trong đầu, khiến tôi phải nhắm mắt lại. Khi mở mắt không thấy bóng giai nhân đâu cả. Chẳng biết cái gì đã đẩy tôi đến một không gian khác. Anh Tô Hoài hoàn toàn Tô Hoài, nhà văn Tô Hoài. Tầm vóc anh không thay đổi, chỉ có con đế mèn bên cạnh anh là to lớn khác thường, nó xấp xỉ một con ngựa — loại ngựa gié — đang tuổi phát nha. Anh đã dắt nó, hay nó dắt anh không rõ — tranh thủ đại diện ruồi rong đất lạ, ê hề ! nay đang cùng nhau nghỉ dưới một gốc cây đa cổ thụ rợp bóng mát. Con đế đang lóm lém ăn cỏ, còn anh cũng đang ngồi đọc bản thảo, tay phải cầm bút máy thỉnh thoảng có ghi thêm hay sửa chữa gì đó. Cả người và vật toát lên đầy vẻ hả hê, sung túc. Trước mặt anh là một quan lộ, một dãy người gánh toàn sách là sách. Họ gánh đi bán rong hay chuyển đi phân phối

cho đại lý. Họ nhìn anh, anh nhìn họ gật gù cười cười, rõ ràng là quen thuộc nhau cả. Có người nói vắn anh đang hợp thời vận ! Quyển nào anh viết ra cũng có tầm ít mùi để mèn nhưng chẳng thấm tháp mấy. Có thể ví như người bán trà ấm, vẩy vài giọt é-te sen, nhài vậy. Anh đã đạt tới mức quán quân thực hiện khẩu hiệu “ nhanh, nhiều, tốt, rẻ ”. Sách anh được phát hành số lượng không hạn định bày tại quầy sách quốc doanh ; cứ như gạo của hàng mậu dịch vậy. Làm gì có chuyện đóng gạo ngoài cửa hàng ! Lòng nhân ái, sợ người người đói vẫn khát sách nên anh trở tài đáp ứng. Ngồi chỗ nào anh cũng viết được. Đứng chỗ nào anh cũng viết được, tay cứ thoăn thoắt tãi nhả đều đều. Có người nói anh viết như đan len ! Và anh đã chiếm lĩnh một góc trong cái tam giác thơm Tô Hoài – Lê Văn Trương – Hồ Biểu Chánh.

Ngồi nghĩ đã lâu lâu, anh đứng dậy, kéo theo con đế, anh vỗ vào lưng đế như vỗ vào lưng ngựa !— Hẳn anh đang lấy lưng đế làm chuẩn, tập thể dục, thể thao. Anh cứ nhấp nhồm nhẩy mãi vẫn không qua lưng con đế mèn ! Anh bị ngã ! Chống tay nhồm dậy ; nhìn trước, nhìn sau, xem có ai nhìn thấy không ? Anh đứng hẳn dậy, lắc đầu ngán ngấm...

Tôi đang bận tâm suy nghĩ ; vừa chớp mắt một cái bỗng tôi lại thấy mình đang ở giữa chợ. Trong đầu tôi lại nổi vào cái mạch cũ, từ khi gặp giai nhân. Mỗi nghĩ ngờ dâng lên mỗi lúc một cao — không sao tự mình giải đáp được. Tôi định rẽ hẳn vào dãy hàng chó xem người ta bán, mua, người ta khen, chê tướng mạo lũ chó má. Chợt cùi tay ai đó huých nhẹ vào sườn tôi. Qua cái kiểu huých ấy, tôi đoán ngay là cùi tay của bạn thân. Tôi quay cổ lại, đúng là Đào Công Đạt — Lê Đạt — cái tên do anh Nguyễn Huy Tưởng đặt cho từ rừng Việt Bắc. Lê Đạt, tôi rất có cảm tình với anh, phục anh mặc dù anh ra đời sau tôi tám tháng. Anh thông minh, anh có tú tài tây và còn học cao hơn nữa. Đầu toàn quốc kháng chiến, anh còn theo học trường pháp lý Đỗ Xuân Sảng. Còn tôi không dám giấu giếm, chỉ có cái trung học — phải thi lại lần hai. Anh hay lấp bắp, lấp bắp vui miệng như tép nhảy. Tôi chỉ hơi khó chịu với anh một chút vì với bất cứ ai anh hay giở giọng “ lãnh tụ non ”. Tôi cũng đại khái biết anh, có giai đoạn anh đã nhận chức *secrétaire particulier* cho một vị cô nào đó¹ — anh nói chuyện hay chen tiếng Pháp — khi đang nói, anh ngừng lại, dấm nhẹ lên trán, để tìm từ Việt cho thích hợp — na ná như người ở Pháp lâu năm mới trở về nước — bất đắc dĩ — có kinh nghiệm — phụt tiếng Pháp. Theo tôi không chắc chắn lắm — phần nào để tạo dáng kẻ nhiều chữ ?

Lê Đạt là người sòng phẳng, ngay thẳng, đôn hậu, chỉ phải nổi tính đôi khi tất tưởi ; hoặc hay cầm nhầm — có kinh nghiệm chữ của người khác khảm sâu trong sáng tác văn thơ của mình — dấu có vết, thì ngọc vẫn là ngọc ! Tôi còn quý anh ở một điểm nữa là anh hay cho tôi đi ăn phở. Có lần tôi vui miệng hỏi anh : “ Tiền đâu mà cậu cứ cho mình ăn phở mãi thế ? ”. Anh nói nhỏ vừa đủ tôi nghe : “ Bà cụ mình vẫn có chút buôn bán nhỏ kiếm thêm !...” Tôi cười, không phải chê bai gì. Nhưng anh hiểu lầm như là tôi có ý chê việc buôn bán — vào cái thời mà gia đình cán bộ vẫn phần nào dựa vào buôn bán để cải thiện đời sống đều bị coi là thiếu trong sáng — anh liền cười vắng tục : “ Chả thế lấy đéo đâu ra cho mày ăn !... ”. Tôi chẳng phạt ý về câu nói. Tóm lại tôi vẫn thấy có bốn phận đối với anh như bát nước đầy.

Hôm nay, gặp nhau đây, anh lại hỏi tôi : “ Đã ăn gì chưa ? phở chứ ? ” Tôi đón lòng thảo của anh : “ Gì cũng được ! ” Nhân

dịp gặp anh, tôi khẳng định sự nhìn nhận của mình về anh Tô Hoài, về giai nhân. Tôi đưa mắt hỏi anh, không chần chừ Lê Đạt khẳng định : “ Đúng luy ! ” Tôi hỏi lại : “ Có chắc không ? ” Lê Đạt nói : “ Chắc ! ” Tôi lại hỏi tiếp : “ Sao lại như vậy nhỉ ? ” Lê Đạt cười cười : “ Ai mà biết được, ông anh lắm mưu nhiều mẹo ; có thể nói là dương kim vô địch đấy ! ” Tôi ngỡ ngàng hỏi : “ Về cái gì ? ” Lê Đạt đập mạnh bàn tay vào vai tôi : “ Thôi đừng vờ ! mày mà không biết à ? ” Tôi nói : “ Không biết thật mà ! ”. Bấy giờ Lê Đạt mới nói toạc ra : “ Về cái khôn chứ cái gì ! ”. Tôi công nhận lời nói của Lê Đạt : chẳng những Lê Đạt mà anh em trong văn nghệ thường cũng nói như vậy. Lê Đạt lúc nào cũng lại đưa tay vỗ vỗ lên trán nói : “ Tao nghĩ về vấn đề anh đã bội thu còn muốn gì nữa cho nhọc xác ! ” Tôi chưa kịp đáp lời, Lê Đạt mau miệng tiếp : “ Bọn mình nhặt được vài hạt khôn của ông anh rơi vãi thì cũng đã lấy làm mãn nguyện phải không mày ? ”.

Tôi bàn thần cả người, tâm trạng tôi ngổn ngang, không vui, cũng chẳng buồn, chẳng ước ao hay nuối tiếc gì cái hạt khôn của anh Tô Hoài để rơi vãi.

Lê Đạt kéo vai tôi lên trên đường, tìm ăn phở, vừa để hóng mát, quanh quẩn dưới chợ, thể đã đủ rồi. Tôi và Lê Đạt vừa lên khỏi dốc đến đầu hàng cây cảnh. Lê Đạt đang bận để mắt tìm hàng phở. Tôi đứng xem cây cảnh. Bỗng từ trong chậu cảnh hoa giấy phơi phới màu đỏ, một người bước ra, dáng vẻ mãn nguyện dâng hoàng như từ Pô-bê-đa bước ra. Lẽ ra tôi phải kinh hãi cái lối tàng hình hoá phép. Nhưng không hiểu sao tôi lại coi là chuyện bình thường ; chuyện tầm thường ! Tóc rẽ cánh phượng, trên khuôn mặt chim, trợn không lẫn. Nách trái cặp một tập nhạc. Tôi biết ngay là ai rồi. Hình như anh ta đã nhìn thấy hai chúng tôi ; anh ta đưa bàn tay lên che miệng cười — cái thói quen cố hữu — Lê Đạt quay đầu lại lấp bắp lên tiếng trước : “ Chào cụ Tiên² ”. Chỉ mấy tiếng của Lê Đạt tôi có cảm tưởng như anh đang giỡn, đang yêu cầu con tàu lịch sử dân tộc cài số lùi hàng vài thập kỷ — cái thời Tiên thứ chỉ, đầu gà má lợn — cái thứ bông phèng thiếu ý thức ấy mà lọt đến tai trên thì kiểm điểm một ! Cụ Tiên hỏi : “ Tụi mày đi đâu đến đây ? ” Lê Đạt trả lời gọn : “ Chơi ! ” Cụ Tiên ta lại che miệng cười : “ Có thể dẫn tao đi Văn Phú hàng Lọng được chứ ? ” Lê Đạt hơi ngần ngừ, đưa mắt cho tôi. Cụ Tiên kịp thời theo mắt Lê Đạt hỏi tôi : “ Khá không ? Nghe Phùng Quán nói dạo này sáng nào mày cũng luyện thái cực quyền à ? ” Tôi chưa hiểu hai tiếng “ khá không ” là khá về mặt nào, khá cái gì ? Tôi trả lời : “ Múa may vài cái cho nó qua giờ ăn sáng chứ còn quyền gì đâu ! ”. Tôi cũng tin rằng anh ta hỏi là hỏi chứ cũng biết thừa hoàn cảnh tôi nghèo lơ ra chứ có gì. Lê Đạt đầu cu gật khê — gật đầu kiểu này không phải là đồng ý. Cụ Tiên chép miệng : “ Bấy lâu nay tao chưa xem lại cái tiết mục Náo Long cung ! ” Thật ra lúc này tôi mới hiểu được rõ ý muốn của Cụ Tiên. Cách đây mấy năm, đoàn xiếc Tê Tê cấp nhĩ Trung Hoa có sang biểu diễn tại Nhà hát nhân dân ; trong đó có tiết mục “ Náo Long Cung ” gồm đủ loại thủy tộc, ba ba, lươn, ech nhào lộn. Từ đấy cửa hàng ăn Văn Phú mới đặt tên cho một thực đơn là “ Náo Long Cung ”. Tôi cũng đã có một vài lần được các ông anh Hoàng Cầm, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Cụ Tiên và cả Lê Đạt, cho đến dự tiết mục đó — ai trả tiền thì không nhớ.

¹ Lê Đạt, trong thời kháng chiến, là thư ký riêng của ông Trường Chinh, tổng bí thư Đảng cộng sản (chú thích của Diễn Đàn)

² Giới văn nghệ sĩ Hà Nội thường gọi đùa Văn Cao là Tiên chỉ.

Trước mặt nhau đây, thấy “Cụ Tiên” vui vẻ tôi mới dám chuyện trò cỏi mở. Với “Cụ Tiên” tôi vốn ngại, sợ thì đúng hơn. Bởi tôi biết “Cụ Tiên” có kèm một công tác đặc nhiệm³; và đã vài lần lập chiến công tuy thâm lặng nhưng hiển hách. Tôi có lần được Tử Phác nói cho biết chơi với cụ là vẫn phải cảnh giác. Vui vẻ đấy nhưng lỗ chuyện nọ xọ chuyện kia, “Cụ Tiên” cho là phạm vào “tín điều”, “đet” cho một cái, mình toi mạng! Bởi vậy, cũng như hôm nay, mỗi lần gặp “Cụ Tiên”, tôi chỉ giao tiếp lấy lệ để cụ khỏi mất lòng. Tôi vẫn tính bài lặng.

Phở chưa ăn, Văn Phú chưa quyết, chưa đi. Bỗng một loạt đại bác, chẳng biết từ đâu, chẳng biết vì sao, ầm ầm rung chuyển cả một không gian. Dưới chợ, trên đường huyện náo, người người đổ xô chen lấn, la hét, gà lợn chó má cũng kêu lên thất thanh. Kẻ chạy xuôi, người chạy ngược, xéo lên nhau mà chạy — bỏ của chạy lấy người — “Cụ Tiên” và Lê Đạt đã biến nẻo nào rồi?

Trong cơn kinh hoàng, hoảng loạn, một mình tôi bơ vơ, không biết nên chạy đi đâu. Tiếng nổ mỗi lúc một dữ dội tưởng như vỡ trái đất; tưởng như phụt núi lửa, tưởng như trời sập; tưởng như Trân Châu cảng hay Hiroshima. Cuồng phong, bão tố nổi lên tiếp tay cho tiếng nổ. Cây cối ngã nghiêng, đất trời chao đảo. Trên không trung, mây ngũ sắc xanh vàng tím đỏ vun vút như cờ thiên lôi từ bắc phương tràn xuống, từ tây phương đổ về. Vừa bay vừa đổi màu biến sắc. Tất cả gặp nhau, tùm lại, tạo một vòm trời đỏ như máu. Tôi đứng dưới vòm trời, ba hồn bảy vía chỉ may ra còn lại một hai.

Từ trên trời lao xuống, hay từ dưới đất trời lên, một trái núi — trái núi hình nón — có lẽ là ngọn tháp, tôi chưa kịp phân biệt. Thì cứ gọi là một ngọn tháp khổng lồ. Ngọn tháp rung rinh lay động. Trên đỉnh tháp là một tàn vàng choé loé, hơi giống mặt trời chiều lúc gần xuống núi; có phần sáng hơn mặt trời. Bên cạnh tàn vàng là một lá cờ đại; xung quanh lá cờ đại là hàng ngàn cờ nhỏ — đều màu đỏ rực. Từ cờ đại đến cờ nhỏ đều quay tròn. Diêm cờ không dính tua kim tuyến mà là lưỡi câu thép ngoại. Cờ tạo gió, gió nhân thành bão, thì ra do cờ bay mà có tiếng gầm rú hãi hùng như vậy. Tôi lạnh cả người, cầm sẵn trong tay một cái chết móc hàm.

Ngọn tháp mỗi lúc một to ra, cao lên, cờ cũng nhiều gấp bội. Có thể nói: đây mới đúng là rừng cờ, là nguồn sinh của cờ — cũng đều diêm lưỡi câu, cũng quay tít. Tôi đưa mắt nhìn kỹ thêm ngọn tháp, thấy từ chân tới đỉnh toàn người là người lớp nọ cười lên cổ lớp kia ngất ngư. Cái tháp người này sẽ là kỳ quan thú mầy của thế giới đây? — tôi nghĩ vậy — Thật là một sự kỳ lạ! Tạo được ngọn tháp này phải là các nghệ sĩ xiếc có hạng! Ai ở trên đỉnh chót nhĩ? — Tôi tự hỏi.

Thoắt một cái, chẳng biết từ đâu, người người lớp lớp đang chạy vòng quanh tháp — như đèn kéo quân. Chạy theo hướng cờ bay, chạy dưới bóng cờ. Từ chân tháp đổ ra không sao đếm xuể được số vòng trong, vòng ngoài là bao nhiêu. Tôi cũng là kẻ đang chạy vòng ngoài cùng. Tôi ngỡ ngàng không hiểu do sự sắp xếp nào mà tôi có mặt trong vòng chạy này? Làm sao tôi không biết? Vòng nào cũng đủ các loại người già, trẻ, đàn bà, đàn ông — bách tính tứ dân: sĩ, nông, công, cổ — nhiều nhất vẫn là dân áo vải, chân lấm tay bùn — hình như có cả tây lai. Người nào cũng cầm vũ khí từ tối tân đến thô sơ: tối tân đây là súng; nào là Rô-manh-tông, Mút-cô-tông, Anh-đô-si-noa, cả súng hoả mai;

nào là cuốc, xẻng, mai, thuổng, đòn càn, đòn gánh, nào là tay thước, dao quắm, mã tấu. Có cả mấy vị chú-bát-giới cũng vác cào lếch ếch, hoặc xích trượng; cả mấy vị áo chùng thâm vác thánh giá chạy vòng gần chân tháp. Trong đế của đại tháp, tôi thấy đủ mặt: ông anh đẹp giai tay cầm một côn đồ, viện trưởng, viện phó Viện múa rối. Cụ Tiên hai tay hai súng lục. Ông anh Tô Hoài, cả Hoàng Cầm, Lê Đạt cùng bao nhiêu người khác tôi đã từng gặp mặt ở chiến khu Việt Bắc; đều kết thành một khối tháp vững chắc sống động. Các vòng người đều nhất loạt hướng tai lên đỉnh tháp nghe lệnh sang sảng “*Kẻ thù phía trước! Kẻ thù phía trước!*”. Giữa người nọ với người kia nhất tề giữ đúng khoảng cách một tầm lê đâm trộm!

Đêm xuống lúc nào không biết. Đồ pha đen, không gian là một màu huyết dụ; một thứ mùi rờn rợn, tanh tanh như mùi thép rỉ vấy quanh. Tay tôi, chẳng biết ai đã trao cho một cái dùi gỗ, và tôi đã nhận làm vũ khí từ lúc nào? Dùi gỗ dài chừng nửa thước tây — bết máu. Chắc là chiến lợi phẩm thu được của kẻ thù tử trận. Ôi chao! Tôi nhìn gáy người phía trước tôi. Chẳng phải ai, chính là ông thầy học của mình. Trông vóc dáng của thầy, nhất là sau gáy có hai nốt ruồi đen, to liền nhau. Tôi khẽ lên tiếng: “*Phải thầy Đoàn đây không?*”. Thầy Đoàn giật mình, không dám ngoái đầu, không dám lên tiếng. Nước mắt tôi trào ra, cổ tôi nghẹn lại, tôi lại hỏi tiếp: “*Cung đây! Thầy còn nhận ra con không?*”. Thầy Đoàn lại giật mình, co cổ lại. Thầy Đoàn biết mình đang ở vị trí kẻ thù của tôi!!! Tôi bàng hoàng! Tôi đang là kẻ thù của ai phía sau tôi?!

Tôi bị trượt chân văng ra khỏi vòng hiểm họa, ngã xấp mặt, nhờ một “bãi cút cứu sinh”. Tôi đau ê ẩm, nhưng vô cùng sung sướng. Tôi định thần, để ghi nhớ công cứu sống tôi. Tôi nghĩ sau này tôi phải viết một bài “Cút tụng”. Dù có ai chê bai cũng đành chịu vậy thôi. Trong đầu tôi mới xuất được một tứ: “Cút không thêm với tay vịn gió đổi mùi; nguyện hồi thối hết mình để người đời khỏi ngộ nhận!...”

Tôi nằm ngơ; lúc này tôi mới nhận biết mình đang nằm trên đồng máu — máu chiến thắng kẻ thù đồng loại! Gió mặt đất va vào tai tôi những tiếng khóc thê thảm tập thể từ đâu vọng lại. Tôi nghiệp thầy Đoàn bây giờ ở đâu? Thầy Đoàn đang là kẻ thù của ai? — Tôi cầu khẩn đất trời ra tay cứu vớt để những đau thương tràn ngập được giải thoát. Lòng tha thiết bằng an của tôi có lừa dối tôi không? Chiêm bao trong chiêm bao — vậy hẳn là tội trẻ con mất dạy tinh nghịch bày trò chơi đại dột!

Chợt có tiếng từ đỉnh tháp dài sang sảng lói tai: “*Bắt lấy nó! Bấm nát thằng đào ngũ!*” Tôi sợ quá, cút máu đầy người vùng dậy chạy trốn. Tiếng súng ưu binh “chú chú” cùng tiếng chân huỳnh huych đuổi phía sau tôi. Nghe mỗi lúc một gần, tôi không dám quay đầu nhìn lại. Tôi cầm cổ chạy, hồm đá cheo leo, vực thẳm ngay trước mặt. Hàng ngàn vạn con rắn đỏ, rắn vàng, to bằng thân cây cau, dựng đầu, giương bành, múa đuôi ầm ầm như bão tố dưới vực. Cùng đường, trước mặt, sau lưng, hai cái chết rờn rợn! Vừa lúc lại một loạt đạn rít lên sát vành tai bên trái, tôi nghiêng đầu tránh đạn, xẩy chân đâm vút xuống vực, chỉ kịp rú lên một tiếng “*Trời!*”. Tôi giật mình choàng tỉnh!

Hà Nội, 9-1959

PHÙNG CUNG

³ Trong thời kỳ Cách mạng tháng 8 (1945), Văn Cao tham gia Đội ám sát (chú thích của ĐĐ)